



# THÔNG LUẬN<sup>®</sup>

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons, France  
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359  
Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Vấn đề trong tháng

## Hà Nội chuẩn bị tiếp đón Giang Trạch Dân

Nếu không có thay đổi đột ngột thì trong tháng 11 này chủ tịch đảng cộng sản và nhà nước Trung Quốc, Giang Trạch Dân, sẽ tới Hà Nội.

Giang Trạch Dân sẽ đến Hà Nội với một thái độ trang trọng bởi vì ông có nhiều lý do để cư xử như vậy. Trước hết là vì cho tới nay các cấp lãnh đạo cộng sản Việt Nam luôn bày tỏ một thái độ quy lụy của kẻ dưới. Sau đó là vì Trung Quốc đang ở thế áp đảo trong cuộc tranh chấp với Việt Nam. Khi ở thế một mặt phải đương đầu, một mặt phải năn nỉ để tránh đụng độ thì Hà Nội quả nhiên ở trong một vị thế rất khó khăn. Hà Nội phải trông đợi ở lòng tốt của ông Giang Trạch Dân, nhưng lòng tốt ấy ông Giang Trạch Dân không có mà có lẽ cũng không dám có.

Trung Quốc coi Trường Sa và Hoàng Sa là của họ. Họ đã quá nhiều lần khẳng định như vậy và với thời gian lập trường này đã thành một đồng thuận trong giới lãnh đạo Trung Quốc. Đặng

Tiểu Bình sắp chết và cuộc tranh quyền kế vị tại Trung Quốc đã bắt đầu. Giang Trạch Dân là nhân vật có nhiều hy vọng nhất để thừa kế quyền lực của Đặng Tiểu Bình, ông không có lý do gì để làm phương hại tới chỗ đứng của ông bằng cách nhượng với Hà Nội, nhất là khi ông không có lý do để phải nhượng.

Giang Trạch Dân sẽ thảo luận những gì với cấp lãnh đạo tại Hà Nội?

Vấn đề cốt lõi sẽ được bàn tới là cuộc tranh chấp về lãnh hải và chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Về lãnh hải trong vùng Vịnh Bắc Việt, mục tiêu của Giang Trạch Dân là chính thức hóa một nhượng bộ mà trên thực tế Hà Nội đã làm. Dưới thời Pháp thuộc, do áp lực của Pháp, Trung Quốc đã chấp nhận một qui định lãnh hải có lợi cho Việt Nam. Từ hai mươi năm nay Trung Quốc đã tuyên bố là họ không nhìn nhận qui định đó và đã đơn phương hành sử như vậy, và Hà Nội đã làm ngơ. Điều đáng nói là Hà Nội sẽ không thể đòi Trung Quốc một thái độ nhượng bù lại trong các vùng Hoàng Sa và Trường Sa. Thái độ của Giang Trạch Dân có thể đoán trước: ông ta khẳng định là Hoàng Sa và Trường Sa là của Trung Quốc và ông ta sẽ viện dẫn nhiều văn kiện của Hà Nội, đặc biệt là công hàm ngày 14-9-1958 của ông Phạm Văn Đồng để nói rằng vấn đề đã được giải quyết vì đã có thỏa thuận giữa đôi bên.

Hoàng Sa là quần đảo của Việt Nam ở ngoài khơi Đà Nẵng bị Trung Quốc đánh chiếm vào tháng 1-1974. Lúc đó vì Hoàng Sa thuộc Việt Nam Cộng Hòa, Hà Nội đã không lên tiếng phản đối. Sự im lặng này được Trung Quốc coi như một sự tán thành.

Có lẽ Hà Nội sẽ không đặt vấn đề Hoàng Sa ra nữa và trong thâm tâm họ cũng không còn nuôi hy vọng có thể lấy lại, dù chỉ là một phần, quyền lợi tại vùng Hoàng Sa. Điều mà Hà Nội mong muốn là Trung Quốc đừng lấn tới nữa tại Trường Sa. Trước đây, Trung Quốc không có một hiện diện nào tại vùng Trường Sa. Bốn nước có mặt và tranh chấp nhau tại đây là Indonesia, Philippines, Đài Loan và Việt Nam. Năm 1989, Trung Quốc bắt ngờ đem hải quân đến đánh chiếm khoảng mười hòn đảo nhỏ của Việt Nam và bắt đầu từ đó họ mới có mặt tại Trường Sa. Một cuộc thương thuyết đứng đắn đáng lẽ phải đặt vấn đề hoàn trả những hòn đảo của Việt Nam bị Trung Quốc đánh chiếm, nhưng với thế yếu hiện nay điều mà Hà Nội hy vọng chỉ là Trung Quốc đừng lấn chiếm thêm nữa, và nhất là đừng đơn phương tuyên bố chủ

### Trong số này

- |  |                  |
|--|------------------|
| 1. Hà Nội chuẩn bị tiếp đón...           | Thông Luận       |
| 3. Bom nguyên tử và Khổng Tử             | Huỳnh Hùng       |
| 4. Quan hệ Việt Trung                    | Phùng Nguyên     |
| 10. Hai giải hoà bình Nobel              | Trần Bình Nam    |
| 11. Dân tộc Việt Nam trước v.d. tôn giáo | Nguyễn Huy Bảo   |
| 14. Ngành an ninh và quyền công dân      | Bùi Tín          |
| 15. Thư gửi G.S. Phan Đình Diệu          | Hà Sĩ Phu        |
| 17. Chính quyền CS khống chế Vovinam     | Trần Nhân Võ     |
| 18. Người Công giáo Việt Nam...          | Thanh Hà         |
| 20. Tập kịch Xuân Hồng                   | Thụy Khuê        |
| 21. Dương Thu Hương                      | Quản Mỹ Lan      |
| 23. Những nhà ngoại giao Anh...          | Nguyễn Anh Tuấn  |
| 26. Thời sự - Tin tức                    |                  |
| 30. Độc giả viết                         |                  |
| 31. Tập ghi                              | Nguyễn Gia Kiêng |
| 32. Sổ tay: Hiến chương văn hoá          | Phù Du           |

quyền và cho đấu thầu thăm dò dầu trên vùng biển vẫn được coi là của Việt Nam, như họ đã từng làm với công ty Crestone của Mỹ. Khi hai bên tranh chấp nhau mà bên này tin chắc rằng nếu có dụng độ mình sẽ thắng, còn bên kia tin chắc rằng mình sẽ thua thì không thể có thảo luận đúng nghĩa.

Ngoài lực lượng hải quân áp đảo, Trung Quốc còn một vũ khí bất ngờ khác đó là miền thượng du Bắc Việt. Tại đây có rất nhiều sắc tộc thiểu số mà Hà Nội, một phần vì chính sách thiển cận, một phần vì ngan sách eo hẹp đã không thỏa mãn được. Các sắc tộc này tuy từ trước vẫn thuộc Việt Nam nhưng cũng có rất nhiều quan hệ với Trung Quốc, và gần đây lại càng gắn bó hơn với Trung Quốc do phong trào buôn lậu. Trung Quốc có khả năng mua chuộc và sách động các sắc tộc này để gây hỗn loạn cho cả một vùng rộng lớn tại miền Bắc Việt Nam.

Những sôi động tại Trường Sa làm cho nhiều người quên rằng vấn đề biên giới phía Bắc còn nhức nhối hơn. Nếu không kiểm soát được buôn lậu qua biên giới thì hàng lậu Trung Quốc sẽ tràn ngập và bóc chết công nghiệp tiêu dùng của Việt Nam, còn nếu ra tay ngăn chặn buôn lậu thì Hà Nội sẽ gặp sự chống đối của các sắc tộc ít người được sự khuyến khích và hỗ trợ của Trung Quốc, và của ngay cả các thành phần bộ đội, công an và dân chúng đang làm giàu bằng buôn lậu.

Tóm lại cuộc đàm phán giữa Giang Trạch Dân và cấp lãnh đạo tại Hà Nội chỉ có thể là một cuộc đàm phán không cân xứng. Đó là cuộc đàm phán giữa một kẻ mạnh vừa có khả năng lấn áp vừa có quyết tâm lấn áp và một kẻ yếu không có khả năng kháng cự và cũng không có ý chí để kháng cự. Phải bùi ngùi mà tiên đoán rằng kết quả chỉ có thể thua thiệt cho nước ta.

Đây cũng là dịp để chúng ta suy nghĩ về một lập trường với Trung Quốc.

Dĩ nhiên chúng ta phải sống chung hòa bình với Trung Quốc và phải cố gắng để có quan hệ tốt với Trung Quốc. Quá nhiều soi dấy ränge buộc ta với Trung Quốc. Về huyết thống, nói chung, ta không khác người Trung Hoa là bao. Chúng ta chia sẻ nền văn minh Trung Hoa. Mỗi liên lạc chủng tộc và văn hóa đó tự nó đã là một lý do để hai nước sống chung hòa bình với nhau. Chúng ta cũng không có lý do nào và cũng không có ích lợi nào để bất hòa với một láng giềng lớn mạnh. Điều đáng tiếc là Trung Quốc vẫn chưa chấm dứt được hai tâm lý cổ hủ của họ là tranh bờ lấn cõi và bá quyền kẻ cả. Muốn sống chung hòa bình với một láng giềng như vậy không gì bằng "kính nhi viễn chí" tránh những nguyên nhân xung đột.

Trong nhiều thế kỷ chúng ta đã là một thuộc địa văn hóa, khi không phải là một thuộc địa hoàn toàn, của Trung Quốc, chúng ta luôn luôn bắt chước người Tàu và đi sau họ một bước. Nhưng ngày nay chúng ta không còn gì để học hỏi ở họ cả.

Về khoa học kỹ thuật, Trung Quốc là một nước thiếu mỏ mang, trong cố gắng phát triển chúng ta có nhiều nước khác để học hỏi hơn.

Về bản chất, Trung Quốc vẫn chưa ra khỏi chế độ quân chủ. Hệ thống nhà nước và ngay cả hệ thống đảng cầm quyền vẫn không là gì cả trước mặt một hoàng đế kiêu mới. Hoàng đế đó là Tưởng Giới Thạch, rồi Mao Trạch Đông, và bây giờ Đặng Tiểu Bình. Chính cái bản chất quân chủ đó đã khiến Mao Trạch Đông, dù chỉ suốt ngày mặc quần áo ngủ đi lại quanh quẩn trong cung điện, có thể bắt giam mà không cần truất phế chủ tịch nhà nước

Lưu Thiếu Kỳ và tiêu diệt đa số các cấp lãnh đạo đảng trong cuộc Cách Mạng Văn Hóa. Chính cái bản chất quân chủ đó đã cho phép Đặng Tiểu Bình tiêu ngạo giang hồ không giữ một chức vụ nào cả mà vẫn nắm trọn quyền định đoạt vận mệnh của Trung Quốc. Chính lúc này là lúc Trung Quốc đang trải qua một cuộc chuyển hóa rất lớn. Đặng Tiểu Bình sẽ là vị hoàng đế cuối cùng. Nhưng ra khỏi chế độ quân chủ, Trung Quốc sẽ theo mô hình nào vẫn còn là một nghi vấn. Điều chắc chắn là giới lãnh đạo Bắc Kinh chưa có đường hướng. Họ đang khôi phục lại một số giá trị cũ của Khổng Giáo, sau khi chủ nghĩa Mác-Lênin bị lố bịch hóa, để làm chỗ dựa cho chế độ độc tài bất chấp sự thực phù phàng là chính khuôn mẫu Khổng giáo đã khiến Trung Quốc dâm chán tại chỗ trong hơn hai ngàn năm để rồi bị thoái hóa như ngày nay.

Một thế kỷ rưỡi trước đây chúng ta đã mất nước vì cố bám vào khuôn mẫu Trung Hoa đang thoái hóa, không thể nào lùn này chúng ta theo chân Trung Quốc để đi vào một ngõ cụt và một thảm kịch khác. Giữ một thái độ hòa hoãn đồng thời quyết tâm tách rời khỏi quỹ đạo Trung Quốc là chọn lựa duy nhất cho Việt Nam.

Chúng ta không phải hoàn toàn bất lực và cô đơn, dân tộc ta cũng không chia rẽ trong thái độ đối với Trung Quốc. Không một người Việt Nam dù cộng sản hay chống cộng không ý thức được rằng chính sách bá quyền khu vực của Trung Quốc là một đe dọa lớn cho Việt Nam. Nếu chúng ta thực hiện được đoàn kết dân tộc thì chúng ta sẽ có sức mạnh để đương đầu với áp lực của Trung Quốc. Đoàn kết dân tộc sẽ cho phép chúng ta phục hồi lòng yêu nước và tinh thần trách nhiệm nơi mọi người, giải quyết được phong trào buôn lậu tại các tỉnh biên giới phía Bắc mà không gây ra xung đột nội bộ để Trung Quốc có thể lợi dụng.

Mỗi lo ngại trước chính sách bành trướng bá quyền của Bắc Kinh không phải là của riêng chúng ta mà còn được chia sẻ bởi nhiều nước trong vùng và các cường quốc. Việt Nam có thể được bênh vực để đương đầu với những chèn ép của Trung Quốc nếu được nhìn như một quốc gia thực sự yêu chuộng hòa bình và có đường lối phù hợp với thế giới văn minh. Ngược lại nếu tiếp tục theo đuổi làm đàn em Trung Quốc thì thế giới sẽ chỉ nhìn những xung đột giữa Trung Quốc và Việt Nam như những đụng chạm nội bộ giữa một đàn anh và một đàn em. Hậu quả của chính sách theo chân Trung Quốc là chúng ta đã mất Hoàng Sa, một phần Trường Sa và một phần đáng kể thị trường hàng tiêu dùng. Trong tương lai chúng ta còn có thể mất nhiều hơn nữa.

Để nói một cách thật giản dị Việt Nam phải chuyển mình để có một khuôn mặt khả ái trước thế giới và để trở thành một nước bạn, nếu không muốn nói là đồng minh - của Phương Tây và Nhật trong vùng. Nhưng nếu muốn như thế thì Việt Nam phải thực lòng chấp nhận những giá trị thiết thân đối với Phương Tây và Nhật và đã tạo ra sức mạnh của họ. Hơn nữa trong khi các nước Châu Á còn đang lấn cấn giữa những giá trị cũ và mới một chọn lựa dứt khoát như vậy còn là cách giúp ta bắt kịp những chậm trễ hiện nay.

Nếu chúng ta thực hiện được đoàn kết dân tộc, nếu chúng ta tranh thủ được tình bạn và sự hỗ trợ của các nước Phương Tây và Nhật... Tất cả những cái đó đều có vẻ quá to lớn, nhưng thực ra có giải đáp, và giải đáp không khó. Đó là dân chủ hóa.

## Bom nguyên tử và Khổng Tử

Ngày 7-10-1994, Trung Quốc thành công cuộc thử nguyên tử lần thứ ba trong năm 1994. Quả bom này được xem là mạnh nhất đối với các cuộc thử vừa qua, có thể tương đương đến mươi hai lần trái bom đã nổ tại Hiroshima. Gần đây, sau khi đã tối tân hóa không thủy lực bằng cách "tập" các máy bay Sukhoi SU27, Mig 31 của Nga, hàng không mẫu hạm Varyag của Ukraine, với cuộc thí nghiệm nguyên tử này Trung Quốc đã thực hiện cuộc hiện đại hóa quân sự, được xếp vào hàng thứ bốn trong chính sách "tự hiện đại hóa" của lãnh tụ Đặng Tiểu Bình. Một cách khác, Trung Quốc gián tiếp ca tụng vị lãnh tụ già nua này đã hoàn thành sứ mệnh trước khi lìa đời. Ngay sau đó, ngày 14-10-1994, Bắc Kinh đã phản đối Việt Nam và cho rằng Việt Nam đã trắng trợn vi phạm chủ quyền Trung Quốc khi mở cuộc đấu thầu với các công ty ngoại quốc, tại Houston và London, để khai thác tài nguyên Vịnh Bắc Việt. Cũng trong thời gian này một cuộc thao diễn đổ bộ đã được tổ chức trên một hòn đảo rất gần Đài Loan.

Các biến cố quân sự này đã không làm cho các quan sát viên quốc tế không để ý đến một biến cố khác xảy ra vào đầu tháng mười tại Trung Quốc. Đó là lễ mừng 2545 năm ngày sinh của Khổng Tử. Một nhà tư tưởng đã ảnh hưởng sâu đậm trong các xã hội Đông Nam Á và cũng là người mà Mao Trạch Đông đã kêu gọi các "Vệ binh đỏ" hãy đả phá cách đây ba chục năm.

Các biến cố trên tuy ngoài mặt không có một liên quan mật thiết, nhưng thật ra có cùng một mục tiêu. Đó là mục tiêu củng cố quyền lực của đảng cộng sản Trung Quốc và xuyên qua đó quyền lực của giai cấp cầm quyền đã mất đi tất cả huyền thoại chính thống từ ngày chế độ cộng sản tại Liên Xô cũ và Đông Âu phả sản và biến cố đẫm máu Thiên An Môn.

Muốn thấy mối liên quan này, phải nhìn lại lịch sử Trung Quốc và chủ trương của Khổng Tử đối với chính trường bấy giờ.

Khổng Tử sống vào cuối đời Xuân Thu (722-479), thời mở màn cho thời Chiến Quốc, thời loạn lạc nhất của nhà Đông Chu, thời đại mà các sứ giả cho là thời "không dùng uy quyền thì không đứng được, không dùng thế lực thì không thi hành được chính trị". Đọc lại lịch sử thời này, chúng ta có thể nhận thấy hai điểm giống với tình hình Trung Quốc hiện nay.

Trước hết, những cải cách ruộng đất từ chế độ công điền, thực áp sang chế độ tự do khai khẩn đã cho phép một hạng bình dân thành phú gia. Trước kia, nhân dân ta thán bợn chủ điền không cày không cấy mà lúa chứa đầy vụa. Nước Tần, một trong "thất hùng" nhà Chu, một trong bảy nước chư hầu mạnh nhất vì đất rộng và tài nguyên nhiều, dùng chủ trương của tướng quốc

Thương Uống cho nhân dân tự do khai khẩn, đã tạo ra một thành phần đông đảo tư sản trong dân gian. Một khi đã "no cơm ấm cật", không còn chạy đua vật lộn với miếng cơm, manh áo thì con người có những đòi hỏi càng ngày càng lớn để vươn lên trong nấc thang xã hội. Một trong những đòi hỏi là không chấp nhận một chế độ mục nát, xuống dốc hiện hành và đi xa hơn nữa là những đòi hỏi chia sẻ quyền lực. Những mâu thuẫn trong xã hội do đó càng ngày càng lớn.

Thương mại cũng phát triển mạnh. Các thành phố như Hàm Dương ở Tần, Lâm Tri ở Tề, Hàm Đan ở Triệu, Đại Lương ở Ngụy là những thành phố phát đạt về buôn bán. Dân chúng ở thôn quê về các thành phố trên làm ăn tạo nên một hạng thị dân chỉ biết mài lụa của đồng tiền. Các phú thương càng ngày càng có thế lực, ra tay mua quan tước, tham gia chính trị để củng cố quyền lực của mình. Một số thương gia danh tiếng được sử sách ghi lại như Y Đốn (người nước Lỗ thời Xuân Thu), Bạch Khuê (người nước Ngụy thời Chiến Quốc), Phạm Lãi, Đoàn Mộc Tử (Tử Cống). Có lẽ không những chỉ bằng lòng với những cuộc mua quan, bán tước, lại còn có tham vọng mua bán vua nữa, như Lã Bát Vi.

Trước cảnh loạn lạc thời Đông Chu, những học giả, tư tưởng gia, triết gia nổi tiếng tự đặt câu hỏi: làm thế nào để vãn hồi trật tự? Có hai trường phái. Một trường phái cho rằng chế độ nhà Chu đã quá mục nát, cần phải lật đổ để thiết lập một chế độ mới. Đây là chủ trương của Đạo gia và Pháp gia. Một trường phái khác cho rằng phải duy trì chế độ cũ, tăng cường uy quyền của thiên tử nhà Chu và các chư hầu có bổn phận phải phục tùng. Đây là chủ trương của Khổng Tử.

Xã hội Trung Quốc hiện nay, từ ngày Đặng Tiểu Bình chủ trương "Tự hiện đại hóa", đã cho phép xuất hiện một thành phần đông đảo tư sản, doanh nhân có quyền ăn nói, không như trước kia chỉ có đảng viên nhân danh vô sản độc quyền lãnh đạo đất nước trong mọi lãnh vực. Chính quyền trung ương, nhất là từ ngày chế độ cộng sản tại Liên Xô cũ và Đông Âu phả sản và biến cố đẫm máu Thiên An Môn, có những dấu hiệu lúng túng trong vai trò lãnh đạo vì đã mất chính thống về mặt tư tưởng và chính trị. Xã hội càng ngày càng băng hoại vì nạn hối lộ, giết người, cướp của, đâm đe dọa. Tư tưởng thay đổi chế độ càng ngày được bành trướng. Đây là chủ trương lật đổ nhà Chu vô cùng nguy hiểm cho chế độ. Dem Khổng Tử ra, người đã chủ trương tăng cường uy quyền thiên tử nhà Chu, để tăng cường chế độ thì không còn gì hay bằng.

Huỳnh Hùng

Theo nguồn tin thông thạo, Giang Trạch Dân, chủ tịch nhà nước Trung Quốc sẽ viếng thăm Việt Nam vào tháng 11 năm nay. Có thể nói đây là lần đầu tiên kể từ khi hai nước "XHCN" được thành lập, một nhân vật đầu não Trung Quốc chịu bước chân đến Việt Nam. Về phía Việt Nam, các nhà lãnh đạo đã nhiều lần sang Bắc Kinh trong 45 năm qua như các ông Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, Lê Đức Anh không kể những chuyến đi của nhiều nhân vật quan trọng khác. Trái lại Mao Trạch Đông, Hoa Quốc Phong, Đặng Tiểu Bình chưa bao giờ viếng thăm chính thức Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, hay Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Ông Lưu Thiếu Kỳ, chủ tịch nhà nước Trung Quốc có viếng thăm Hà Nội tháng 5-1963, nhưng ông ta lúc đó chỉ là nhân vật số 2 trước khi bị giáng chức năm 1966. Ông Đặng Tiểu Bình có sang Việt Nam lúc này còn là một cán bộ cấp thấp phải lẩn trốn trong những năm... 1929!

Điều này chứng tỏ quan hệ giữa hai nước ở vào trường hợp bất thường nếu không nói là xung đột. "Bài học" của Trung Quốc cho Việt Nam trong tháng 2-1979 đã dẫn chứng điều đó.

Từ tháng 11-1991, sau chuyến công du Bắc Kinh của hai nhà lãnh đạo Việt Nam Đỗ Mười và Võ Văn Kiệt, quan hệ của hai nước bước sang một giai đoạn mới là bình thường hóa bang giao giữa đảng và nhà nước mặc dù các tranh chấp về lãnh thổ vẫn còn ở lục địa cũng như ở ngoài thềm lục địa.

Trong bài này, chúng ta thử tìm hiểu tại sao quan hệ Việt-Trung có nội dung tranh chấp và triển vọng quan hệ này sẽ ra sao.

### I. Ngược dòng lịch sử

Trong lịch sử bang giao của hai nước, tình hữu nghị Việt-Trung trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm phức tạp. Trong suốt hai ngàn năm, gần một ngàn năm bị đô hộ, một ngàn năm liên tục chống giặc xâm lăng từ phương Bắc, các vua chúa Việt Nam biết xúm mình nhỏ ở gần bên cạnh một nước lớn lúc nào cũng khôn khéo áp dụng một chính sách vừa mềm dẻo trong sự tìm kiếm những tạm ước (modus vivendi) với Trung Quốc, vừa cứng rắn trong sự bảo vệ bản sắc dân tộc và chủ quyền. Chính sách mềm dẻo của các vua chúa Việt Nam bao gồm nhiều hình thức từ bao dung rộng lượng đến khiêm tốn và cống lễ. Vua Lê Lợi sau khi thắng quân Minh đầu thế kỷ 15 (1427) theo lời khuyên của đại thần Nguyễn Trãi, đã cho 500 thuyền, nhiều ngàn ngựa và thức ăn để quân Minh bại trận trở về nước (Lê Thành Khôi, *Histoire du Vietnam*, trang 214). Cuối thế kỷ 18, Vua Quang Trung Nguyễn Huệ, sau khi tiêu diệt quân Thanh chiếm đóng Việt Nam, đã hăm dọa đòi lưỡng Quảng (Quảng Đông và Quảng Tây), nhưng cuối cùng đã cho người cháu giả mạo sang triều Thanh cầu hòa và trấn tĩnh về vụ xung đột binh đao giữa hai xứ là do "hiệu làm". Vua Quang Trung giải thích thái độ của mình với quần thần như sau: "Trung Quốc mười lần lớn hơn xứ ta, trăm sợi rắng sau khi thất bại, Trung Quốc vì tự ái sẽ tìm cách phục thù, chiến tranh sẽ làm cho dân đau khổ" (Lê Thành Khôi, sđd, trang 133). Thái độ của hai vua Lê Lợi và Quang Trung thật là vừa rộng lượng vừa khôn ngoan thiết thực.

Nói chung, trong việc bang giao với Trung Quốc, các vua chúa Việt Nam đã tỏ ra khiêm tốn và chấp nhận cống lễ Trung Quốc. Nhưng khiêm tốn và cống lễ không có nghĩa là tùng phục Trung Quốc mà là áp dụng một chính sách khôn khéo trong việc giao thiệp với một nước láng giềng lớn. Vì vậy, tuy đã xưng Đế trong xứ, các vua chúa Việt Nam chỉ xưng Vương đối với các Hoàng đế Trung Quốc.

Còn việc cống lễ, các sứ giả đều đồng ý coi đó là một hành vi văn hóa hơn là một hành động chính trị. Quy chế cống lễ chỉ giới hạn trong quan hệ giữa hai vua - chứ không phải giữa hai nước - với nội dung là sự nhinnie nhận địa vị ưu thế của vua Trung Quốc. Lại nữa, quy chế này thực chất chỉ là một nghi lễ xã hội-chính trị, một "trò chơi" trao đổi biểu trả có tính cách biểu tượng giữa bá chủ và chư hầu, bá chủ nhiều khi phải biểu chư hầu nhiều hơn những gì đã nhận!

Nói như vậy không có nghĩa là Trung Quốc không có mộng bá quyền đối với các nước chư hầu. Đối với Việt Nam, mỗi khi thay đổi triều đại, Trung Quốc thường cho quân xâm chiếm Việt Nam. Nhờ có địa hình hiểm trở, dân chúng đầy nhiệt tình chống ngoại xâm, Việt Nam đã đẩy lui được các cuộc xâm chiếm này. Từ suốt thời phong kiến đến nay, tình hữu nghị Việt-Trung được một chuyên gia báo chí Ấn Độ Nayan Chanda nhận xét một cách khá sâu sắc: "*Tình hữu nghị Việt Nam đối với Trung Quốc vừa có tình, có hận vừa có tình cảm tự hào vừa có mặc cảm tự ti, vừa dùng cảm vừa thực tế*" (*Les deux frères ennemis*, Presses du CNRS, 1987, trang 110).

Từ đệ nhị thế chiến tới nay, tình hữu nghị Việt-Trung không thoát khỏi sức nặng của lịch sử mặc dù về phương diện ý thức hệ hai xứ là "anh em" trong khối XHCN. Trước khi có tranh chấp vũ lực trong năm 1979, tình hữu nghị hai xứ đã trải qua nhiều thử thách lớn lao nhưng hai nước vẫn che giấu sự thật không cho nhân dân mình biết. Trên hai báo Nhân Dân, lúc nào cũng thấy nói "hai nước khăng khít như mồi với răng" hoặc "nhân dân hai nước là những người anh em cùng chia bùi sẻ ngọt" (Hoàng Văn Hoan, *Giọt nước trong biển cả*, 1986, trang 385). Sự thực hoàn toàn khác hẳn. Các chế độ độc tài rất sợ dư luận quần chúng. Các nhà lãnh đạo Việt Nam cũng đã che giấu, bưng bí quan hệ xấu giữa Việt Nam và tập đoàn diệt chủng Pol Pot. Sau này khi chiến tranh bùng nổ giữa hai nước, bạch thư của Bộ ngoại giao Việt Nam đã dùng 40.000 chữ để dẫn chứng "Trung Quốc đã ba lần phản bội Việt Nam, lần sau độc ác và bẩn thỉu hơn lần trước và đã dùng Việt Nam làm công cụ cho sự bành trướng bá quyền của Trung Quốc" (Bạch thư Sự thật về quan hệ Việt Nam-Trung Quốc trong 30 năm qua, Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội 1979). Điều lạ là tại sao các nhà lãnh đạo Việt Nam đã "sáng suốt" thấy rõ như vậy mà phải đợi tới năm 1979 mới lên tiếng? Binh luận bạch thư của Hà Nội, Bắc Kinh đã trả đũa, với 8.000 chữ, trách tập đoàn Hà Nội với Lê Duẩn "vong ân bội nghĩa, đã phản bội tình nghĩa anh em trong khi Bắc Kinh đã viện trợ hơn 20 tỷ USD cho Hà Nội từ 1945 đến 1975 và đã gửi trên 320.000 quân giúp Việt Nam từ tháng

giêng 1965 đến tháng 3-1968 trong thời gian chống Mỹ" (A propos du Livre Blanc du Ministère vietnamien des Affaires étrangères sur les relations Vietnam - Chine, Editions en Langues étrangères, Beijing, 1979).

## II. Lý do xung đột Hà Nội - Bắc Kinh

Như trên đã thấy, sự xung đột giữa hai thủ đô, theo Hà Nội, đã phát xuất vài năm sau khi Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc được thành lập vào năm 1949. Hà Nội cho là sự phản bội lần thứ nhất của Trung Quốc đã xảy ra tại Hội nghị về Đông Dương, ở Genève, năm 1954.

Lập trường của Hà Nội lúc đó là đi tới giải pháp hoà chinh: định chỉ chiến sự trên toàn bán đảo Đông Dương đi đôi với giải pháp chính trị hàn thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước ở Đông Dương. Trung Quốc trái lại chỉ muốn chấm dứt chiến tranh theo kiểu Triều Tiên nghĩa là chia đôi thành hai miền Nam Bắc mà không có giải pháp chính trị.

Hà Nội giải thích việc mình chấp nhận giải pháp Triều Tiên với tổng tuyển cử trên cả nước, sau hai năm, "xuất phát từ truyền thống yêu chuộng hòa bình, theo xu thế chung giải quyết các vấn đề tranh chấp bằng thương lượng và trong tình thế bị Trung Quốc ép buộc" (Bách thư, sđd, trang 35). Sử gia người Pháp, ông F. Joyaux, nghiên cứu khá tỉ mỉ Hội nghị Đông Dương, trong quyển "La Chine et le règlement du premier conflit d'Indochine" xuất bản năm 1979 cũng đi đến kết luận tương tự (bị Trung Quốc ép buộc). Ông ta còn cho biết thêm là phái đoàn Trung Quốc do Chu Ân Lai, Trương Văn Thiện, Lý Khắc Nông, Vương Bình Nam và Kiều Quan Hoa đã nhiều lần gặp riêng các phái đoàn Pháp, Anh, Liên Xô với dụng ý nâng cao vai trò Trung Quốc ở chính trường thế giới. Bù lại, họ sẽ làm áp lực để phái đoàn Việt Minh nhượng bộ. Về phía Liên Xô, Molotov cũng làm áp lực với phái đoàn Việt Minh do ông Phạm Văn Đồng hướng dẫn. Lý do là lúc đó, Cộng đồng Âu Châu đang định thành lập một khối quân sự Âu châu (CED) do Pháp chủ trương.

Như vậy, Cộng hòa Liên Bang Đức sẽ được tái vũ trang, điều mà Molotov rất lo ngại. Kết quả của sự mua bán nói trên là sau đó không còn ai nói tới việc thành lập CED nữa. Theo ông F. Joyaux, phái đoàn của ông Phạm Văn Đồng chấp nhận vĩ tuyến 17 làm giới tuyến tạm thời sau cuộc gặp gỡ giữa các ông Hồ Chí Minh, Hoàng Văn Hoan và Chu Ân Lai, Kiều Quan Hoa ở biên giới Việt Trung từ ngày 3 đến ngày 5-7-1954. Ông F. Joyaux không cho biết rõ nội dung của cuộc gặp gỡ, chỉ nói rằng áp lực về kinh tế của Trung Quốc rất có hiệu quả vì sau khi Chu Ân Lai về Bắc Kinh, ngày 7-7-1954, ba Hiệp định thư (Protocoles) về kinh tế và thương mại đã được ký kết giữa Việt Nam và Trung Quốc. Sau khi Hiệp định đình chiến về Đông Dương được ký kết tại Genève ngày 20-7-1954, Chu Ân Lai tổ chức một bữa ăn tối ngày 22-7-1954 và mời "bốn nước" ở Đông Dương dự. Trên bàn Chu Ân Lai, "vô tình" có Ngô Đình Luyện (cựu ngoại trưởng Trần Văn Đỗ, trưởng phái đoàn miền Nam, khước từ lời mời của Chu Ân Lai), Phạm Văn Đồng và Tạ Quang Bửu. Chu Ân Lai đã gợi ý với Ngô Đình Luyện việc đặt một lãnh sự quán miền Nam Việt Nam ở Bắc Kinh (F. Joyaux, sđd, tr.296).

Dù miền Nam bác bỏ ý kiến đó nhưng Hà Nội cho đó là "bằng chứng của Bắc Kinh đã lộ rõ ý muốn chia cắt lâu dài nước Việt Nam" (Bách thư, sđd, trang 41).

Trong thời gian từ 1954 đến 1969, Hà Nội dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, cố gắng giữ thế quân bình, khi thì đứng về phía Liên Xô, khi thì nghiêng về bên Trung Quốc trong cuộc tranh

chấp giữa hai xứ này về ý thức hệ và vai trò lãnh đạo "cách mạng thế giới".

Cuộc tranh chấp giữa Mát-cơ-va và Bắc Kinh phát sinh từ bản báo cáo về tội ác của Stalin do Krutchev đọc trước Đại hội XX của đảng Cộng sản Liên Xô (1956). Bắc Kinh dĩ nhiên lên tiếng bênh vực Stalin, không phải vì Bắc Kinh thương yêu gì nhà độc tài khát máu này mà vì sợ sự tôn sùng cá nhân của Mao Trạch Đông bị lây ảnh hưởng.

Người ta còn nhớ là Stalin đã coi thường đảng Cộng sản Trung Quốc từ lúc thành lập năm 1921 ở Thượng Hải và còn bắt chết đảng này phải hợp tác với Quốc Dân Đảng lúc Tôn Dật Tiên còn sống và sau đó với Tưởng Giới Thạch, năm 1936, mặc dù trước đó Tưởng đã giết hại không biết bao nhiêu người cộng sản. Hà Nội cũng rất bối rối trong vấn đề này vì Stalin đã là người "anh cả" của thế giới vô sản.

Tháng 7-1960, Krutchev cho rút toàn bộ chuyên gia Liên Xô ở Trung Quốc về nước. Tháng 8, ông Hồ Chí Minh cùng Hoàng Văn Hoan và Xuân Thủy sang Mát-cơ-va với ý định thuyết phục Krutchev duy trì quan hệ hữu nghị với Trung Quốc nhưng bất thành. Ông Hoàng Văn Hoan cho biết: "Trong thời gian này, Hồ chủ tịch vẫn chủ trương phải bảo vệ uy tín của Liên Xô, vẫn xem Liên Xô là "người anh cả" trong phong trào cộng sản quốc tế, vẫn chủ trương phải đoàn kết Liên Xô, đoàn kết Trung Quốc và đoàn kết phe xã hội chủ nghĩa" (Hoàng Văn Hoan, sđd, trang 376).

Về điểm này, Bùi Tín, cựu phó tổng biên tập báo Nhân Dân, trong quyển "Hoa Xuyên Tuyết" xuất bản ở Hoa Kỳ năm 1991, cho rằng đảng cộng sản Việt Nam lúc đó chia ra nhiều khuynh hướng khác nhau trong cuộc tranh luận về phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Thái độ mập mờ của Bí thư thứ nhất Lê Duẩn cho thấy điều đó. Ông Bùi Tín viết: "lúc đầu ông đã có chủ trương tán thành nội dung Đại hội XX của đảng Cộng sản Liên Xô, lén án tệ sùng bái cá nhân Stalin và tán thành đường lối chung sống hòa bình do Krutchev khởi xướng. Về sau chính Lê Duẩn đã chủ trương ngả về phía Trung Quốc và lôi cuốn cả bộ Chính trị và Trung ương theo hướng đó" (Bùi Tín, Hoa Xuyên Tuyết, trang 130).

Năm 1963, Hà Nội bênh vực Bắc Kinh trong vấn đề hiệp ước nguyên tử lực. Nguyệt san Học Tập, cơ quan lý luận của đảng, viết: "Hiệp ước cấm đoán một bộ phận về thí nghiệm nguyên tử hoàn toàn không làm thỏa mãn sự đòi hỏi cấm đoán toàn diện vũ khí nguyên tử" và cho lời đề nghị của Trung Quốc ngày 31-7 về vấn đề này là "hoàn toàn đúng đắn và hợp lý". Phải chăng sự bênh vực Bắc Kinh của Hà Nội là do kết quả của chuyến đi của Lưu Thiếu Kỳ, chủ tịch nước trong tháng 5-1963? Bắc Kinh đề nghị viện trợ cho Hà Nội một tỷ nhân dân tệ nếu Hà Nội khuấy từ mọi viện trợ Liên Xô.

Hà Nội ở vào thế kẹt vì thừa hiểu là Trung Quốc không đủ khả năng đáp ứng nỗ lực chiến tranh ở chiến trường miền Nam mà Hà Nội quyết tâm "giải phóng". Trong năm 1964, sau khi Krutchev bị hạ bệ, Hà Nội nghiêng hẳn về Mát-cơ-va mặc dù quan hệ giữa hai nước khá phức tạp. Hà Nội lo ngại thuyết sống chung hòa bình và sự hòa hoãn Liên Xô-Mỹ sẽ cống có sự chia cắt lâu dài Việt Nam.

Tháng 8-1964, vụ Vịnh Bắc Bộ do Mỹ dựng lên lại đưa Hà Nội đến gần Mát-cơ-va hơn nữa. Tháng 2-1965, thủ tướng Liên Xô Kossyguin bay sang Hà Nội để trả lễ chuyến thăm chính thức của Lê Duẩn đầu năm 1964. Kossyguin hứa sẽ tăng cường viện trợ về quân sự và kinh tế cho Hà Nội. Hai tháng sau đó, Lê Duẩn

và Võ Nguyên Giáp lại đi Mát-cơ-va để cựu thê hóa vấn đề tăng viện trợ quân sự.

Về vấn đề này, F. Joyaux trong quyển "La nouvelle question d'Extrême-Orient", Tome 2, Payot, 1988, trang 143 viết: "Theo nguồn tin Mỹ, viện trợ quân sự của Liên Xô tăng từ 40 triệu USD năm 1964 lên 550 triệu năm 1965 để đạt tới 1.150 triệu năm 1963. Trung Quốc trong thời gian đó chỉ viện trợ trung bình 200 triệu USD mỗi năm từ 1965 đến 1968 nghĩa là chỉ độ 10 đến 20% của viện trợ Liên Xô".

Ngược lại, viện trợ về binh lính của Trung Quốc lên đến 320.000 người. Bộ Chính trị Trung Quốc cũng chia rẽ về thái độ phải lấy, trước sự tăng cường chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam.

Tướng La Thụy Khanh, tổng tư lệnh quân đội nhân dân Trung Quốc chủ trương đánh mạnh, gửi quân trợ giúp Hà Nội trong khi Lâm Bưu được Mao Trạch Đông đồng ý chủ trương "chiến tranh giải phóng dân tộc phải tự lực cánh sinh, không trông cậy vào sự giúp đỡ bên ngoài".

Tuy nhiên, Trung Quốc vẫn sợ chiến tranh lan rộng và một ngày kia phải nhảy vào vòng chiến. Lâm Bưu có lần nói "chiến tranh Việt Nam chỉ là giai đoạn của sự đối chơi giữa Mỹ và Trung Quốc, điều quan trọng là Hà Nội giữ vững. Chiến tranh cứ kéo dài và Mỹ sẽ kiệt quệ và mệt mỏi, lúc đó Trung Quốc mạnh sẽ có khả năng chống lại".

Lập trường của Trung Quốc trong thời gian này là chống lại tất cả các hình thức sống chung hòa bình và không nhận giá trị về ngoại giao, trái với đường lối của Liên Xô lúc đó là muốn giúp Mỹ ra khỏi sa lầy ở Việt Nam. Trung Quốc không những ngăn cản Hà Nội thương thuyết với Mỹ mà còn chặn việc vận tải hàng hóa quân sự bằng đường hỏa xa qua xứ họ để bắt buộc Liên Xô dùng đường hàng không hay đường thủy để có cơ hội đụng chạm với hàng không hay hạm đội 7 của Mỹ.

Hà Nội sau này cho đó là bằng chứng các người lãnh đạo Trung Quốc đã "quyết tâm dùng người Việt Nam cuối cùng" chống Mỹ nhằm làm suy yếu Việt Nam để thực hiện chính sách bành trướng. Giữa sự ngạc nhiên của mọi người, Hà Nội chấp nhận thương thuyết với Mỹ ở Paris và ủng hộ thuyết "chủ quyền giới hạn" của Brejnev trong việc can thiệp vào Tiệp Khắc năm 1968, trong khi Bắc Kinh hoàn toàn chống đối thuyết trên. Bắc Kinh lại hăm dọa cắt quan hệ giữa đảng và giảm kim ngạch viện trợ hơn 20% trong năm 1969. Phải nói vụ phản công trong Tết Mậu Thân 1968 và vụ tổng phản công 1972 với sự tham dự của chiến xa lìn đầu tiên, không đem lại cho Hà Nội kết quả như ý muốn. Ước muốn sự nỗi dậy toàn diện của dân chúng ở miền Nam để chống lại chính quyền Mỹ Thiệu không diễn ra trong khi Mỹ và Sài Gòn gián tiếp lật đổ chính phủ Sihanouk và cho quân sang hạ Lào phá hủy "đường mòn Hồ Chí Minh". Ở chính trường Trung Quốc, "cách mạng văn hóa" từ năm 1966 đã đưa xứ này đến tình trạng hỗn loạn về kinh tế và chính trị. Cánh hùm Lưu Thiếu Kỳ bị loại trong năm 1969, cánh tả Lâm Bưu bị thanh trừng trong năm 1971, nhưng nhóm "tự nhân bang" đứng đầu là bà Giang Thanh (vợ Mao) tiếp tục hoành hành cho đến ngày chết của Mao trong tháng 9-1976.

Sau cuộc đảo chính thất bại của Lâm Bưu, đường lối ngoại giao của Trung Quốc cũng chuyển hướng. Ngoại trưởng Mỹ Kissinger hai lần bí mật sang Bắc Kinh trong năm 1971 gặp Chu Ân Lai để tổ chức chuyến đi chính thức của Nixon trong tháng 2-1972. Tiếp sau chuyến đi, Mỹ tiếp tục ném bom và thả mìn phong tỏa các cảng miền Bắc.

Cuộc xung đột Hà Nội-Bắc Kinh chuyển sang giai đoạn mới : tranh chấp lãnh thổ và trực tiếp bằng vũ trang. Chuyến đi của Nixon ở Bắc Kinh trong năm 1972, việc chiếm đóng đảo Hoàng Sa năm 1974, sự trợ giúp Khờ Me để chống Hà Nội, sự ngăn cản Hà Nội "giải phóng" miền Nam năm 1975 là những nguyên nhân chính mà Hà Nội cho là sự phản bội lần thứ hai.

### III Tranh chấp công khai

Sau khi Hiệp định Paris về Việt Nam được ký kết đầu tháng giêng 1973, Bắc Kinh "khuyên" Hà Nội nên tranh thủ thời gian để nghỉ ngơi trong khoảng 5-10 năm không nên vội "giải phóng" miền Nam. Trung Quốc lấy luận điểm "cái chổi" để nói về phía Hà Nội: "Vấn đề Đài Loan là vấn đề trường kỳ (...). Hiện nay Tưởng có 65 vạn quân, ở giữa lại có eo biển. Chúng tôi không sang được, nó vẫn cứ đóng ở đó, chổi không đến nơi thì bụi không đi" (Sách Bạch thư, trang 58-59). Ông Phạm Văn Đồng trả lời cây chổi Việt Nam có cán dài hơn cây chổi cùn của Trung Quốc (*Les deux frères ennemis*, sđd tr.124).

Không hiểu điều này có chính xác không, tuy nhiên sự bất đồng quan điểm giữa hai thủ đô ngày càng trầm trọng. Trong năm 1973, phía Trung Quốc cho khiêu khích, đánh chiếm biên giới và ngăn cản Hà Nội thăm dò dầu hỏa ở Vịnh Bắc Việt. Hai bên đàm phán không đi đến kết quả cụ thể nào.

Đầu tháng 9-1973, chính phủ miền Nam ký nghị định cho sáp nhập đảo Trường Sa (Spratleys) vào tỉnh Phước Tuy. Hà Nội, cuối tháng 12, đề nghị Bắc Kinh thương thuyết về vấn đề này. Bắc Kinh chấp nhận và định ngày thương thuyết là ngày 18-1-1974 tại Hà Nội. Ngày 19, Trung Quốc cho không quân và hải quân giao chiến với quân đội miền Nam ở Hoàng Sa. Mỹ tuyên bố đứng ngoài. Hà Nội rất lúng túng, tuyên bố là vấn đề tranh chấp do lịch sử để lại cần phải thương lượng. Sau này Hà Nội lên án hành động của Bắc Kinh như sau: "hành động xâm lược của họ có tính toán từ trước và được sự đồng tình của Mỹ..." và cho việc xâm chiếm Hoàng Sa của Trung Quốc nhằm gây ra tình trạng "việc đã rồi" (Bạch thư, trang 69).

Cái sai lầm của Hà Nội là trước đó đã vội vàng "ghi nhận và tán thành bản tuyên bố của Trung Quốc ngày 4-9-1958 quyết định về hải phận của Trung Quốc" trong công hàm Phạm Văn Đồng gửi cho Chu Ân Lai ngày 14-9-1958. Hà Nội sau này xác nhận công hàm nói trên chỉ công nhận hải phận của Trung Quốc trong giới hạn 12 hải lý và cho việc Trung Quốc coi đó là một sự thừa nhận chủ quyền của hai đảo nói trên là sự "méo mó thô bạo" của sự thật. (*La souveraineté du Vietnam sur les archipels Hoang Sa et Trường Sa*, Hanoi, 1979, p.59).

Điều oái oăm trong vấn đề này là Hà Nội đặt nhiều hy vọng vào Đặng Tiểu Bình. Trong lần viếng thăm của Lê Duẩn vào tháng 9-1975, ông Đặng thừa nhận hai bên đều nói các quần đảo là của mình cho nên cần gấp gáp để bàn bạc giải quyết.

Hà Nội thừa biết nhóm quá khích "tự nhân bang" không thể sống chung lâu dài với ông Đặng. Ông Đặng dù sao cũng là người thừa kế của Chu Ân Lai, ôn hòa hơn. Lịch sử nhiều khi đi trái ngược ý muốn. Bắc Kinh bắt đầu lo ngại Hà Nội có ý đồ thực hiện "Liên bang Đông dương" ở phía Nam và câu kết với Liên Xô ở phía Bắc để bao vây Trung Quốc. Quan hệ giữa Hà Nội và nhóm Pol Pot bắt đầu khủng hoảng vào cuối 1972. Nhóm Pol Pot không thừa nhận "quan hệ đặc biệt" giữa các đảng cộng sản Đông Dương, và cho thủ tiêu các cán bộ cao cấp Khor Me để thân Hà Nội. Nhiều cuộc đụng độ vũ trang ở biên giới bắt đầu từ tháng

5-1975 sau khi nhóm Pol Pot chiếm Phnom Penh và Hà Nội chiếm Sài Gòn.

Khờ Me đỏ cho quân chiếm đảo Tho Chu, Hà Nội chiếm đảo Poulo Wai. Sau cuộc gặp gỡ thượng đỉnh Lê Duẩn-Pol Pot, hai bên chịu rút quân nhưng sự chống đối ngầm vẫn tiếp tục. Bắc Kinh cho đây là cơ hội tốt để làm áp lực Hà Nội. Các nhân vật của nhóm Pol Pot mỗi lần sang Bắc Kinh được Mao, Hoa Quốc Phong, Chu Ân Lai tiếp đón như quốc khách. Trong ba năm (1975-1978) Bắc Kinh tăng cường viện trợ kinh tế và quân sự cho Pol Pot. Tháng 9-1975, Bắc Kinh viện trợ 200 triệu USD cho Pol Pot trong khi đó phó thủ tướng Lê Thành Nghị, người mà Bắc Kinh cho là "người ăn xin" sang xin viện trợ một tháng trước đó, bị từ chối khéo.

Đầu năm 1976, một hiệp ước quân sự được ký kết để đưa quân đội Khờ Me đỏ từ 5 sư đoàn năm 1975 lên đến 23 sư đoàn năm 1978. Trong thời gian đó, nhiều nhân vật quan trọng được cử sang Phnom Penh như ủy viên bộ chính trị, anh nông dân nổi tiếng nông trường Đại Trại ở Sơn Tây, Trần Vĩnh Quý vào cuối năm 1977, hoặc Hồ Diệu Bang và Uông Đông Hưng vào đầu tháng 12-1978, trước khi Hà Nội cho quân sang Phnom Penh vào cuối năm. Phải nói Bộ chính trị Trung Quốc cũng không thống nhất về đường lối đối với Campuchia. Theo ông Sabatier, Hoa Quốc Phong, Uông Đông Hưng đòi can thiệp trực tiếp trong khi tướng Hứa Thế Hữu đề nghị tiến quân thẳng vào Hà Nội, ông Đặng chỉ muốn "trừng phạt giới hạn" ở biên giới (*Le dernier dragon*, JC Lattès, 1990, trang 254). Đó là "bài học" Trung Quốc cho Việt Nam như đã biết.

Hà Nội sau này đả kích Bắc Kinh: "*Họ bắt đầu dùng bè lũ Pol Pot-Ieng Xay để phá hoại cách mạng ba nước Đông Dương, tích cực chuẩn bị biến Campuchia thành bàn đạp để tiến công Việt Nam, khống chế bán đảo Đông Dương, từ đó bành trướng xuống Đông Nam Á sau này*". (Sách Bạch thư, tr.64).

Trở lại quan hệ Việt-Trung cho đến khi hai bên chính thức đi tới chiến tranh. Sau khi quân đội miền Bắc vào Sài Gòn, Trung Quốc bên ngoài gửi thư chúc mừng "đại thắng" nhưng bên trong lúc nào cũng muốn một Việt Nam yếu kém để chèn ép. Theo lời tướng thuật lại của cựu bộ trưởng Pháp François Missoffe sau khi gặp các nhà lãnh đạo Bắc Kinh đầu năm 1976 thì họ đã nói với ông: "*Bất chấp có hai hoặc ba Việt Nam, điều chính là không nên có một*" (*Duel rouge*, Ramsay, 1977, tr.128).

Như đã thấy, quan hệ hai xứ có nhiều khó khăn nhưng không đến nỗi tuyệt vọng. Tháng 9-1975, hai ông Lê Duẩn và Lê Thành Nghị sang Bắc Kinh thương lượng và xin viện trợ. Chu Ân Lai trọng bệnh đang chờ chết. Lê Thành Nghị lần này xin gặp Mao, được Mao viện trợ một số kim ngạch nhỏ. Nhưng sự bất đồng giữa Lê Duẩn và Đặng Tiểu Bình sau đó đi đến điểm không trở lại.

Bắc Kinh sợ trực Hà Nội-Mát cơ va đang thành hình vì có tin Hà Nội sắp nhường cảng Cam Ranh cho Liên Xô. Hà Nội lại không lên án bá quyền Liên Xô như Bắc Kinh mà trái lại lên án đế quốc Mỹ, đế quốc mà Bắc Kinh vừa mở cửa cho vào. Lê Duẩn, trái thông lệ ngoại giao, không ký thông cáo chung và hủy bỏ yến tiệc từ giã, lấy xe lửa về Hà Nội. Đặng Tiểu Bình bị người "em xã hội chủ nghĩa" làm mất mặt. Điều này ông Đặng không tha thứ. Một tháng sau, Lê Duẩn sang Mát-cơ-va ký thông cáo chung ủng hộ chính sách hòa hoãn Liên Xô. Nhưng quan hệ hai xứ cũng không mấy tốt đẹp vì Mát cơ va đòi Hà Nội phải trả nợ bằng thực phẩm, và nguyên liệu khoáng sản trong khi Hà Nội không đủ ăn.

Liên Xô lại làm áp lực để Hà Nội gia nhập Comecon. Ở đại hội lần thứ 4 Đảng cộng sản Việt Nam, được tổ chức vào tháng 12-1976, trưởng phái đoàn Liên Xô Mikhail Souslov (Trung Quốc vắng mặt) bỏ về trước khi Đại hội nghị bế mạc. Trước đó trong tháng 3, Lê Duẩn dự Đại hội lần thứ 25 ở Mát cơ va cùng làm Liên Xô nổi cáu với chủ đề về độc lập (*Les deux frères ennemis*, sđd tr. 160-163). Viện trợ Liên Xô hứa năm 1975 tình cờ phải đợi nhiều tháng mới tới Hà Nội, còn viện trợ quân sự bị giảm xuống chỉ còn 20 triệu USD. Hà Nội trả đũa cho giảm số cố vấn quân sự Liên Xô từ 80 xuống 25 trong thời gian từ tháng 12-1976 đến tháng 4-1977. Liên Xô lại chỉ trích việc Hà Nội gia nhập Quỹ tiền tệ quốc tế trong tháng 9-1976 và cho cơ quan này là "*công cụ chính của sự bóc lột để quốc ở các nước đang phát triển*".

Đối với Trung Quốc, Hà Nội cho loại các phần tử thân Bắc Kinh, đứng đầu là ủy viên Bộ chính trị Hoàng Văn Hoan. Dù vậy vẫn kiện Đại hội lần thứ 4 không chỉ trích lại đề cao thành quả đạt được của các xã hội chủ nghĩa. Về phía Campuchia và Lào, Hà Nội tuyên bố phải "*ra sức bảo vệ và phát triển mối quan hệ đặc biệt giữa nhân dân ba nước, làm cho ba nước vốn đã gắn bó với nhau trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, se mài mài gắn bó với nhau trong sự nghiệp xây dựng*". Hà Nội cho mình nay đã trưởng thành và sẵn sàng nhận lấy quyền lãnh đạo cách mạng ở Đông Nam Á nhằm để thực hiện nguyện vọng "Liên bang Đông dương". Để tránh khỏi bị cô lập trong chính trường thế giới, Hà Nội chuyển sang tăng cường bang giao với các nước ở Đông Nam Á, với Nhật, Pháp và Mỹ. Thứ trưởng Phan Hiền đi thăm các nước Đông Nam Á trong tháng 7-1976. Hà Nội và Đông Kinh thương thuyết về viện trợ cho Hà Nội. Mỹ đề nghị bắt đầu nói chuyện vào tháng 10 trong bầu không khí mới với viễn tượng đặc cù của Jimmy Carter. Thủ tướng Phạm Văn Đồng sửa soạn viếng thăm Pháp vào tháng 4-1977.

Chuyến đi Pháp của ông Đồng cũng rất nhiều bí ẩn. Theo ký giả Nayan Chanda, lê ra chuyến đi Pháp của ông Đồng kéo dài ba tuần nhưng dưới áp lực của Liên Xô, chuyến đi được "rút gọn" ba ngày. Thay vào đó, ông Đồng phải ở 5 ngày ở Mát cơ va trong lần đi và hơn một tháng trong lần về (*Les deux frères ennemis*, tr.164). Ông Nayan Chanda cho đây là bước ngoặt của ngoại giao Hà Nội. Đầu tháng 5, cuộc thương lượng giữa Phan Hiền và Richard Holbrooke để bình thường hóa quan hệ Việt-Mỹ thất bại. Quốc hội Mỹ lại cho thông qua điều bổ sung, cấm đoán bắn cài với Việt Nam bất cứ dưới hình thức nào. Hy vọng của Hà Nội ở Jimmy Carter bay theo mây khói. Về phía Trung Quốc, Bắc Kinh không những từ chối viện trợ mà lại từ chối thương lượng về Hoàng Sa và Trường Sa. Ở phía tây-nam tình trạng lại khẩn trương về phía biên giới Việt và Campuchia. Hà Nội ở vào thế bí không còn cách nào hơn là đi theo "anh cả".

Đầu tháng 6, ông Đồng gặp tổng bí thư Liên Xô Brejnev. Lê Đức Tho bí mật sang Mát-cơ-va để hỗ trợ ông Đồng trong việc thương thuyết. Việt Nam được nhận vào Comecon với tư cách quan sát viên như ước muốn của Liên Xô. Về phía Bắc Kinh, Hà Nội cũng cho thử những ván bài chót để cứu vãn tình thế. Đầu tháng 6, đại tướng Võ Nguyên Giáp sang gặp nguyên soái Diệp Kiếm Anh, tiếp theo đó có cuộc gặp gỡ giữa thủ tướng Phạm Văn Đồng và phó thủ tướng Lý Tiêu Niệm ở Bắc Kinh.

Về phía Trung Quốc, họ tỏ ra bất lịch sự và trịch thượng. Diệp Kiếm Anh vắng mặt ở phi trường cùng như không có yến tiệc chúc mừng tân khách. Trong các cuộc gặp gỡ quan trọng, Bắc Kinh chỉ gửi các nhân vật nhỏ không có thẩm quyền quyết định.

Lý Tiên Niệm lại còn trích thượng đưa ra một giác thư với một chuỗi dài dầy trách móc cho ông Đồng. Tuy vậy ông Lê Duẩn cũng trở lại Bắc Kinh lần chót từ ngày 20 đến 25 tháng 11-1977 trên đường từ Mát-cơ-va về Hà Nội. Cuộc thương thuyết giữa Lê Duẩn và Đặng Tiểu Bình hoàn toàn thất bại. Trước đó hai tháng, Pol Pot sang Bắc Kinh tham dự lễ quốc khánh được 8 uỷ viên bộ chính trị tiếp đón như một quốc khách. Bắc Kinh đi đến kết luận là Hà Nội trong tháng 7 đã ký hiệp ước thiết lập "quan hệ đặc biệt" với Lào, ép Lào cho nhiều để dài cho không quân Liên Xô vào cánh đồng Chum, cho phi cơ dã chiến xuống Đà Nẵng, và cho một phái đoàn quân sự cấp cao Liên Xô viếng Cam Ranh, đã nghiêng hẳn về phía Liên Xô. Cuối năm 1977, Hà Nội và Phnom Penh đoạn giao.

Dầu năm 1978, Hà Nội quốc hữu hóa thương nghiệp ở miền Nam chủ yếu do người Hoa nắm. Giữa tháng 6, Bắc Kinh đòi Hà Nội đóng cửa ba lanh sụ ở Quảng Đông, Côn Minh, Nam Ninh. Đầu tháng 7, Bắc Kinh chấm dứt viện trợ kinh tế và kỹ thuật cho Hà Nội. Quan hệ Việt-Trung hoàn toàn bế tắc mặc dù sứ quán hai nước vẫn tiếp tục hoạt động.

Trước tình trạng đó, 200.000 người Hoa ra khỏi Việt Nam. Bắc Kinh cho Việt Nam đã "xua đuổi", còn Hà Nội lại cho Bắc Kinh đã "cưỡng bức". Ngày 29-6-1978, Việt Nam chính thức gia nhập Comecon, và ngày 3-11, một hiệp ước "hữu nghị và hợp tác" được ký kết giữa Hà Nội và Mát-cơ-va. Trục Hà Nội-Mát-cơ-va-Vạn Tượng được thành hình chống lại trực Bắc Kinh-Pnom Penh. Chiến tranh chỉ còn đợi ngày phát triển. Cuối năm Hà Nội cho quân chiếm Pnom Penh, Bắc Kinh trả đũa cho Hà Nội "bài học" đầu tháng 2-1979. Đây là lần đầu tiên chiến tranh xảy ra giữa hai nước xã hội chủ nghĩa. Trước đó giữa Liên Xô và Trung Quốc chỉ có vài cuộc đụng độ ở biên giới.

Cuộc chạm trán vũ trang giữa Bắc Kinh và Hà Nội đưa đến tổn thất nặng nề về nhân mạng và tiền của giữa hai bên. Theo các quan sát viên số tổn thất nhân mạng lên đến 50.000 người mỗi bên. Theo ký giả Sabatier, quân Trung Quốc bị quân Việt Nam "đánh văng tùng mảnh" mặc dù Việt Nam chưa cho quân thiện chiến vào tham chiến. Giữa trận chiến, ông Đặng nổi khùng cho tướng Dương Đắc Chí thay tướng Hứa Thế Hữu, người đã từng che chở ông Đặng trong thời kỳ đại cách mạng văn hóa. Hậu quả của "bài học" là quân đội Trung Quốc được cải tổ toàn diện, ngay cả tướng Vi Quốc Thanh, chủ nhiệm tổng cục chính trị quân đội cũng bị cất chức sau đó. Tất cả các sự kiện trên được Hà Nội cho là sự phản bội lần thứ ba của Trung Quốc.

#### IV. Phải cải thiện hoặc bị đào thải

Từ năm 1979 đến năm 1986, bên ngoài Việt Nam bị cô lập trên chính trường thế giới vì việc chiếm đóng Cămpuchia, bên trong kinh tế mỗi ngày một tụt hậu đi vào bế tắc.

Tháng 7-1986, Tổng bí thư Lê Duẩn từ trần, Trường Chinh tạm lên thay để chuẩn bị Đại hội lần thứ VI vào tháng 12. Đây là cơ hội cho Hà Nội để đổi mới về chính sách kinh tế (kêu gọi đầu tư ngoại quốc) và ngoại giao (tăng cường bang giao với các nước lân bang), với một Ban chấp hành mới do Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh đứng đầu.

Văn kiện Đại hội về hướng Trung Quốc, người ta nhận thấy có thái độ dung hòa. Hà Nội tuyên bố sẵn sàng thương thuyết về vấn đề Cămpuchia: "Chính phủ và nhân dân Việt Nam, ngày nay cũng như hôm qua, nhất tâm tái lập tình hữu nghị giữa hai nước (...). Đến lúc hai xứ phải ngồi lại thương lượng để giải

quyết các vấn đề cấp bách và những vấn đề dài hạn. Một lần nữa, chúng tôi tuyên bố Việt Nam sẵn sàng thương lượng với Trung Quốc bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, bất cứ mức độ nào để bình thường hóa quan hệ giữa hai nước".

Lời kêu gọi tha thiết của Hà Nội không những không có tiếng vang về phía Trung Quốc mà còn mang lại cho Việt Nam một cuộc tấn công quân sự cấp sư đoàn của Trung Quốc ở vùng biên giới tỉnh Hà Tuyên vào tháng Giêng 1987.

Phải nói, Bắc Kinh đã quyết tâm trừng phạt Hà Nội vì đã "vong ân bội nghĩa". Theo ông Patrick Sabatier, Đặng Tiểu Bình khi nói đến Việt Nam "mặt mày đổi màu sắc, để lộ hẳn sự thù hận" (Sđd, trang 271).

Người mà ông Đặng coi là "cản trở" lớn cho việc bình thường hóa quan hệ giữa hai nước là ông Lê Duẩn (tên ông Hồ Chí Minh không bao giờ bị Trung Quốc nêu lên để chỉ trích).

Sự nóng giận của ông Đặng đối với ông Lê Duẩn có lẽ phát xuất từ thái độ quay chiêu của ông này, trước thân Trung Quốc rồi sau lại nghịch với Trung Quốc. Ký giả Thành Tín cho ông Lê Duẩn mắc bệnh chủ quan, kiêu ngạo. Thành Tín thuật lại rằng trong một dịp làm việc với ông, Lê Duẩn cao hứng nói: "Tôi à, tôi hơn bác Hồ chó! Bác sang Liên Xô và Trung Quốc, nghe Stalin và Mao bảo gì là vâng vâng hết! Tôi à, tôi dám cãi lại với Krutchev, tôi dám cãi lại với Mao" (Thành Tín, Hoa Xuyên Tuyết, trang 126). Về việc đổi hướng chống đối Trung Quốc trong thời kỳ từ 1977 đến 1980, 1982, Thành Tín ghi nhận lời tuyên bố của Lê Duẩn như sau: "Bạn bè Trung Quốc luôn luôn là kẻ thù của đất nước ta. Tôi thấy điều đó ngay từ hồi Nixon sang Trung Quốc, và tôi đã nói ngay sau khi toàn thắng phải rất cảnh giác, phải coi chừng bọn bạn bè Trung Quốc. Chúng vốn thù địch với ta và chắc chắn còn thù địch với ta hàng trăm năm nữa!" (Sđd, trang 27).

Tuy vậy, đến năm 1988, nhiều tín hiệu cho thấy cả hai nước đều có ý muốn nối lại quan hệ. Đầu tháng hai, Bộ ngoại giao Trung Quốc tuyên bố quan hệ Việt-Trung có thể cải thiện nếu Việt Nam rút quân khỏi Cămpuchia. Vấn đề Cămpuchia phải được giải quyết toàn diện, đúng đắn và hợp lý (ý nói phải có sự tham gia của Pol Pot) và Việt Nam phải bỏ thái độ chống Trung Quốc. Tháng 11, Lý Bằng, thủ tướng Trung Quốc tuyên bố sẽ chấm dứt viện trợ cho Cămpuchia nếu Việt Nam chịu rút quân.

Phía Việt Nam cũng bày tỏ thiện chí đáp ứng lời kêu gọi của Trung Quốc. Võ Chí Công, với tư cách chủ tịch nước, gửi điện chúc mừng lễ Quốc khánh Trung Quốc, đầu tháng 10, đồng thời cho ngừng các bản tin chống Trung Quốc ở đài phát thanh. Ngày 19-12 thứ trưởng ngoại giao Trần Quang Cơ tuyên bố Việt Nam sẵn sàng thương lượng với Bắc Kinh về lịch trình rút quân khỏi Cămpuchia.

Cuối tháng 12, Hà Nội cho hủy bỏ các lời đắn chổng đối để quốc ở trong Lời mở đầu Hiến pháp mặc dầu trước đó, tháng 2-1989, Bắc Kinh cho quân chiếm đảo Trường Sa (Spratleys).

Trong hai năm 1989 và 1990, hai nước đã xích gần lại nhau hơn nữa, nhất là sau biến cố Thiên An Môn, tháng 6-1989, và sự sụp đổ của bức tường Bá Linh, vào cuối 1989.

Đầu tháng giêng và tháng 3-1989, Hà Nội gửi thư trưởng ngoại giao Đinh Nho Liêm sang Bắc Kinh gặp đồng sự Lưu Thuật Khanh (Liu Shu Qing). Dịp này, nguyên tắc một cuộc gặp gỡ giữa hai ngoại trưởng Nguyễn Cơ Thạch và Tiền Kỳ Tham được hai phía chấp thuận. Thế là hai chuyến viếng thăm Bắc Kinh của Đinh Nho Liêm đã đưa tới quyết định ngày 27-9-1989 theo đó

Việt Nam sẽ rút hết quân khỏi Căm Pu Chia.

Tuy thế, đối với Trung Quốc, vẫn còn "chướng ngại" trong vấn đề tinh trạng chính trị tại Căm pu chia. Trung Quốc muốn thấy một nước Căm Pu Chia hoàn toàn độc lập đối với Hà Nội nên chủ trương một giải pháp chính trị với bốn thành phần.

Cũng vì vậy, thủ trưởng Đinh Nho Liêm phải sang Bắc Kinh lần thứ ba vào tháng 5-1990 và thủ trưởng ngoại giao Trung Quốc Từ Đôn Tín cũng qua Hà Nội để tiếp tục thương lượng.

Đầu tháng 9, ba nhà lãnh đạo Việt Nam, các ông Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười và Phạm Văn Đồng bí mật sang Thành Đô thuộc miền Hoa nam tiếp tục thương lượng.

Hình như cuộc thương lượng này không đem lại kết quả gì đáng kể mặc dù, theo các nhà quan sát ngoại giao, đó là chuyến đi về thành Canossa (đi phục tùng). Cuối tháng 7 năm sau, hai nhân vật quan trọng trong Bộ chính trị và Ban bí thư là các ông Lê Đức Anh và Hồng Hà lại bí mật đi Bắc Kinh để sắp xếp việc các ông Đỗ Mười, tân Tổng thư ký và Võ Văn Kiệt, tân Thủ tướng, chính thức viếng thăm Bắc Kinh dự định vào tháng 11-1991.

Không ai biết rõ hết nội dung các cuộc thương thuyết vừa kể ngoài tiết lộ rằng Bắc Kinh đã đòi hai ủy viên Bộ chính trị phải ra khỏi Ban chấp hành Trung ương. Đó là ngoại trưởng Nguyễn Cơ Thạch và bộ trưởng Nội vụ Mai Chí Thọ, hai nhân vật này đã ra đi vào dịp Đại hội VII, tháng 6-1991. Bắc Kinh trách ông Nguyễn Cơ Thạch chống Trung Quốc, thân Âu Mỹ, còn ông Mai Chí Thọ đã đuổi người Hoa trong năm 1978.

Hai ông này sau đó lại còn mất chức bộ trưởng khi chính phủ được cải tổ.

Điều người ta dễ ý là đường như sự ra đi của hai ông Thạch, Thọ tiếp theo hai chuyến công du Bắc Kinh vào tháng 8 và tháng 9-1991 của thủ trưởng Nguyễn Dy Niên và ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm đã mở đường cho Hội Nghị Paris về Căm Pu Chia trong tháng 10 với sự ra đời của một "Hội đồng Quốc gia Tối cao" do Hoàng thân Sihanouk lãnh đạo, được các cường quốc và cả Việt Nam nhìn nhận.

Như vậy là các "chướng ngại" do Bắc Kinh đặt ra đã được tháo gỡ và hai nước nối lại bang giao trong một cuộc họp thượng đỉnh từ ngày 5 đến ngày 10 tháng 11-1991. Thông cáo chung đánh giá cuộc gặp gỡ này đã diễn ra trong bầu không khí "hữu nghị và thành thực" và "hai bên thỏa thuận giải quyết tranh chấp biên giới và lãnh thổ bằng thương lượng hòa bình". Theo ngôn ngữ "lưỡi gỗ" ngoại giao cộng sản, điều này có nghĩa là còn nhiều vấn đề bất đồng chưa giải quyết.

Liên tục sau đó, Tiền Kỳ Tham, ngoại trưởng Bắc Kinh, sang Hà Nội vào tháng 4 và thủ tướng Lý Bằng vào cuối tháng 11-1992. Lý Bằng được tiếp đón trọng thể và được Hà Nội coi đó là "bước phát triển mới trong quan hệ hai nước". Tuy nhiên, về phía Trung Quốc, Lý Bằng không hứa gì hết trong việc tranh chấp lãnh thổ ngoài việc nói Trung Quốc "không có ý định lấp khoảng trống nào ở Đông Nam Á".

Một năm sau, giữa tháng 11, Lê Đức Anh, chủ tịch nước, trở lại thăm Trung Quốc được Giang Trạch Dân, Lý Bằng và Kiều Thạch tiếp kiến. Ngoài những lời chúc mừng xã giao, người ta không thấy có thông cáo chung. Điều này chứng tỏ vấn đề tranh chấp lãnh thổ vẫn còn nguyên vẹn. Như vậy, chuyến đi sắp tới ở Hà Nội của Giang Trạch Dân lần này rất quan trọng và có tính cách lịch sử. Vấn đề tranh chấp lãnh thổ chắc chắn không đi đến giải quyết nhưng mức độ tranh chấp có thể giảm bớt. Bằng chứng

là giữa tháng 10, Bắc Kinh lại khẳng định chủ quyền ở đảo Hoàng Sa và Hà Nội lên tiếng tố cáo Bắc Kinh đã xâm phạm lãnh thổ Việt Nam cũng như cho biết sẽ dùng quyền tự bảo vệ.

## Kết luận

Thực hiện quan hệ bang giao tốt với các nước láng giềng và các nước thuộc cộng đồng thế giới trong tinh thần bình đẳng và tôn trọng chủ quyền lẫn nhau, không phục tùng, không thay đổi hướng là điều cơ bản của ngoại giao. Chỉ vì không tôn trọng nguyên tắc nói trên mà Việt Nam đã phải trả một giá rất đắt. Việc đem quân sang Căm Pu Chia đánh đổ nhóm diệt chủng Pol Pot được cộng đồng quốc tế âm thầm ủng hộ. Nhưng việc Hà Nội duy trì quân đội chiếm đóng trong hơn 10 năm đã bị cộng đồng quốc tế lên án. Các nhà lãnh đạo Việt Nam đã làm mất tất cả cảm tình của thế giới. Đối với phương Bắc, các nhà lãnh đạo Việt Nam vừa vì ý thức hệ, vừa vì cần có viện trợ về quân sự và kinh tế để đương đầu với hai cường quốc trước đây nên đã bị Trung Quốc chèn ép để rồi sau đó không chịu nổi, quay sang chống đối.

Việc ký kết hòa ước quân sự với Liên Xô trong năm 1978 và việc thực hiện "quan hệ đặc biệt" với Căm Pu Chia và Lào đã đưa đến điểm không trở lại được trong quan hệ Việt-Trung. Lại nữa, hòa ước nói trên chỉ là tờ giấy vô hiệu quả khi Mỹ oanh tạc Hà Nội năm 1972 cũng như khi Trung Quốc cho Việt Nam "bài học" năm 1979. Hậu quả là ngày nay các nhà lãnh đạo Việt Nam lùn lượt sang Bắc Kinh để cầu hòa trong khi thái độ Trung Quốc vẫn trích thượng trong vấn đề biên giới.

Điều đáng mừng là trong những năm gần đây một chính sách ngoại giao mới đang được áp dụng và thu được một số thành quả đáng kể. Ở các nước Đông Nam Á Chau, Việt Nam đã gây được cảm tình mới và có chỗ đứng tốt. Việc Việt Nam sáp nhập làm thành viên thứ bảy của khối ASEAN chứng tỏ Việt Nam không còn là nước đáng sợ nữa. Lại nữa sự già nhập của Việt Nam vào khối này có thể ngăn chặn Bắc Kinh thực hiện mộng bá quyền và buộc Trung Quốc nhận nhượng phần nào trong vấn đề giải quyết hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đối với Âu Tây, Việt Nam cũng được cộng đồng Âu Chau, nhất là Pháp giúp đỡ. Về phía Hoa Kỳ, họ đã bỏ cấm vào hồi đầu tháng 2 và việc tái lập quan hệ giữa hai nước không còn là ảo ảnh nữa. Điều đáng tiếc là việc này lê ra đã được thực hiện từ năm 1977 nếu hai bên cùng làm nhượng bộ. Càng tăng cường quan hệ tốt về phía Âu Tây và Hoa Kỳ, Việt Nam không những có cơ hội để thu nhập nhanh chóng kỹ thuật tân tiến mà còn thoát khỏi đơn độc ở chính trường thế giới để tránh lệ thuộc vào Trung Quốc.

Trước sự tranh quyền đang diễn ra ở Trung Quốc hiện nay, sức mạnh của Việt Nam cần phải dựa trên hai điều cơ bản là sự đồng nhất lãnh đạo và việc gây lại niềm tin cho dân chúng. Đồng nhất lãnh đạo có nghĩa là không chia bè phái như trước đây mà hậu quả đã vô cùng tàn khốc cho dân tộc. Gây lại niềm tin cho dân chúng có nghĩa là tôn trọng nhân quyền, thực hiện tự do dân chủ, thả các tù nhân chính trị như bác sĩ Nguyễn Dan Qué, giáo sư Đoàn Viết Hoạt, ông Nguyễn Hộ v.v... bị tù chỉ vì chỉ trích chế độ! Không làm được hai điều này, Việt Nam vẫn sẽ còn bị Trung Quốc uy hiếp. Thiết tưởng các nhà lãnh đạo Việt Nam đã sai lầm, không nên tái phạm sai lầm lần thứ hai. Việt Nam đã lờ nhiều chuyến tàu lịch sử trong nhiều thập niên, không thể lờ chuyến tàu hiện nay trong sự phồn vinh đang tiến hành ở vùng Thái Bình Dương trong đầu thế kỷ thứ 21.

Phùng Nguyên

## Hai giải hòa bình Nobel 1973 và 1994

Hôm thứ sáu 14-10-1994, Ủy Ban phụ trách chọn đối tượng trao giải hòa bình Nobel (gọi tắt là Ủy Ban) công bố quyết định trao giải 1994 cho Yasser Arafat, chủ tịch Phong Trào Giải Phóng Palestine (PLO), và thủ tướng Do Thái Yitzahk Rabin vì có công chấm dứt cuộc xung đột vũ trang tại Trung Đông qua thỏa ước hòa bình giữa Do Thái và PLO ký ngày 13-9-1993 tại Hoa Thịnh Đốn.

Giải hòa bình Nobel là một trong sáu giải thưởng hằng năm gồm giải vật lý, hóa học, sinh lý học, y khoa, văn chương và hòa bình do sáng kiến và ngân khoản của nhà hóa học người Thụy Điển Alfred Bernhard Nobel (1833-1896), người sáng chế chất TNT, một chất nổ cực mạnh, và trở nên giàu có. Trước khi qua đời, Alfred Nobel viết di chúc ký thác tài sản vào một quỹ đặc biệt và yêu cầu thành lập Hội Nobel (Nobel Foundation) để quản trị quỹ lấy tiền lời phát thưởng. Theo di chúc của Alfred Nobel, những nhân vật được chọn trao giải mỗi năm là những người trong năm qua đã cống hiến nhiều lợi ích cho nhân loại trong các lãnh vực vật lý, hóa học, sinh lý học, y khoa, văn chương và hòa bình và do hai cơ sở thuộc Hàn Lâm Viện Thụy Điển chọn lựa, ngoại trừ giải hòa bình gồm một Ủy Ban 5 người do Quốc Hội Na Uy bổ nhiệm. Năm 1968, Hội Nobel quyết định lập thêm giải khoa học kinh tế do Ngân Hàng Thụy Điển chọn người lãnh giải. Giải gồm một huy chương bằng vàng khối, một bằng tưởng lục và một số tiền thay đổi hằng năm tùy theo tiền lời của quỹ đặc biệt. Năm 1993, trị giá mỗi giải lên đến 800.000 USD. Năm nay số tiền thưởng ước chừng 950.000 USD.

Thỏa ước hòa bình Trung Đông tuy đã ký kết nhưng con đường dẫn đến hòa bình còn nhiều gian nan trắc trở vì bản chất phức tạp của cuộc tranh chấp vũ trang tại đó. Cho nên khi quyết định trao giải thưởng hòa bình Nobel cho Arafat và Rabin, Ủy Ban, ngoài mục đích ghi nhận công lao đóng góp cho hòa bình, còn muốn khuyến khích các nhà lãnh đạo chính trị liên hệ nỗ lực vượt trội ngại để thực hiện hòa bình.

Cùng với mục đích khuyến khích đó, năm 1973 Ủy Ban trao giải hòa bình Nobel cho hai ông Henry Kissinger và Lê Đức Thọ, thương thuyết gia của Hoa Kỳ và Bắc Việt. Theo Ủy Ban, hai nhân vật này đã có công kết thúc chiến tranh Việt Nam bằng thỏa ước Paris ký ngày 20-1-1973.

Tuy nhiên việc giống nhau giữa hai giải hòa bình Nobel 1994 và 1973 dừng ở đó vì bản chất của Arafat - Rabin và Thọ - Kissinger khác hẳn nhau.

Tầm vóc phức tạp của hai cuộc chiến tranh giữa Do Thái - PLO và Hoa Kỳ - Việt Nam có thể như nhau, nhưng động cơ thúc đẩy và hậu trường chính trị đối với hai lãnh tụ Arafat, Rabin, và hai thương thuyết gia Kissinger, Lê Đức Thọ không giống nhau.

Arafat thương thuyết với sự chống đối của các khuynh hướng quá khích trong nội bộ như tổ chức Fatah, nhóm khủng bố Abu Nidal và khối Hồi giáo chính thống Hamas và Jihad của Tổ Chức PLO. Các khuynh hướng này không dè dặt đe dọa mạng sống của Arafat nếu ký thỏa ước hòa bình với Do Thái. Thủ tướng Rabin cũng gặp những chống đối tương tự của đảng Likud cực hữu đối lập trong quốc hội và một số tướng lãnh có thể đe dọa tương lai chính trị nếu không muốn nói cả tính mạng của ông ta. Nhưng cả hai hiểu mục tiêu đấu tranh của mình và cương quyết đi tới. Họ vốn là những người đấu tranh bằng tất cả con tim và phượng tiện, nhưng họ không hề quên mục tiêu đấu tranh là để thực hiện hòa bình, công bằng và lẽ phải cho dân tộc họ. Khi mục tiêu đó có thể đạt được với sự tôn

trọng quyền lợi cho cả hai bên họ không ngần ngại bỏ súng để tính chuyện hòa bình. Đó là những con người có đức tin và quả cảm.

Ủy Ban có nhiệm vụ chấm định đối tượng chọn Arafat và Rabin để trao giải hòa bình Nobel 1994 đã thực hiện được nguyện vọng của Alfred Nobel. Giải hòa bình Nobel 1994 nhìn nhận giá trị của Arafat và Rabin là những người phục vụ hòa bình thế giới, và giải thưởng sẽ góp một phần không nhỏ trong việc giúp các nhà chính trị liên hệ hai bên nỗ lực hơn để vượt qua các trở lực còn đầy dãy trước mắt. Người Do Thái quá khích cũng như người Palestine quá khích đều muốn phá hoại hòa bình để tiếp tục chém giết nhau. Cho đến lúc này Arafat và Rabin đã vượt qua một số khó khăn do các cuộc phá hoại để từng bước thực hiện hòa bình trên căn bản một quốc gia Palestine được hình thành công nhận sự hiện hữu của một nước Do Thái, chung sống với nhau trong hòa bình.

Ông Kaare Kristiansen một trong 5 ủy viên của Ủy Ban đã từ chức vì cho rằng Arafat vốn là một tay khủng bố không xứng đáng với danh dự của giải thưởng. Ông Kristiansen có thể là một người khai khái nhưng ông không hiểu nổi giá trị của Yasser Arafat.

Trong khi đó hai nhân vật chính của giải đoạn cuối của cuộc thương thuyết tại Paris dẫn đến Hiệp Định Paris chấm dứt chiến tranh Việt Nam đã thương thuyết trong một bối cảnh khác, với những ý đồ chính trị khác.

Dân chúng Hoa Kỳ đã mệt mỏi vì chiến tranh và muốn rút quân ra khỏi Việt Nam với bất cứ giá nào, do đó công việc của Henry Kissinger, với chỉ thị rõ ràng của Nixon trở nên đơn giản. Lê Đức Thọ thì không hề tìm kiếm hòa bình. Hòa bình của Hiệp Định Paris đối với Lê Đức Thọ và đảng cộng sản Việt Nam chỉ có nghĩa là một thời gian nghỉ ngơi để tiếp tục cuộc chiến tranh xích hóa miền Nam Việt Nam, nếu không thể bằng con đường chính trị thì bằng vũ lực. Thọ không cần sự đồng ý của bất cứ ai ngoài đảng của ông ta và cũng không chờ đợi sự chống đối của bất cứ phe nhóm chính trị nào. Thọ và Kissinger đều biết rằng Hiệp Định Paris sẽ không mang đến hòa bình mà chỉ là một cách kết thúc xung đột vũ trang sang một hình thức xung đột khác tùy tình hình của mỗi bên. Kissinger đã tìm một chỗ đứng trong lịch sử Hoa Kỳ hơn là đi tìm hòa bình; trong khi Lê Đức Thọ tìm sự chiến thắng dưới danh nghĩa hòa bình. Trong thâm tâm Thọ và đảng của Thọ không hề nhăm đến hòa bình.

Tặng giải thưởng hòa bình Nobel cho Lê Đức Thọ và Kissinger, Ủy Ban phụ trách hoặc không hiểu ý nghĩa và hậu quả của Hiệp Định Paris 1973 hoặc biết nhưng muốn dùng giải thưởng để ràng buộc hai bên, đặc biệt là đảng cộng sản Việt Nam vì đã mang danh nghĩa người làm hòa bình bất đắc di, phải thực hiện hòa bình.

Đối với Kissinger thì thật là hợp ý, Kissinger "được ăn được nói, vừa được gói được mở"; nhưng đối với Lê Đức Thọ và đảng cộng sản Việt Nam thì giải thưởng khó nuốt như một cái gân gà, bỏ thì tiếc nuối cũng chẳng trôi. Cuối cùng đảng cộng sản chọn con đường thực tế. Thọ từ chối nhận giải thưởng.

Dù có ý định tốt, việc Ủy Ban quyết định trao giải thưởng hòa bình Nobel cho hai nhà thương thuyết Paris năm 1973 là một quyết định không phù hợp với tinh thần của giải thưởng. Đối tượng của giải hòa bình Nobel phải dành cho những chiến sĩ hòa bình chân chính, những người có thể hy sinh tính mạng vì hòa bình. Giải hòa bình Nobel không thể dùng làm vũ khí chính trị để mua hòa bình, và tưởng thưởng cho những nhân vật không hề hiểu nghĩa hai chữ hòa bình.

Hai giải hòa bình Nobel năm 1973 và 1994 giống hệt nhau như hình và bóng qua một tấm kính. Giống hệt nhau nhưng ngược lại nhau. Lại còn giống nhau và ngược nhau hơn khi năm 1994 có một ủy viên trong Ủy Ban phụ trách chọn đối tượng trao giải từ chức để phản đối quyết định của Ủy Ban chọn Yasser Arafat, trong khi năm 1973 không có một ủy viên nào phản đối sự chọn lựa Lê Đức Thọ.

Thật trớ trêu!

Trần Bình Nam

# Dân tộc Việt Nam đứng trước vấn đề tôn giáo

Nguyễn Huy Bảo

Bất cứ đối với dân tộc nào, vấn đề tôn giáo cũng rất quan trọng. Bởi vì tôn giáo lôi cuốn, liên quan đến đời sống của hàng nghìn hàng triệu người. Tôn giáo là nòng cốt của một dân tộc. Nó có thể chia rẽ hay là hợp nhất dân tộc đó. Ngay ở Việt Nam chúng ta, trong bao nhiêu thế kỷ, nhất là thế kỷ thứ 19, vấn đề tôn giáo đã gây ra nhiều cuộc thảm sát và biết bao nhiêu cảnh bi đát cho dân tộc ta. Cho nên bàn về vấn đề tôn giáo hiện nay cho nước ta không phải là một việc vô ích hay thừa vây. Vấn đề tôn giáo can hệ đã đành nhưng nó còn rất phức tạp. Cho nên trước khi vào đề ta nên định nghĩa một vài danh từ đã.

Đức Khổng xưa có nêu ra thuyết chính danh. Chính danh là gì? Chính danh nghĩa là dùng danh từ đúng vào sự vật, vào một vấn đề nào đó. Không có chính danh thì làm sao đổi thoại hiểu nhau được? Không có chính danh thì cũng có thể mất trật tự trong nước. Đức Khổng còn cho chính danh là căn bản của sự điều hòa trong Trời Đất.

Người Á đông chúng ta thường đồng hóa Luân lý và Tôn giáo. Theo các triết gia người Âu thì hai khái niệm đó khác biệt nhau lắm. Luân lý là công trình của lý trí, của xã hội, của phàm trần. Còn Tôn giáo có thể có lý trí có xã hội ở trong, nhưng nó còn có sự siêu nhiên huyền bí. Nó còn có lễ nghi (*rites*), có mặc khải (*révélation*) của một ông Trời, của một Thượng đế. "Đạo ư thiên", Đức Khổng đã dạy.

Người Á đông chúng ta thường cho Phật giáo là một tôn giáo. Theo khoa học Âu tây thì Phật giáo nguyên thủy chỉ là một luân lý vì ở trong đó không có Thượng đế. Đức Phật không tự cho mình là Trời, Đức Phật chỉ cho mình là một phàm trần đã kiểm được phương pháp để tránh sự đau khổ, để tránh được cuộc luân hồi (*samsara*). Đức Phật chỉ cho mình đã được giác ngộ. Muốn được giác ngộ thì chỉ chính mình mới làm được. Không ai cứu chữa được mình cả. Mình tự cứu lấy mình.

Khổng giáo cũng không phải là một tôn giáo. Đức Khổng dạy: "Việc đời này ta còn không biết nữa là đời sau". "Quỷ thần ta nên tránh xa", Khổng tử chấp nhận quan niệm thông thường: nguyên thủy có âm dương. Âm dương hợp lại thành thái cực. Âm dương di chuyển mãi mãi sinh ra trời đất. Không có Thượng Đế cấu tạo ra trời đất.

Khổng giáo hay Phật giáo chỉ là những vũ trụ quan hay nhân sinh quan, cả hai đều ở trong phạm vi triết lý. Còn như tôn giáo thì phải có một Đấng Tối Cao, một Thượng Đế để ý tới chúng sinh, cứu thoát chúng sinh; phải có một giáo hội trong đó có trật tự trên dưới, có lễ nghi hẳn hoi, có một truyền thống giáo lý. Chẳng hạn Phật giáo nguyên thủy không có phép cưới xin, không có ma chay. Những lễ cưới xin, những lễ nghi về ma chay mới có sau đây vì Phật giáo muốn giống các tôn giáo khác. Danh từ Giáo Hội Phật giáo cũng mới có gần đây vì xưa kia mỗi chùa là một đơn vị, tách biệt với đơn vị khác, độc lập với nhau, không có trên dưới, phảm trật, chùa này trên chùa kia. Không có luật lệ nhất định. Dân thường ai cũng có thể cạo đầu mặc áo cà sa, tự cho mình là một chán tu, không ai kiểm soát được ai. Đây là lời của Thủ tướng Nguyễn Văn Hương, khổ vì những người Phật giáo biểu tình liên miên khi ông còn tại chức. Xin kể thêm một kinh nghiệm bản thân. Khi tôi còn làm khoa trưởng Đại Học Văn khoa Sài gòn, có một ông sư trẻ tuổi, vào yết kiến tôi, đòi tôi cho học chính thức văn khoa, ghi danh vào sổ sinh viên hẳn hoi tuy

là ông ta không có tú tài. Tôi chối từ. May hôm sau tôi thấy cậu ta ăn mặc âu phục chỉnh tề, không còn áo cà sa nữa, nhìn tôi một cách ngạo mạn.

Trái với luân lý thông thường, Khổng giáo có những lẽ nghi, có chỗ họp (định làng), có giáo phẩm (các khoa bảng), có phẩm trật của nhà nước trao tặng, có nhà nước chi phối, đứng đầu. Ta có thể cho Khổng giáo là một quốc giáo phàm trần (*une Eglise nationale laïque d'Etat*).

Ông Phạm Quỳnh, một nhà thám nho, đã viết trong báo Nam Phong, số 163, tháng 6 năm 1931 những dòng sau đây: "...từ khi cái học của Khổng Mạnh, trước bị Hán nho, rồi sau đến Tống nho, lập thành đạo có tín điều, có giáo lý, có lễ nghi hình thức phàm minh, thời không phải là học thuật nữa, mà nghiêm nhiên thành tôn giáo rồi. Người theo đạo đâu có dám nghị luận về lê đạo nữa. Nếu còn dám dị nghị điều gì, hay là ăn ở khác với lê đạo, thì là có tội với danh giáo,ắt phải trực xuất ra ngoài giáo hội rồi."

Tôn giáo có thể bị lợi dụng được không?

Vì cơ cấu không được vững chắc, vì cấu trúc lỏng lẻo nên Phật giáo hay bị các chính quyền lợi dụng. Hồi pháp thuộc, chính phủ thực dân ra lệnh cho các quan tổng đốc Nguyễn Năng Quốc, Vi Văn Định đứng ra tổ chức lại Phật giáo, lấy chùa Quán Sứ (cạnh Đầu Xảo cũ) làm trụ sở. Một ban Phật giáo cũng có chân trong Hội Tam Điểm (*Franc-Maçonnerie*) nói với tôi: "Người Pháp muốn dùng chùa để phá nhà thờ". Chia rẽ để trị là một phương pháp cổ truyền của người La Mã, họ đã dùng để di chinh phục thiên hạ.

Hội Tam Điểm cũng dính tay trong vụ này. Nhiều người viết sách về Phật giáo đều là những người có tên tuổi trong Hội Tam Điểm như các ông Phạm Quỳnh, Trần Trọng Kim v.v...

Cuộc đảo chính lật đổ chính phủ Ngô Đình Diệm đã có những dữ kiện chứng tỏ rằng người ngoại quốc có thể dùng tôn giáo để can thiệp trực tiếp vào hành chính, chính trị của một nước. Họ dùng người bản xứ đánh lại người bản xứ, lật đổ chính quyền. Hồi đó bà Cabot Lodge cũng mặc áo dài vào chùa, chấp tay lạy Đức Phật một cách kính cẩn.

Người Nhật cũng lâm le muốn dựa vào Phật giáo để gây ảnh hưởng cho mình. Hàng ô tô Nhật Toyota có để ra một món tiền để in quảng cáo, khuyến khích người mình đi hành hương các chùa có tiếng ở bên ta như chùa Hương Tích chẳng hạn. Thật là một cách khôn khéo để, trước là quảng cáo cho hàng ô tô của mình, sau là gây ảnh hưởng chính trị.

Những cuộc tụ thiêu của các sư, những hy sinh, vào tù ra khám của các thầy và các cư sĩ Phật giáo, chứng tỏ một cách rực rỡ cho cả hoàn cầu biết rằng Phật giáo Việt Nam đã có thời rất là sáng suốt, không vì một chút lợi nhỏ hay những cực hình mà bỏ phận sự chiến đấu cho tổ quốc, dân chủ và nhân quyền. Là người công giáo tôi sẽ hành điện, phi chí nếu Phật giáo Việt Nam cũng được Phật giáo thế giới quý mến, khâm phục vì Phật giáo Việt Nam cũng có những sự tăng uyên bác, biết từ bi hỉ xả để cho nhân loại thoát vòng luân hồi, ra khỏi bể khổ, đạt tới cõi Nát Bàn.

Còn Khổng giáo thì sao?

Ở đây tôi cùng xin lấy lại một câu của ông Phạm Quỳnh, cung trích ở bài báo kể trên: "Nhó học lợi ích cho các chính phủ quân

chủ chuyên chế nên các đế vương nước ta lại càng tôn sùng lăm. Dời Lý, dời Trần cái phong Phật học còn thịnh, nên nhân tài trong nước thường thường vẫn có người xuất thân ở trong hàng tăng lữ. Từ cuối Trần, đầu Lê trở về sau, thì bao nhiêu nhân tài là đúc theo cái khuôn khoa cử của Nho giáo cả. Cái chế độ khoa cử thật là một cái quả rái hại mà sang đến bên ta cái độc của nó lại gấp mấy lần nữa. Bao nhiêu kẻ anh tuấn trong nước đều phải đúc vào cái khuôn ấy cả, nếu không thì không thể ra thi thố gì với đời được nữa. Nhưng đã đúc vào cái khuôn ấy rồi thì thần trí eo hẹp lại, sao mà còn có tư tưởng, có học vấn tự do nữa?... Ở nước ta thì đã hơn 600 năm sinh trưởng trong cái chế độ ấy, trách nào cái khí tinh anh trong nước chẳng đến tiêu mòn đi hết cả. Ở Văn Miếu Hà Nội còn mấy dãy bia kỷ niệm các cu đồ tiến sĩ về đời Hậu Lê. Trong đó có nhiều bậc nhân tài lỗi lạc, nhưng vì mài miệt về đường khoa cử nên mai một mất cả, tên còn rành rành trên bia đá đó mà có sự nghiệp về đường học vấn, tư tưởng được những ai?".

Câu phê bình trên thật là chí lý, sâu sắc, xác đáng, chỉ tiếc rằng chính sách văn hóa, giáo dục của ông Phạm Quỳnh sau này (1933) lại đi ngược chiều hẳn sự nhận định trên. Sau cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng ở Yên Bác (1930), chính quyền thực dân Pháp thấy chính sách đồng hóa (assimilation) có hại cho mình vì chính người cầm đầu cuộc khởi loạn là Nguyễn Thái Học đã nhân danh những giá trị nhân quyền của Pháp (tự do, bình đẳng, bác ái) mà kêu gọi để lật đổ chính quyền thực dân.

Vì vậy nhân có cơ hội hoàng tử Vinh Thụy lên ngôi (1932) lấy vương hiệu là Bảo Đại, người Pháp mới cho ra một lá bài mới (?) - đã gần nửa thế kỷ đô hộ Việt Nam chả nhẽ không có cái gì mới? - là trả lại Hiệp ước Patenôtre (1884) mà từ lúc đầu Pháp thường vi phạm (thuộc địa hoá Bắc Kỳ, tách bạch dần dần Bắc với chính phủ Trung Kỳ, thuộc địa hoá nhanh chóng Nam Kỳ, đặt Thống sứ Pháp ở Bắc, Khâm sứ ở Trung, Thống đốc ở Nam, Công sứ Pháp ở mỗi tỉnh Bắc, Nam Trung. Đầu còn là nguyên tắc "tự trị trong phạm vi nội bộ" của Hiệp ước Patenôtre nữa?). Đồng thời Pháp tổ chức lại ngành giáo dục. Lập ra tú tài bản xứ khó hơn tú tài tây. Chương trình của lớp đệ nhất bản xứ là chương trình của hai lớp đệ nhất toán và triết của tú tài tây họp lại! Thêm vào đấy, triết lý và sử ký Trung Hoa và Ấn Độ. Tuy vậy tú tài ta không được trọng bằng tú tài tây. Ngoài chương trình nhồi sọ, những chức tước cũ ở trong học chánh được lập lại. Nay sẽ có Đốc học làm thanh tra toàn tỉnh, Giáo thụ, thanh tra phủ, Huấn đạo, thanh tra huyện. Đốc học được phép đeo bài ngà hay Kim khánh.

Sau này chương trình Hoàng Xuân Hán, Việt Minh, Ngô Đình Diệm cũng không hơn gì. Vì cùng một chứng bệnh: viễn vọng, sách vở, thiếu suy nghĩ, vẫn bị ảnh hưởng nặng của Nho giáo. Một văn hóa mới, một ngôn ngữ mới không phải một đêm, một ngày mà có được.

Xưa kia, nhà chính trị học André Siegfried có câu này: trong các giá trị của phương tây, giá trị "cai trị một nước" (administration) là phương đông không có. Câu đó một phần nào đúng vì Trung Hoa, Ấn Độ, Việt Nam (trừ Nhật Bản vì họ đã Tây hóa rất nhiều) rất lủng củng trong việc cai trị dân. Trung Hoa loạn trong gần một thế kỷ. Ấn Độ hiện nay có hơn gì? Việt Nam đứng hàng cuối trong vấn đề cai trị dân (Độc tài đến nỗi không còn luật lệ gì nữa!).

Tại sao vậy?

Có nhiều lý do làm cho cách cai trị của vua quan hồi xưa rất kém. Đầu tiên một trong những lý do đó là kém về tâm lý. Đạo Khổng chả dạy: nhân chi sơ tính bản thiện sao? Vì theo nguyên tắc này mà ta chỉ cần luân lý, không cần luật. Cần chi viết giấy cam đoan, cứ hiểu nhau tin nhau là đủ rồi. Ai cũng tốt cả mà! Thứ

hai là vì cách trừng phạt nặng quá, không có mực thước, không theo tội nặng hay nhẹ nên trong các hàng quan lại không còn ai dám có sáng kiến nữa, chỉ vâng vâng dạ dạ là xong. Các nhà văn phê bình củ chỉ Nguyễn Du trong triều Nguyễn cho là ông hay còn quyền luyến với nhà Lê nên không muốn giúp triều đình nhà Nguyễn, có biết đâu đây là cử chỉ thông thường của các quan lại. Làm quan đâu có phải là sướng? Có khi mất đầu là thường. Người ta chả ví đời làm quan là bể hoạn sao? Thân thể của Nguyễn Trãi, của Phan Thanh Giản, của Nguyễn Văn Thành chứng tỏ sự đó.

Vì ta chỉ cần luân lý nên ta không nghĩ đến cách làm cho xứ sở giàu mạnh. Trong sỉ, nông, công, thương, thương đứng chót mà trong thời đại kim tiền này thương lại là nhất!

Lý tưởng của dân tộc ta là làm sao đạt được tối thiểu. Nhiều nhà văn tìm hết cách để ca tụng một cuộc đời nhàn hạ. Trái lại ở bên Âu Mỹ, người ta thấy dân Âu Mỹ tìm hết cách để hoạt động. Hoạt động được là sung sướng. Chỉ khi mắc tật mới không hoạt động.

Ông Đặng Phúc Thông kể lại khi ông học giáo sư thạc sĩ Houlié ở trường Albert Sarraut, ông ta có thốt ra lời này: "Không giáo là một triết lý cho những dân nô lệ" (*le confucianisme est une philosophie pour esclaves*). Vì vậy mà thực dân mới muốn ta trở lại quốc hồn quốc túy đó. Các chính phủ cộng sản Tầu, Ta mới muốn dân học lại Tú Thư, Ngũ Kinh khi mà họ chiếm giữ được chính quyền rồi.

Còn toàn quyền Paul Doumer trong cuốn sách hồi ký của ông có viết: "Khi người Pháp sang Việt Nam thì người Việt Nam đã sẵn sàng chịu đô hộ" (*Quand la France arriva en Annam, les Annamites étaient prêts à être protégés*).

Những nhà cải cách Trung Hoa, hồi cuối thế kỷ 19, đã hiểu rằng muốn chống lại được Âu châu chỉ có cách là thay đổi hẳn cách suy tưởng của mình. Sau cuộc thất bại của Trung Hoa đối với Nhật 1895, họ rất là hổ thẹn: một nước không lồ như Trung Hoa mà lại chịu thua một nước nhỏ bé, học trò cũ của mình! Nên nhiều thanh niên, sinh viên Tầu bỏ ra nước ngoài để tìm cái kế làm sao cho Trung Hoa cũng được mạnh như Nhật Bản. Trong nhóm thanh niên này có Nghiêm Phục. Ông này đầu tiên sang Nhật và Anh để học kỹ thuật đóng tàu. Nhưng khi học được vài năm, ông thấy đóng tàu chỉ là một việc nhỏ, cách ăn ở, cách suy tưởng mới là việc chính. Ông nghĩ người Áu sở dĩ họ mạnh hơn người Á Đông là vì họ quan niệm con người là một con vật chiến đấu, sáng tạo chứ không thụ động. Khi ông đọc được sách của A. Huxley về "Evolution and Ethics" ông ta thấy đó là liều thuốc hiệu nghiệm để thức tỉnh dân Tầu: đã sống là phải chiến đấu. Dung hòa, trung hòa trung dung không còn là lý tưởng của con người, của thời đại này nữa. Trái lại phải liều lĩnh, hy sinh, vượt qua các khó khăn. Quan niệm nhàn không hợp thời nữa. Những học giả sau này như Hồ Thích, Lô Tán, những nhà cách mệnh như Tôn Dật Tiên, Mao Trạch Đông đều cho Nghiêm Phục nói rất chí lý.

Tháng tư năm 1929, ba ngàn sinh viên đại học Bắc Kinh, sau đó sinh viên toàn quốc, xuống đường đứng lên đả đảo Nho giáo, cho rằng vì Nho giáo, vì Khổng Tử mà dân Tầu mới bị nhục nhã trong hòa ước Versailles. Họ hô khẩu hiệu "đả đảo lèu Khổng tử" (*A bas la boutique Confucius*) vì Khổng giáo mà dân Tầu mới mất nhuệ khí. Vì trung hòa quá nên cả hoàn cầu mới miệt thị dân mình. Số là hồi đại chiến thứ nhất, Trung Hoa đứng về phe Đồng Minh, cũng gửi thợ vào các xưởng làm súng, thế mà nay Đồng Minh thắng trận, không những Trung Hoa không được gì mà lại còn bị Đồng Minh cắt đất đưa cho Nhật, hợp pháp hóa quyền lợi mà Nhật đã chiếm được trước chiến tranh.

Nhưng khi cách mệnh đã thành công thì nước Tàu lại bắt đầu trả lại Khổng giáo như cũ. Năm 1980, đại học Sơn Đông bên Tàu chả bàn về vấn đề: "Ta hãy đánh giá lại học thuật và tư tưởng của Khổng Phu Tử" ư? Tháng 10-1981, Hội nghị Hàng Châu họp 250 chuyên gia, trong đó có nhiều giáo sư ở ngoại quốc về, để bàn về Khổng giáo.

Bên Việt Nam, các ông Nguyễn Xiển, Nguyễn Lan, đứng trước cảnh đau lòng về xã hội văn hóa của nước nhà hiện nay, cùng hô hào nên bỏ đảng trị mà trở về đức trị. Nhưng đức trị là gì nếu không phải Khổng giáo cổ truyền? Ta quên rằng vì nó mà ta mất nước?

Ngoài Khổng giáo, ta còn Lão giáo, Thiên Chúa giáo... Khuôn khổ nhỏ hẹp của tờ báo không cho phép bàn thêm. Xin để đến kỳ khác. Nhưng trước khi kết luận, tôi không thể bỏ qua cái đạo lý, cái tôn giáo đang hoành hành bên Việt Nam. Tôi muốn nói về thuyết Mác-Lênin.

Tôi còn nhớ lúc Việt Minh mới lên, ở lớp triết lý ở Khải Định, tôi có nói tới khía cạnh tôn giáo của thuyết cộng sản. Lúc bấy giờ có giáo sư Đoàn Hồng. Ông này bèn tuyên truyền ngay lại, cho là cộng sản không phải là một tôn giáo.

Công sản có phải là một tôn giáo không?

Ta cứ xem xét cùi chỏ của người cộng sản thì ta thấy thuyết Mác-Lênin hẳn là một tôn giáo: không được chỉ trích, suy tưởng lại những giáo điều mà đảng đã ra lệnh cho phải tin. Ai mà dám suy luận khác đi một chút là phải công khai tự phê bình, bị chỉ trích, có khi bị đuổi ra khỏi đảng. Cứ vài năm đảng họp đại hội một lần để ban những điều phải tin. Những cuộc họp này có thể ví được như các công đồng (*concile*) bên Thiên chúa giáo. Tổng thư ký, các cán bộ, vv... có thể coi như các hàng giáo phẩm trong một đạo. Đảng là một giáo hội. Người cầm đầu thật, chính cống, có khi ta không được biết. Có khi là một người hay một đảng ngoại quốc. Trong các nhà thường dân, thay vì bài vị, có ảnh của ông Hồ trên bàn thờ. Thuyết Mác-Lênin thật là một tôn giáo toàn diện.

Đã đến lúc ta phải kết luận.

1. Ta không nên đồng hóa luân lý với tôn giáo.

2. Tôn giáo nào cũng có thể bị một nhà chính trị hay một đảng lợi dụng. Sự lợi dụng này rất hại cho một quốc gia vì nó là mầm mống cho nhiều cuộc nội loạn. Lịch sử cho ta biết nhiều chiến tranh tôn giáo thường bắt nguồn từ một tư lợi cá nhân hay đoàn thể.

3. Cho nên ta nên tách rời tôn giáo với chính trị, đạo với đời. Chúa Ki tô xưa đã phán "Hãy trả lại trần thế cái gì của trần thế, còn cái gì của Chúa thì hãy để lại cho Chúa". Đây là nguyên tắc căn bản, nguyên thủy của quyền tự do con người và của chính thể dân chủ.

4. Nếu nước ta mà đạt tới chính thể phi tôn giáo (*laïc*), nghĩa là phân chia rõ rệt đạo và đời, chính quyền và tôn giáo, thì phúc cho dân ta biết bao nhiêu! Vì như vậy không còn có quốc giáo nữa. Quốc giáo là nguồn của sự tranh chấp giữa các tôn giáo, giữa các giáo quyền.

Một chính phủ mà đòi ngự trị cả trong tâm hồn của mỗi công dân là một chính phủ hoàn toàn độc tài. Ngoài ra, chính phủ này lại là nguỘt bậc vì lịch sử tiến hóa của nhân loại là đi tới "đời hóa", "trần thế hóa" dần dần.

Nước ta hiện nay có bao nhiêu vấn đề cần thiết, bắt ta phải giải quyết ngay tức thời, như vấn đề kinh tế (làm sao cho toàn dân được ấm no), xã hội (làm sao không có sự chênh lệch quá giữa giàu và nghèo), ngoại giao với Trung Hoa (vấn đề quần đảo

Trường Sa...vấn đề biển thùy, vấn đề vịnh Hạ Long...). Tôi không hiểu tại sao chính phủ hiện nay vẫn tiếp tục chính sách đàn áp tôn giáo, đặt ra vấn đề tôn giáo để không giải quyết được.

Tôi mong rằng chính phủ hiện thời thức tỉnh lại. Hãy để cho các giáo hội giải quyết lấy những vấn đề của họ, đừng xen lấn vào nội bộ của họ vì họ hiểu biết những vấn đề của họ hơn là các quan cách mệnh, rất là i tờ về tôn giáo. Được như vậy nước ta mới khá lên được.

**Nguyễn Huy Bảo**

LTS: Cụ Nguyễn Huy Bảo, 87 tuổi, Cựu Khoa trưởng Đại học Văn Khoa Sài Gòn, nổi tiếng là người cổ võ tự do tư tưởng. Nội dung bài trên một lần nữa chứng tỏ điều đó. Mong rằng tư tưởng tự do của cụ sẽ mang lại nhiều tiếng vọng về những vấn đề mà cụ đã nêu lên và bàn luận.

### Sách mới:

#### Cuộc sống riêng của Mao

Một cuốn sách lý thú. Tít là: "Cuộc sống riêng của chủ tịch Mao". Tác giả: Li Zhi-Sui, người Tàu, bác sĩ riêng của ông Mao Trạch Đông từ 1955 đến năm 1976, khi người cầm lái vĩ đại qua đời. Bị "thất nghiệp" từ đó, bác sĩ Lý sang Hoa Kỳ sống, ngồi viết sách. Những điều ông ta nhìn, thấy, nghĩ suốt 21 năm bên cạnh Mao, phải im như thóc cả một thời gian dài ấy, nay được thỗ lộ bộc trực cho bàu dân thiên hạ cả năm Châu cùng biết và thưởng thức... sự thật.

Cuốn sách của đốc tờ Lý dài đến 663 trang. Ông là cả một kho chuyện. Vì ông là người luôn ở gần ông chủ, bắt kể sáng, trưa, chiều, tối, đêm... Trước đây, bộ máy kiểm soát chặt ông ta, ông phải giữ kín mít mọi chuyện, từ một cơn sốt, một trận đau bụng, một lần đau lưỡi và họng, cho đến con "chim" của cụ bị lở loét... nay thì ông có dịp kể lại hết.

Lắm chuyện lạ, độc nhất vô nhị, kỳ quặc ở "lãnh tụ vĩ đại", "vùng hòn ở Phương Đông" này. Ví như: Mao không đánh răng, chỉ xỉa răng và lau qua quít. Mao từng nói: Hỗ không bao giờ đánh răng, mà răng vẫn trắng và sắc! Mao cũng rất ít khi tắm. Suốt mấy chục năm cuối đời, Mao chỉ ngồi hay nằm cho bộ hạ, nam nữ, thay nhau lấy khăn nhúng nước ấm lau mình và các bộ phận. Thế là sạch chán! Mao có tập quán mặc áo ngủ hàng tuần lễ trong những phòng riêng thơm mát, tùy hứng gọi bộ hạ đến làm việc, bất kể thời gian nào, kể cả nửa đêm hay tờ mờ sáng.

"Người cầm lái vĩ đại" quan tâm đặc biệt đến thể hệ trẻ măng, chiếu cố riêng phái nữ. Ông ta cho rằng các "cháu gái yêu" có ba ưu điểm cơ bản: - tao hứng thú riêng cho bản thân; - phát biểu cảm tưởng một cách chân thật và không dám che dấu điều gì; - ông hy vọng kéo dài tuổi thọ, sống trên trăm tuổi theo lời chúc tụng hàng ngày đối với "lãnh tụ vĩ đại" (vạn tuế), do ngực và bộ phận dưới của các thiếu nữ trinh bạch khi "hầu lãnh tụ" sẽ tiết ra những chất trường sinh bất tử...

Bác sĩ Lý còn nhận định: qua quan sát của tôi, Mao là một kẻ độc đoán tàn bạo nhất, ẩn dấu dưới dạng bộ hiền hậu; ông ta coi mỗi người ở gần như là một kẻ tôi đài, một tên nô lệ, và thủ tiêu không chút đắn đo bất cứ ai tỏ ra thiếu kính nể và phục tùng ông ta.

Thì ra lãnh tụ chuyên chế nào cũng thế. Khi xuống huyệt hay vào lăng rồi, sự thật về đời họ mới được đưa ra, xóa bỏ tất cả những điều giả dối thêu dệt bởi bộ máy tuyên truyền, để hiện nguyên hình "đúng như thật", "đúng như nó có". Thần tượng Mao uy nghi lâm liệt, dưới ngòi bút của đốc tờ Lý, đang sụp vỡ, tan hoang như một núi giấy bẩn gấp cơn động vây.

**B.T.**

## Ngành an ninh và quyền công dân

□ 180 kilômét hồ sơ của Stasi □ KGB và Stasi: anh cả và anh hai của ngành an ninh Việt Nam □ Một yêu cầu cấp bách

Theo báo Đức, Sylvia Kegel ngồi giữa một phòng nhỏ chứa đầy túi màu xám, trong một tòa nhà cũ xấu xí vùng Lichtenberg ở ngoại ô Berlin. Việc của cô là nối lại các đoạn phim cũ. Các túi phim cứ dày dần. Người ngồi cạnh cô cũng làm việc ấy, nhưng là dán các vi phim (microfilms), khổ rất nhỏ. Phía trước, một người nửa cuộn các dây ghi âm từ tính lớn và xếp lên giá từng cuộn, từng cuộn.

Họ làm việc suốt ngày, mỗi tuần 7 ngày và công việc chưa biết bao giờ mới xong, có thể sang đến thế kỷ sau.

Có lẽ đây là một công việc qui mô lớn nhất, có nhiều tham vọng nhất để đóng góp cho việc phục hồi lịch sử cận đại và hiện đại đúng như nó có một cách tỉ mỉ nhất.

Cô Kegel và đồng sự ở trong số 3.500 viên chức của cơ quan Gauck. Chả là ông chủ của cơ quan này tên là Joachim Gauck, một mục sư Tin Lành Đông Đức cũ, hiện đảm nhận việc đưa ra ánh sáng toàn bộ các hồ sơ của cơ quan an ninh nhà nước cộng sản cũ ở Đông Đức, mang tên Staatssicherheitdienst, gọi tắt là Stasi.

Nơi đây chính là bản doanh của Stasi. Tất cả tài liệu đều được gìn giữ chu đáo và khai thác thành tài liệu viết, bằng hàng loạt máy điện toán hiện đại, được kiểm tra, đánh số, sắp xếp cho vào các bộ nhớ. Sự chính xác ở đây rất cao, theo truyền thông xa xưa của nước Phổ (kỷ luật Phổ, chuẩn xác Phổ).

Hoạt động rộng lớn của con bạch tuộc Stasi trong gần nửa thế kỷ của nó được tái hiện trong từng chi tiết nhỏ nhất. Các hồ sơ được thu hồi, sắp xếp, bổ sung; những đoạn dây ghi âm được gìn giữ, xác định vị trí; những đoạn phim tình báo được xem xét, đánh giá.

Quyền tự do của mọi công dân Đức tiếp cận những hồ sơ, tài liệu của Stasi liên quan đến bản thân mình được bảo đảm. Các nhà báo được phép đến đọc, chụp các tài liệu cần thiết. Người ta được biết đến khá nhiều tên tuổi từng là đối tượng bị theo dõi chặt chẽ của Stasi, cũng như những kẻ vốn là tay sai, cộng tác viên, chỉ điểm của Stasi.

Ở đây người ta ước tính có đến 180 kilômét chiều dài của các ngăn để hồ sơ và tài liệu, chưa kể đến 6.000 túi tài liệu cũ để đầy ở tầng trệt của tòa nhà phố Lichtenberg này.

Những ngày cuối cùng của chế độ cộng sản ở Đông Đức, Stasi đã có ý định phá hủy kho tài liệu này; một số tài liệu đã bị ném vào đống rác, vứt xuống cống rãnh, nhưng phần lớn đều được thu hồi.

Mục sư Joachim Gauck phát biểu: Bài học sau 1945 của chúng tôi là đã không phát hiện, đưa ra công khai đầy đủ kho tài liệu mật của bọn phát-xít Hít-le để mọi người hiểu rõ chế độ ấy; đến nay, chúng tôi thấy cần đưa ra công khai toàn bộ tài liệu của Stasi, để bộ mặt thật của một chế độ độc đoán, đàn áp quyền công dân một cách tinh vi, độc ác và phi pháp được phơi bày rõ nét cho người Đức và toàn thế giới cùng thấy. Đây là một bài học lớn.

Mục sư cho rằng cần phân biệt những kẻ buộc phải cộng tác qua quýt, cho yên thân với những kẻ làm tay sai đắc lực cho Stasi. Mục sư nói: Không thể bỏ qua hơn 40 năm lộng hành của Stasi,

vì sức khỏe tương lai của cả dân tộc và đất nước này.

### Trông người lại nghĩ đến ta

Ở Bộ Nội Vụ, ở Tổng Cục An Ninh, Tổng Cục Cảnh Sát trên phố Yết Kiêu và phố Trần Bình Trọng, Hà Nội, hiện có biết bao tài liệu mật của ngành an ninh, ghi lại biết bao vụ án oan, án giả, đày đọa một cách phi lý và phi pháp nhiều công dân lương thiện, trong đó có cả một số cán bộ cộng sản cấp cao, bộ trưởng, thứ trưởng, tướng lãnh, đại tá, nhà văn, nhà báo, giáo sư, trí thức... Người ngoài đảng và phó thường dân thì bị đày đọa không chút nể nang, thương tiếc.

Bao giờ sự thật oan trái sẽ được phơi bày ở nước ta? Cần chỉ ra Bộ Nội Vụ Việt Nam từng xác định học tập KGB Liên Xô và Stasi Đông Đức là nhiệm vụ của ngành an ninh Việt Nam, coi đó là hai người anh tài giỏi, giàu kinh nghiệm nhất, từng huấn luyện và trang bị cho an ninh Việt Nam.

Nhiều trí thức, văn nghệ sĩ có lương tâm ở trong nước cho rằng khi những người cầm đầu KGB và Stasi ở Liên Xô, Đông Đức cũ đã bị thải loại, bị truy tố do những tội lạm quyền, vu cáo, tra tấn, dùng nhục hình, xử lý oan úc thô bạo đối với công dân thì ở Việt Nam, cơ quan an ninh phải trong sạch hóa khi thực hiện cái gọi là "đổi mới". Không thể để cho những người từng úc hiếp, vu cáo, dùng nhục hình đối với công dân lương thiện cứ mặc nhiên tại vị, mặc nhiên tiếp tục lao vào tội lỗi, bắt bớ, kèm kẹp những con người ngay thẳng đòi dân chủ và tự do, lại còn ngang nhiên viết báo, nói chuyện, khẳng định rằng: đảng ta xử lý mọi chuyện đều đúng đắn, chẳng cần phải xem xét lại vụ Nhân Văn Gia Phẩm, vụ Xét Lại Chống Đảng... gì cả! Họ còn ngang ngược khẳng định rằng việc đưa hơn 300.000 viên chức và sĩ quan cũ ở miền Nam đi "cải tạo" - thực tế là đày đọa và bỏ tù họ - là một việc làm "nhân đạo"! Họ cũng lấp liếm vụ ngành an ninh thu vàng bán báy, bán tàu thuyền ợp ép để tạo nên thảm cảnh thuyền nhân, thực tế là một tội ác chưa từng có trong lịch sử Việt Nam, vì biết bao người đã bỏ mạng trong lòng đại dương và biết bao người sống cực nhục trong hàng trăm trại tị nạn cho đến tận ngày hôm nay.

Đây là một yêu cầu cấp bách mà cộng đồng người Việt ở nước ngoài cần đồng lòng lên tiếng và yêu cầu các chính phủ sở tại Hoa Kỳ, Pháp, Đức, Anh, Úc... và Liên Hiệp Quốc đặt ra công khai với chính phủ Việt Nam: những người có thành tích bất hảo trong cơ quan an ninh Việt Nam, từng bắt bớ, tù đày, tra tấn, kết án oan uổng những công dân ngay thẳng cần phải bị loại bỏ ngay khỏi cơ quan đó, và việc này cần làm công khai minh bạch, có thông báo cho xã hội, cho công luận trong và ngoài nước được biết.

Không gì phi lý và phi pháp hơn là trong thời kỳ "đổi mới", bộ máy và những người từng tra tấn, hành hạ hàng vạn trí thức, văn nghệ sĩ, nhà hoạt động chính trị như Chu Văn Tấn, Đặng Kim Giang, Ung Văn Khiêm, Vũ Đình Huỳnh, Hoàn Minh Chính, Nguyễn Hữu Đang... lại lồng hành để hành hạ Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Nguyễn Hộ, Nguyễn Đình Huy... và hàng vạn công dân lương thiện khác.

Bùi Tín

# Thư gửi Giáo sư Phan đình Diệu

Ủy viên Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khóa IV

Ngày 2 tháng 9 năm 1994

Kính gửi anh Phan đình Diệu,

Xung quanh vấn đề văn minh hóa, dân chủ hóa đất nước, dịp kỷ niệm Cách mạng tháng 8 và Quốc khánh 2-9 năm nay có hai hiện tượng gây cho tôi những suy nghĩ, khiến tôi muốn gửi tới anh bức thư này.

1). Hiện tượng thứ nhất nằm ở tầm "vĩ mô" của đất nước. Tại Đại hội Mặt trận Tổ quốc ở Hà nội, Tổng bí thư Đỗ Mười tuyên bố: "Lấy đại nghĩa Dân tộc làm trọng, lấy mục tiêu chung làm điểm tương đồng, xóa bỏ mặc cảm hận thù, hướng về tương lai, hòa hợp thành một khối thống nhất vì lợi ích đất nước và dân tộc..."

Mình chứng cho lời nói ấy, trong Đại hội MTTQ đã có mặt bà Nguyễn Phước Đại, nguyên phó chủ tịch Thượng viện chính quyền Sài gòn cũ. Ban tổ chức Đại hội cũng đã mời cả những nhân vật cao cấp khác của chính quyền Sài gòn cũ như cựu Tổng thống Dương văn Minh và cựu tổng trưởng ngoại giao Vũ văn Mẫu (tôi không rõ những người này có chấp nhận lời mời không). Dư luận cũng rất chú ý đến sự kiện Giáo sư Phan đình Diệu, "người được biết đến như là một nhân vật có một số ý kiến khác với đường lối của Đảng" (báo Tuổi Trẻ chủ nhật 24-8-94), đã có mặt trong Đoàn Chủ tịch, bài tham luận của ông được đọc trong Đại hội và đăng tải trên báo. Người ta không quên "nhân vật có một số ý kiến khác với đường lối của Đảng" ấy chính là "vị giáo sư toán học" đã được phê phán trên báo Sài gòn giải phóng và báo Nhân dân vì đã trả lời những câu phỏng vấn của nhà Sử học Na uy S. Tonnesson, mà nội dung đã đăng trong một bài báo nước ngoài nhan đề: "Giáo sư Phan đình Diệu: Từ bỏ chủ nghĩa Cộng sản, tiến tới nền dân chủ lưỡng đảng là con đường chuyển hóa đất nước trong ổn định".

Những nhân vật như thế đã được Đảng Cộng sản Việt Nam chấp nhận và mời họp tác một cách trịnh trọng thật là một tiến bộ khác thường, báo chí đã nhắc tới chữ "Điên Hồng", và những người khó tính nhất cũng không thể không ghi nhận.

2). Hiện tượng thứ hai chỉ là một hiện tượng ở cấp "vĩ mô", việc nhỏ nhưng chính nó mới là cuộc sống thực và đủ sức minh họa cho chính sách "Điên Hồng" ở trên.

7 giờ tối ngày 27-8-94 tại Đà Lạt, công dân Đỗ tư Nghĩa, một giáo viên Anh văn và là hội viên Hội Văn học Nghệ thuật Lâm Đồng, đã bị công an tới khám nhà (theo lệnh khám xét khẩn cấp!), bị tịch thu một số sách vở tài liệu và bị bắt giam vì tội "tàng trữ tài liệu chống chủ nghĩa Xã hội", cụ thể chính là bài phỏng vấn Giáo sư Phan đình Diệu của Tonnesson vừa nói ở trên, với mấy bài bình luận ở ngoài nước quanh bài lý luận "Đất tay nhau, đi dưới những tấm biển chỉ đường của trí tuệ" của tôi, v.v... và cuốn hồi ký "Mặt Thật" của Thành Tín. Hai hôm sau, chính tôi cũng bị Cơ quan An ninh Điều tra gửi "Giấy triệu tập" đến Sở công an để thẩm vấn (đây là hình thức

xử lý cao hơn với tôi, lần trước vào dịp ông Nguyễn Hộ công bố bài "Quan điểm và cuộc sống" của ông, tôi mới chỉ được Công an gửi "giấy mời"; gửi giấy "triệu tập" nghĩa là nếu cần thì có thể "mời" ở lại luôn!). Tôi đã công nhận cuốn Mặt Thật ấy là của tôi, do bạn bè gửi cho, vì trong đó có 4-5 trang nhận xét về bài lý luận của tôi, tôi không được biết luật thông tin ở ta đã án định những tài liệu cụ thể nào là phản động. Tôi nói anh Nghĩa là một trí thức hiền lành, không liên quan gì đến chính trị, chỉ muốn có thông tin để sàng lọc cho nhận thức của mình, đề nghị trả tự do cho anh ta. Tối 29-8 anh Nghĩa được thả.

Thưa anh Diệu, tôi kể chuyện này không phải vì nó liên quan trực tiếp đến mình, bởi có gì đâu mà hệ trọng! Về phần anh Nghĩa thì anh ấy lại càng e ngại không dám để lộ nỗi thiệt thòi của mình, chắc hẳn từ lâu anh đã thầm nhuần tính thần hòa hợp nên rất sợ mất đoàn kết, nhất là mất đoàn kết với các đồng chí công an. Chúng tôi cũng chẳng có ý thù kiêng gì, có thể ở nhiều nước khác thì đương sự đã có thể kiện vì bị tước cái "quyền được thông tin" của người công dân, nhưng ở một nền văn minh Nông nghiệp như nước ta thì chẳng ai bỏ thì giờ để đi kiện củ khoai.

Câu chuyện nhỏ này trổ nên đáng nói chỉ vì nó đã xuất hiện đồng thời với những lời tuyên bố rộng mở rất "Điên Hồng" của đồng chí Tổng bí thư giữa những ngày trọng đại, song song như hai bức tranh tương phản, để rồi khớp lại thành một câu đố, thách thức sự hiểu biết của người dân. Có người bảo bức tranh thực tiễn này đã phủ định bức tranh tuyên ngôn kia. Ngược lại có người cho đó là chính sách hai mặt của một chủ trương nhất quán; cái gì mà chẳng có hai mặt, việc xảy ra ở Lâm Đồng chính là sự triển khai lời đồng chí Tổng bí thư chủ mâu thuẫn gì đâu. Một anh bạn thấy tôi đang xem báo Tuổi trẻ chủ nhật, đăng tin về Đại hội MTTQ, thấy tôi gạch dưới chữ "Điên Hồng" bèn đưa cây bút lên phía đầu trang, gạch nhẹ phía dưới chữ "cây cảnh" và chữ "ngồi chơi xơi nước" (cùng ở trang 7) rồi nói dừa: "Các "cụ" nhà ta sành chơi thủy tiên thật đấy, gọt hết rễ đi, rồi mới ngâm vào chậu pha lê, bày lên tủ chè..." Tôi nói: "Nhưng kỳ này có sự chuyển động thật thì biết đâu đấy!" Anh bạn vẫn không tha cho tôi, lại cười khùng khục: "Có Điên Hồng thật thì ai mà chẳng mừng, nhưng phải nhớ cái ông bô lão Ba son Nguyễn Hộ lại để làm Điên Hồng với nhau thì tủi cho hương hồn bà Năm Hộ quá!". Thú thật với anh, tôi lạnh cả người.

Có người lại ví von: chính Phan đình Diệu thì được mời ghế Chủ tịch đoàn, mà người ta chỉ đọc Phan đình Diệu thôi lại bị ngồi ghế trại giam; tương tự như trước đây Phan đắc Lũ chỉ đọc Dương thu Hương đã bị ngồi tù, nhưng chính Dương thu Hương rồi cũng bị tù luôn, thế thì chính sách của ta hồi ấy lại nhát quát hơn bây giờ.

Tình trạng năm người mười ý ấy có thể là do gần đây nhiều

văn kiện chính thống của ta nói nhiều đến *trí tuệ*, đến *dân trí*, đến sự chấp nhận *đi biệt ý kiến*; và có thể điều này cũng đánh thức *dân trí* được chút đỉnh, chút đỉnh thôi mà xem ra đã "*phức tạp*" quá rồi! Nhưng có thể nào khác được, khi đã buộc phải mở một bên cửa để hít thở cái làn gió thật của thực tiễn thì tránh sao cho khỏi cái *phức tạp*, *đa dạng* vốn là thuộc tính số một của cuộc sống? Chính vì thế mà nhiều người đã quan tâm đọc đi đọc lại cái đoạn tham luận của anh trên báo, trong đó anh đề xuất mọi hình thức "*diễn đàn*", từ hình thức *hội thảo* đến *mọi hình thức trao đổi*, và bình thường nhất, thường xuyên nhất phải là *báo chí* và các *cơ quan ngôn luận* đại chúng với *nhiều tiếng nói tham gia*.

Nhưng nói vậy mà thực khó lăm anh Diệu ạ, đấy anh xem, mới tìm đọc ý kiến người khác nói mà người dân đã bị lục soát nhà và bắt giam thì liệu ai dám công khai nói ý của mình? Còn nói đúng theo "*định hướng*" thì tất nhiên tha hồ nói, lại còn có thường, và thứ tự do ấy thì xưa nay ta vẫn dư thừa, nhiều gấp triệu lần thiên hạ!

Tôi đã tâm sự với anh nhân một câu chuyện thực, cũng là để hưởng ứng một kiểu "*diễn đàn*" mà anh đề xuất tại diễn đàn Mặt trận. Muốn được nghe ý kiến của anh về toàn bộ vấn đề, nhưng trong đó có một nhu cầu thiết thực là nhờ anh hỏi Trung ương giúp hộ xem sau khi vận dụng tất cả mọi chủ trương, đường lối, chính sách, luật pháp... của nước ta rồi thì *cho tôi một kết luận cụ thể xem cái cuốn Mật Thật ấy có chính thức là sách phản động và bị cấm không?* Để nếu không phải thì tôi sẽ đề nghị các đồng chí Công an cho xin lại để đọc, vì trước đây tôi cứ chủ quan, nghĩ rằng sách của mình thì chẳng vội gì, lúc nào đọc thì đọc, nên chưa biết trong đó viết những gì, sai đúng ra sao.

Tôi được giải thích rằng tất cả những tài liệu nào không được nhập bằng con đường nhà nước, không được bán ở các hiệu sách thì đều là sách cấm, sách photocopy là sách cấm! Nếu vậy thì tất cả sách vở, tài liệu chụp của anh, của tôi và của bao người mang từ nước ngoài về chắc phải đem đốt đi cả?... Có thể kể ra hàng trăm trường hợp vô lý nếu quy định theo hình thức. Mà quy định theo nội dung thì lại càng vô lý hơn: thế nào là chống chủ nghĩa Xã hội. CNXH là cái chưa có, ai có *tài gì chống được cái chưa hề có trên đời?* Còn CNXH với tư cách như một ước vọng thì sao anh lại bắt tôi phải ước vọng giống anh? Tôi có thể chứng minh CNXH chỉ là một chủ nghĩa không tưởng, mà chủ nghĩa không tưởng thì chính Mác và Lenin đã chống đến cùng... Tóm lại thời nay dù có ba đầu sáu tay cũng không đọc quyển được tư tưởng. Cả một hệ thống nhà nước bao lâu nay còn không thể chỉ ra đích danh những tài liệu nào là phản động để công bố trên báo, trên đài, trên tivi cho mọi người cùng biết thì sao lại buộc những cá nhân công dân phải tự làm việc đó?

Không biết những người đang làm cái việc gọi là "*An ninh tư tưởng*" của nước ta hiện nay có nhận ra một điều rằng *chính cái ý thức quan tâm tìm đọc, nghiên cứu những tài liệu gọi là "ngược chiều"* ấy thực sự đang là thước đo xem một người trí thức còn ra *trí thức* không; xem một người Cộng sản có còn

giữ được "*tâm lòng Cộng sản*" trinh nguyên thuở mang gươm mổ nước và *cập nhật hóa nó bằng trí tuệ của thế giới hôm nay* không; xem một người Việt nam có còn áp ủ trong lòng chút gì là *hồn thiêng dân tộc* hay cũng đã thành *tù binh* của cái *chủ nghĩa kinh tế thực dụng lừa cá hiện đại* mất rồi? Chỉ những người cảm thấy mình có mắc nợ với dân với nước mới chịu mất thời giờ vào cái việc mà số đông đang coi là "*vô bổ*" ấy. *Cứ lục soát những nơi nào có nhân cách nhất, đáng kính trọng nhất* sẽ tịch thu được nhiều tài liệu "*khác với đường lối chính thống của Đảng*" nhất, chúng ta đều biết điều đó phải không anh Diệu?

Còn kẻ địch thực sự của dân tộc ta hôm nay, giữa "*thời đại của tốc độ và hiệu quả*" này, chúng cần gì đến những thứ lý luận "*dài dòng*" của chúng ta mà ta lại quy nó cho địch? Trái lại chúng thừa biết những suy nghĩ nghiêm túc ấy sẽ *gây dựng dân trí, đánh thức dân trí*, làm hỏng mất của chúng nước cờ *chop giựt*. Mọi người Việt nam đều *thức cả* thì chúng làm sao giờ được cái trò *đi đêm*, "*tháu cát*" của cải của đất nước và *bắt nạt, làm nhục* dân ta như chúng đang làm? Tôi viết những dòng này giữa lúc nhiều công nhân ở Sài Gòn đang phẫn nộ vì những bạn thợ của họ bị tên chủ nước ngoài bắt chui qua hàng và phải "*phát ngôn*" trước hạ bộ của nó như trước "*micrô*", trong lúc ở đâu đó người ta vẫn hào hứng hát khúc Diên Hùng. Tôi biết những người phẫn nộ nhất trước cảnh đó là những người Cộng sản ly khai mà bây giờ thường bị Công an gọi lên thẩm vấn, và nếu họ có mặt trong đám biểu tình của công nhân chống lại tên chủ tư bản, vô lại kia thì... mũi nhọn của chuyên chính vô sản lúc ấy sẽ chĩa vào đâu? Câu trả lời xin nhường lại cho sự hiểu biết của mỗi người. Và biết đâu lại chẳng có một tay *lý luận* cò mồi nào đó cất giọng đạo đức khuyên nhân dân phải biết nuốt... giận mà học gương Hán Tín chui háng anh đánh giậm, chịu nhục đi, để tranh thủ vận hội mà trở thành con Rồng, cất cánh rồi ta sê... chui... qua khai hoàn môn!

Giữa ngày trọng đại, tâm tư chỉ một chút cỏn con nhưng vì bản linh còn thô lậu nên cứ trào ra ngoài ngọn bút, đâu sao cũng là việc chung, thất thố xin anh miễn thứ. Tôi tin sẽ có nhiều người hưởng ứng sáng kiến "*diễn đàn*" dân chủ của anh.

Mong nhận được phúc đáp của anh để bạn bè cùng biết.

Gửi anh lời trân trọng.

Kính thư,

**Hà Sĩ Phu**

(ký tên)

Địa chỉ : 4E, Bùi Thị Xuân, Đà Lạt

LTS. Hà Sĩ Phu bắt đầu được biết đến tại hải ngoại khi bài "*Đất tay nhau, đi dưới những tấm biển chỉ đường của trí tuệ*" (viết từ 1988) được đăng lần đầu trên Thông Luận số 60, tháng 5-1993, và sau đó được phổ biến rộng rãi trong giới trí thức hải ngoại. Nhà xuất bản Tin cuối năm 1993 phát hành cuốn "*Đôi điều suy nghĩ của một công dân*" của Hà Sĩ Phu đã gây tiếng vang lớn (xem bài diêm sách của Phạm Ngọc Lan trên Thông Luận số 66, tháng 12-1993). Kỷ này, chúng tôi trân trọng giới thiệu bức thư gửi Giáo sư Phan Đình Diệu của Hà Sĩ Phu, một trí thức nói chuyện công khai với một trí thức.

Tất cả những chỗ *in nghiêng* cũng như cách dùng chữ hoa trong các tên riêng đều của tác giả.

# Chính quyền cộng sản khống chế Vovinam - Việt Võ Đạo

Trần Nhân Võ

Ngày 29-4-1994, chính phủ Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam qua Tổng Cục Thể Dục Thể Thảo đã ban hành quyết định số 176-QĐ thành lập một ủy ban lãnh đạo Môn Phái Vovinam - Việt Võ Đạo (Vovinam-VVD) và đặt Vovinam-VVD trực thuộc Liên Đoàn Võ Thuật Cổ Truyền, một tổ chức trực tiếp dưới quyền điều hành của các quan chức trong Tổng Cục Thể Dục Thể Thảo. Cùng một lúc với quyết định này, một bản điều lệ hoạt động của môn phái Vovinam-VVD được ban hành. Đây là một văn kiện rất ngộ nghĩnh: không có con số, không có tên cơ quan ban hành, không đề ngày và cũng không có chữ ký của ai cả. Theo văn kiện này thì từ nay việc điều hành của Môn Phái đều phải có sự thỏa thuận của chính quyền: phong chức võ sư, cho lên đài, thậm chí mở lớp và thi đấu tất cả đều phải được phép. Các phẩm trật của Môn Phái hoàn toàn bị bác bỏ. Nhà nước bổ nhiệm một Ban điều hành Vovinam-VVD, gồm các chức sắc sau đây:

1. Chủ tịch: ông Trương Quang Trung, phó vụ trưởng Vụ Thể Dục Thể Thảo Quận Chúng, một cơ quan nhà nước trực thuộc Tổng Cục Thể Dục Thể Thảo dưới quyền điều khiển của ông Lê Bửu, tổng cục trưởng Tổng Cục Thể Thao (Hà Nội). Ngoài ra ông Trung còn là tổng thư ký Liên Đoàn Võ Thuật Cổ Truyền và ông chưa hề bao giờ là môn sinh Vovinam-VVD cũng như chưa bao giờ sinh hoạt trong Vovinam-VVD.

2. Phó chủ tịch: ông Nguyễn Văn Chiếu, võ sư, một đảng viên kỳ cựu nằm vùng tại miền Nam trước 1975, hiện là trưởng Ty Thanh Niên quận 8, Sài Gòn.

3. Ủy viên: ông Nguyễn Chánh Tú, võ sư, đảng viên, đại úy công an phản gián, hiện đang phục vụ trong ngành khách sạn. Ông là người rất ôn hòa và ít nói, không biết ông đóng vai trò gì trong ủy ban lãnh đạo này, nhưng người ta cũng có thể dự đoán rằng ông sẽ không phải là người đóng vai thứ yếu.

4. Ủy viên: ông Trần Văn Mỹ, võ sư, đảng viên, hiện nay là cán bộ cao cấp trong ngành thương nghiệp. Ông là người có nhiều tham vọng và được mọi người coi là chủ mưu biện pháp khống chế này.

5. Ủy viên: ông Dương Minh Nhơn, võ sư, trước 1975 phụ tá cho võ sư Nguyễn Văn Nhàn (hiện tị nạn tại Tây Đức) tại các tỉnh miền Tây. Sau 1975 là trưởng công an xã tại miền Tây, và cũng từ đó bỏ hẳn mọi sinh hoạt trong Vovinam-VVD.

6. Ủy viên: ông Trần Tuấn Vũ, dân sự, võ sư trước 1975, là người rất trung thực và ngay thẳng. Ông trở lại sinh hoạt với Môn Phái năm 1993, khi sinh hoạt ông không bao giờ phân biệt cộng sản hay không cộng sản, mặc dù ông đã phải chịu đựng nhiều gian khổ, bị chế độ chèn ép và hắt hủi. Có lẽ chính quyền cộng sản tưởng đã chiêu hồi được một thành phần tham vọng mới nên vội vàng để cử ông vào ban lãnh đạo Vovinam-VVD. Nhưng ông Vũ đã phản đối quyết liệt và làm đơn từ chối tham gia cái ủy ban mà ông gọi là phản Môn Phái và không chính danh.

7. Ủy viên: ông Nguyễn Văn Sen, dân sự, võ sư, phó chủ tịch hội Vovinam-VVD Sài Gòn. Ông là người có nhiều thủ đoạn và tham vọng sau 1975, nhất là từ khi Vovinam-VVD được sinh hoạt trở lại (1990). Ông được võ sư Lê Sáng, trưởng môn đời thứ hai, rất tin dùng và nhận làm con nuôi, đồng thời cất cử làm chánh Văn Phòng Chưởng Môn. Với nhiệm vụ này, ông tướng rằng có

thể sẽ lãnh đạo toàn Môn Phái trên thế giới nên trong những năm gần đây ông là người trực tiếp ban hành các chỉ thị đến các tổ chức Vovinam-VVD trên thế giới. Các võ sư tại hải ngoại, nhất là tại Hoa Kỳ, không lạ gì với nhân vật này vì không nhiều thì ít cũng đã nhận văn thư của Văn Phòng Chưởng Môn. Khi biết chính quyền cộng sản lật lọng, ông nói: "Trước đây trong buổi họp với các vị chức sắc lớn của Tổng Cục Thể Dục Thể Thảo thì các ông ấy nói khác, nay các ông lại đưa ra bản điều lệ không đúng với lời hứa thì tôi đâu có tham dự được" (Trích theo kháng thư của các võ sư Vovinam-VVD ngày 18-7-1994). Điều này cho thấy lời tự thú của ông đã tự tố cáo ông đi đêm với Tổng Cục để mưu đồ cá nhân, nhưng lại bị lường gạt nên đâm ra bức tức nói ngang. Tuy nhiên đã lỡ phóng lao và vẫn còn hy vọng ở sự chia phần của nhà nước nên vẫn chưa từ chức và từ chối ký kháng thư cùng với các võ sư tại Việt Nam.

Sự việc này đặt ra nghi vấn là võ sư Nguyễn Văn Sen âm mưu bán đứng Vovinam-VVD. Hơn nữa Thầy chưởng môn Lê Sáng khi được biết vụ này đã tuyên bố: "Không có ai tham khảo ý kiến Thầy về việc thành lập Ban Điều Hành Lâm Thời. Thầy không biết đến Ban Điều Hành đó".

## Phản ứng của Vovinam-VVD

Tại Việt Nam, ngày 18-7-1994 vừa qua, tuyệt đại đa số các võ sư, huấn luyện viên đã gửi văn thư yêu cầu các võ sư có tên trong Ban điều hành lâm thời phải chọn lựa giữa ban này với Môn Phái, đồng thời phủ nhận ủy ban này mà họ cho là một xúc phạm đối với Môn Phái.

Các phản ứng tại hải ngoại cũng rất mãnh liệt. Mọi môn sinh Vovinam-VVD đều phản nỗ trước biện pháp khống chế của chính quyền cộng sản. Tại Hoa Kỳ, Hội đồng võ sư cao cấp đã triệu tập và ra văn thư (số 003/HDLT/VS/VVN/VVD/HN, Texas ngày 18-6-1994) phủ nhận ủy ban điều hành, đồng thời tuyên bố độc lập. Tại Pháp, Tổng đoàn Vovinam-VVD và Hội đồng võ sư (nơi có hơn 2.000 môn sinh) cũng đã lên tiếng (tuyên cáo số 086-94/TT/FR, Paris ngày 9-10-1994) phủ nhận ủy ban điều hành. Chắc chắn chẳng bao lâu nữa các Tổng Đoàn khác cũng sẽ có thái độ tương tự.

Đây là một biến cố lớn có thể có ảnh hưởng quan trọng trong những ngày sắp tới. Xét cho cùng thì việc đàn áp Vovinam-VVD cũng không khác gì việc đàn áp các tôn giáo: Phật giáo, Công giáo, Cao Đài, Hòa Hảo. Mọi nhà nước toàn trị đều tìm cách khống chế xã hội dân sự và đều lo sợ trước sự hình thành của một tổ chức dân sự ngoài tầm kiểm soát. Điều đáng tự hỏi là tại sao vào năm 1990, họ đã cho Vovinam-VVD hoạt động trở lại. Có lẽ chính quyền nghĩ rằng sau 15 năm bị đàn áp Vovinam-VVD không còn sức sống nữa, không ngờ Vovinam-VVD lại bùng lên mạnh mẽ như vậy. Họ giật mình và đã hành động một cách hoảng hốt.

Hậu quả của biện pháp này sẽ như thế nào? Nó có thể ngược lại với ý đồ của đảng. Vovinam-VVD cho tới nay không hề có hoạt động chống đối nào với chính quyền cả, nhưng giờ đây chính đảng cộng sản đã đẩy môn phái tới chỗ chống đối, và hậu quả

trầm trọng nhất mà nhà nước Việt Nam phải trả lời trước lịch sử, đó là sự tác hại tới một nền võ học tinh hoa duy nhất của Việt Nam có tầm vóc thế giới.

### Vài nét về Vovinam - Việt Võ Đạo

Vovinam-VVD được võ sư Nguyễn Lộc sáng lập tại Hà Nội năm 1938, trong buổi giao thời, đất nước còn trong cảnh đô hộ của Pháp. Năm 1954, ông vào Nam phát triển rộng rãi phong trào Vovinam-VVD và đã đào tạo được một số môn đệ có tầm vóc như võ sư Lê Sáng (chưởng môn đòn hai), võ sư Trần Huy Phong (người lãnh đạo hiện thời của Môn Phái), võ sư Phan Dương Bình (lãnh đạo Vovinam-VVD Hà Nội)...

Võ sư Nguyễn Lộc mất năm 1960 và đã để lại cho Việt Nam một kho tàng văn hóa võ thuật vô giá. Vovinam-VVD không những là một môn võ rất thâm hậu mà còn là một nếp sống đạo đức. Các môn sinh Vovinam-VVD muốn được lên hàng võ sư phải qua một tuyển lựa rất gay go về võ cũng như về tư cách. Trước 1975, tại miền Bắc, dù không thành tổ chức môn phái Vovinam-VVD vẫn tiếp tục phát triển do các môn sinh tự ý truyền bá và chính quyền cũng không để ý đến, coi đó là hoạt động thể thao thông thường. Tại miền Nam Vovinam-VVD bành trướng rất mạnh. Số môn sinh trong cả miền Nam vào năm 1975 lên tới một triệu người. Vovinam-VVD đã phát triển trong mọi tầng lớp xã hội như học đường, quân đội và nhất là trong các cơ quan xã hội dân sự. Sau 1975, Vovinam-VVD bị cấm đoán như mọi tổ chức dân sự khác. Võ sư chưởng Môn Lê Sáng bị giam cầm 13 năm (1975-1988) và bị kết tội là đại tá CIA, ông được phóng thích sau khi chính quyền công sản không tìm được lý do gì để buộc tội ông. Võ sư Trần Huy Phong cũng bị đọa đày không kém và đã vào tù ra khám ba lần trong suốt 16 năm (1975-1991). Sau đó chính quyền công sản đã đổi ý và cho phép Vovinam-VVD sinh hoạt trở lại từ 1990. Nhờ tinh thần bất khuất của toàn thể các võ sư, Vovinam-VVD đã bùng lên mạnh mẽ và hiện nay có khoảng gần 200.000 môn sinh trên toàn quốc.

Tại hải ngoại, Vovinam-VVD cũng phát triển mạnh mẽ và có thể sánh vai với các bộ môn võ thuật quốc tế khác như Karaté, Thái Cực Đạo, Judo... Tại Hoa Kỳ có Liên Đoàn Vovinam-VVD Hoa Kỳ cùng với sự đóng góp tích cực của các bậc trưởng thượng như võ sư Phạm Hữu Độ, Lê Trọng Hiệp, Ngô Hữu Liễn, Nguyễn Văn Cường... và các võ sư trẻ như Nguyễn Văn Đông, Trần Văn Bé, Nguyễn Thế Hùng, Nguyễn Tiến Hóa... Tại Úc có các võ sư Trần Huy Quyền, Lê Công Danh, Nguyễn Văn Thông...

Ấu Châu là nơi Vovinam-VVD được phổ biến rộng rãi nhất tại hải ngoại. Tổng Đoàn Vovinam-VVD Ấu Châu được thành lập năm 1990, võ sư Trần Nguyễn Đạo được bầu làm chủ tịch Hội Đồng Võ Sư Ấu Châu, hiện nay chức vụ này do võ sư Hà Chí Thành đảm nhiệm với nhiệm kỳ hai năm (1994-1996). Tổng Đoàn Vovinam-VVD Ấu Châu gồm có Tổng Đoàn Vovinam-VVD Pháp: võ sư Trần Nguyễn Đạo, Nguyễn Diền...; Tổng Đoàn Vovinam-VVD Bỉ: võ sư Huỳnh Hữu Quý; Tổng Đoàn Vovinam-VVD Đức: võ sư Đặng Hữu Hào, Dương Quan Việt, Nguyễn Tiến Hội; Tổng Đoàn Vovinam-VVD Thụy Sĩ: võ sư Hà Chí Thành; Tổng Đoàn Vovinam-VVD Ý, huấn luyện viên Nguyễn Hữu Sang...

Trần Nhân Võ

## Người Công giáo Việt Nam và hàng giáo phẩm

Thanh Hà

Như một giọt nước làm tràn ly, việc Đức Cha Nguyễn Minh Nhật có mặt trong kỳ đại hội lần thứ 4 của Mặt Trận Tổ Quốc (MTTQ) tại Hà Nội trong tháng 8-94, khiến người công giáo Việt Nam tự hỏi: "Sau một chuỗi ngày tháng thịnh lặng trước bao đau khổ của đồng bào, giáo sĩ và giáo dân của mình, nay tại sao Đức Cha phải biểu lộ một cử chỉ, mà cử chỉ đó lại được hiểu (ít nhất về phía dư luận) là hỗ trợ cho đảng và nhà nước cộng sản Việt Nam? Giọt nước đã làm đầy ly và nay đã tràn để phải nói lên một sự thật vì kỳ cùng "sự thật làm cho mọi người tự do": Sự thật về một sự bất ổn trong tương quan giữa cấp lãnh đạo của Giáo Hội Công Giáo Việt Nam và tín hữu của họ.

### 1. Cách biệt tâm tư

a- Bất ổn do một tình trạng cách biệt giữa tâm tư, nguyện vọng của dân chúng cũng như người tín hữu công giáo và sự suy nghĩ của Hội Đồng Giám Mục (HĐGM). Các giám mục theo tập tục làm việc bấy lâu, thường có khuynh hướng giải quyết thực tiễn từng vấn đề một và đóng khung công tác của mình trong nội bộ sinh hoạt thuận tôn giáo và cho tôn giáo của mình. Dân chúng không thể theo dõi hết từng nội dung và cách đánh giá từng việc một của các giám mục. Trái lại, họ một mặt chờ đợi một đường lối rõ rệt, dứt khoát, mặt khác họ đặt niềm tin vào các giám mục để giúp không những cho Giáo hội mà cho toàn thể dân chúng, có một tiếng nói khác với tiếng nói của chính quyền và Đảng, mà họ không có uy thế và điều kiện để lên tiếng. Nói cách khác, có sự bất ổn trong sự thông cảm nhau, khi dân chúng và đa số tín hữu nhìn HĐGM trong vai trò nổi bật là "tiên tri" trong một giai đoạn khổ đau của họ, còn về phía các giám mục lại lưu tâm về sự sống còn của sinh hoạt giáo hội mình, như một quản trị gia tìm mọi cách thích ứng và giải quyết từng hoàn cảnh một để cơ sở không bị vỡ tan, hay phải đối đầu với những bất trắc có thể tệ hại hơn.

b- Bất ổn do thực tế sinh hoạt của Giáo Hội Việt Nam (GHVN) so với các thay đổi nhanh chóng của Giáo hội hoàn vũ mà người tín hữu có thể cập nhật và đối chiếu.

Qua các đài phát thanh, báo chí, rất nhiều tín hữu trong nước và ngoài nước thường xuyên được chỉ dẫn bởi những lời giáo huấn, những lần lên tiếng công khai của Giáo hội cấp trung ương và địa phương mình. Không may khi các sứ điệp này lại đi theo chiều hướng chính trị của xã hội trần tục mà họ đang sống.

Từ Trung Hoa, đến Cuba, từ Nam Mỹ đến Đông Âu, từ các hội nghị quốc tế đến các trung tâm quyền lực của Âu Mỹ... các sứ điệp của các vị lãnh đạo công giáo, Giáo Hoàng, giám mục, linh mục... được dư luận cho là can đảm và thách đố. Nhiều giám mục, đặc biệt ở Trung và Nam Mỹ đã vì tiếng nói tiên tri và thái độ can cường của mình mà hy sinh cả tính mạng. Và không phải khi lên tiếng vì Chân lý và Bác ái, vị Giáo Hoàng hay giám mục chắc chắn rằng dư luận sẽ không chỉ trích và các quyền lực trần thế sẽ không gây ra những khó khăn cho tín hữu mà mình có phần vụ chấn dắt. Thánh giá không đi ngược với khôn ngoan của con người, nhưng là ánh sáng soi dẫn và là Tin Mừng tối thượng của

đức tin Kitô giáo.

c- Bất ổn nữa là do sự lặng thính kéo dài của hàng giáo phẩm Việt Nam trước các biến chuyển của thời cuộc. Có lẽ vì truyền thống văn hóa Á đông (rất hiếm có những lối phát biểu trực tiếp và mạnh dạn nơi các HDGM Á châu so với các HDGM các vùng, các châu khác), cũng có thể vì mới được thành lập, chưa có truyền thống làm việc chung (hàng Giáo phẩm Việt Nam được thành lập vào ngày 24-11-1960), và không có thúc bách của hàng giáo dân đầy đủ trưởng thành... Nhưng về mặt chủ quan, cũng có thể giải thích rằng có một sự hiểu ngầm chung giữa cấp lãnh đạo và người tín hữu rằng sự thính lặng đó là "một cách nói". Nếu không, thật khó giải thích cho con cháu trong tương lai về thái độ thính lặng của các giám mục trước việc từng trâm vị tuyên úy công giáo trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa, do chính các ngài cử đi, phải chịu nhiều nǎm tù trong các trại tập trung cải tạo. Đó là một trong những thí dụ. Trong quá khứ, có một vài lần, một giám mục lên tiếng và nhắc nhở nhà nước về một số vấn đề giới hạn, như khi đức cha Nguyễn Minh Nhật lấy lại lời của Giáo hội để tuyên bố rằng: "Tự do tôn giáo là một quyền của người dân chứ không phải là một đặc ân của nhà nước ban cho". *Nhưng các lần lên tiếng vừa giới hạn vào sinh hoạt nội bộ của công giáo, vừa hiếm hoi so với những vấn đề của người dân.*

## 2. Chung quanh Vụ Ủy Ban đoàn kết công giáo (UBDKCG)

Nhưng thực tế khác biệt về tâm tư đó vẫn không là duyên cớ tạo thành một tâm trạng nơi người tín hữu CGVN như dư luận báo chí đã mô tả là "đặt thành vấn đề". Sô dì như thế vì trong đức tin kiên trì của mình, người tín hữu CGVN vượt lên trên dư luận để hiểu rằng vai trò tiên tri của hàng giáo phẩm là một ơn của Chúa Thánh Thần.

"Không đặt thành vấn đề", nhưng trong lúc chờ đợi những chỉ dẫn soi sáng về một vài cử chỉ có tính cách khác thường của HDGM Việt Nam qua những vị lãnh đạo Giáo hội có thẩm quyền, người CGVN không thể không thấy hoang mang.

- "UBDKCG" theo cung cách cư xử thính lặng bấy lâu của hàng giáo phẩm Việt Nam, phải chẳng là một sự kiện áp đặt, dẫu mang tên công giáo, nhưng ở ngoài dự liệu và sinh hoạt của Giáo Hội Việt Nam như đa số người CGVN quan niệm.

Nếu có sự cắt cử một thành viên trong ủy ban đó vào một chức vị quan trọng trong một giáo phận, do một vị giám mục có thẩm quyền, thì việc làm đó được xem là quyết định của một giám mục. Cũng như một giám mục khác trong trường hợp tương tự đã "ngưng nhiệm" một linh mục vì đã tham gia một chức vụ trong chính quyền. Nhưng cả hai trường hợp đều là những quyết định liên quan đến một linh mục, nghĩa là có tính cách cá nhân.

- Trong lời cảnh giác của phủ Quốc vụ khanh Tòa Thánh, Đức Hồng Y Soda, về các linh mục giữ những chức vụ chính trị tại Việt Nam, dẫu các linh mục này đều ở trong UBDKCG, nhưng văn thư không đả động gì đến ủy ban- mặc nhiên xem đó là một sự kiện không liên quan đến sinh hoạt của Giáo Hội Công Giáo.

- Nay có lời xác nhận của Đức cha Huỳnh Văn Nghi trên nhật báo La Croix ngày 8-9-1994 rằng Ngài đã cam kết bằng giấy bút để giữ lại ủy ban này, và sau đó Đức cha Nguyễn Minh Nhật, chủ tịch HDGMVN, lại có mặt tại phòng họp lần thứ 4 của Mật Trận Tổ Quốc mà UBDKCG là một thành viên, như thế phải chẳng trực tiếp và gián tiếp đều có một cử chỉ công khai về ủy ban này?

Từ nay người công giáo Việt Nam phải hiểu UBDKCG có vai trò gì, và vị thế như thế nào trong giáo hội Việt Nam ? Vì làm sao Đức cha Nghi có thể giữ lại hay bỏ đi một tổ chức vốn không phải do giáo hội lập ra hay nhìn nhận ? Hay đây là một lối nhìn nhận gián tiếp và sẽ được quy định lại và công bố sau ?

## 3. Khủng hoảng để trưởng thành

Thực tế cho thấy, gần 20 năm qua, tuy có một số hiện tượng phản ứng khác biệt của một vài vị lãnh đạo GHCG Việt Nam trước thời cuộc, tuy không có được đầy đủ những chỉ dẫn rõ rệt, trực tiếp và cập nhật hoàn cảnh của HDGM Việt Nam, người công giáo, đặc biệt là khối người thấp cổ bé miệng, những kẻ "bé mọn của Phúc Âm" đã thể hiện được lời Phúc Âm "họ sống trong thế gian nhưng không thuộc về thế gian". Thủ hỏi, dẫu phải chịu cảnh nhòi nhét qua giáo dục, báo chí và các biện pháp tích cực hầu như buộc người dân phải nhận ý thức hệ vô thần Mác-xít là chân lý, có mấy người tín hữu CGVN thành tâm chấp nhận một nội dung nào của lý thuyết này? Và có mấy tín đồ CGVN, đã vì một thái độ nào đó của một vị giám mục, dẫu thái độ đó về mặt chính trị trát xa lạ với lập trường và nguyện vọng của họ, mà đã có phản ứng hoài nghi vai trò tôn giáo của các vị lãnh đạo giáo hội?

- Đây là những sự kiện của một giáo hội đang vươn mình lên để trưởng thành. Trưởng thành trong khiêm tốn để hiểu rằng giáo hội, tuy là nhiệm thể Chúa Ki-tô, đã chiến thắng sự chết và tội ác, nhưng cũng là một tập thể những con người với tất cả những hạn chế tự nhiên của nó. Qua các sự kiện này, họ kinh nghiệm sống động được lời chỉ dạy bởi giáo huấn của giáo hội, đặc biệt qua Công Đồng Vatican II:

" Ngay cả trong thời buổi hiện nay, giáo hội không phải không biết đến khoảng cách giữa sứ điệp mà giáo hội mặc khải và sự yếu đuối nơi những kẻ mà Phúc âm này được giao phó. Dẫu phê phán thế nào về những sa sẩy đó, chúng ta có bổn phận phải ý thức những thiếu sót đó và tẩy trừ đi một cách mạnh mẽ để chúng không làm hại cho việc loan truyền Phúc âm" (HC Vui mừng và hy vọng 43.6).

"Những nghề nghiệp và sinh hoạt trần thế là phần vụ đặc biệt của giáo dân, dẫu không phải chỉ dành riêng cho một mình họ..."

Họ cần phải ý thức về những đòi hỏi đức tin của mình mà tiếp nhận sức mạnh của đức tin đó để đừng ngại phái đưa ra những sáng kiến mới mẻ cập nhật hoàn cảnh, đem ra thực hiện.

Họ chiếu lương tâm của mình, đã được đào tạo để ghi khắc luật chúa vào mỗi trường trắc thế. Họ đón nhận các ánh sáng và sức mạnh linh thiêng nơi các linh mục. Nhưng họ đừng nghĩ rằng các chủ chăn của họ có một khả năng giúp họ có giải pháp cụ thể và tức khắc cho mọi vấn đề, mà họ phải đối đầu, hoặc trao cho họ một sứ mạng nà đó mà họ phải thi hành" (HC Vui Mừng và Hy Vọng 43.2).

Như thế, chiếu nội dung giáo huấn của giáo hội, người công giáo Việt Nam, từ những lo âu về ảnh hưởng chính trị của một số hành vi của các giám mục trong tháng 8-1994, có lẽ nên tự đặt lại câu hỏi một cách khác: Tại sao các vấn đề chính trị trần thế, người giáo dân Việt Nam cứ chờ đợi mãi một giải pháp cụ thể nào đó nơi các vị giám mục thay vì tự mang lấy trách nhiệm đó nơi chính họ?

Thanh Hà

# Tập kịch Xuân Hồng

## tác phẩm mới nhất của Nguyễn Huy Thiệp

Thụy Khuê

Tập kịch *Xuân Hồng*, tác phẩm mới nhất của Nguyễn Huy Thiệp vừa được Tân Thư xuất bản tại California, Hoa Kỳ, là một tác phẩm quan trọng trong hành trình của Nguyễn Huy Thiệp, khai phóng tác phong kịch hiện đại trong văn học Việt Nam.

Văn phong Nguyễn Huy Thiệp hình thức ngắn, gọn, sâu sắc, phúc âm, nội dung thâm trầm, độc đáo, xoáy đến tận cùng những mâu thuẫn, phân cực của con người trầm luân trong môi trường tạo tác. Truyện của Nguyễn Huy Thiệp đã gần với kịch, với tinh thần thoại kịch (théâtre épique) <sup>(1)</sup> trong cái nghĩa sử dụng ngôn ngữ như một chất liệu sáng tác, như họa sĩ dùng màu, nhà thơ dùng chữ, điêu khắc gia dùng gỗ đá để tạo tượng. Do đó, từ truyện sang kịch chỉ là một chuyển thể tất nhiên trong hành trình của Nguyễn Huy Thiệp.

Tuyển tập *Xuân Hồng* gồm năm kịch bản: *Gia Định* (hay "Quỷ ở với người"), *Còn Lại Tình Yêu*, *Nhà Tiên Tri*, *Cái Chết Được Che Đậy* (hay "Ông chính là bố tôi") và *Xuân Hồng*, hợp thành một hệ thống kín: Mở đầu bằng kịch *Gia Định*, xuất hiện những cá nhân - nền tảng của xã hội - phần tử nhỏ nhất và kết thúc bằng kịch *Xuân Hồng* - hình ảnh một nhà nước - phần tử lớn nhất của xã hội ấy. Trong hệ thống kín đó các yếu tố tư thông với nhau, cấu kết với nhau, đốt cháy nhau, dày xéo nhau, hầm hại nhau, và... yêu thương nhau tạo thành một vùn trụ con người nghiệt ngã, đớn đau, hiện đại mà muôn thuở.

Kịch *Gia Định* hay "Quỷ ở với người", chuyển từ truyện ngắn *Không Có Vua*, một tế bào trong hệ thống truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp. Vào kịch, Nguyễn Huy Thiệp tạo thêm tính chất huyền thoại và siêu hình bằng các nhân vật quỷ: Quỷ I, Quỷ II... Vai trò của Quỷ khơi khoáng cách và ảo hóa hiện thực. Quỷ đóng lương tâm kiêm vai thú tính. Một thứ hè, một thứ mõ, một thứ siêu quyền Khổng Minh Gia Cát mạt lộ quân sự, vô hình mà hiện hữu.

*Gia đình* đặt vấn đề trống vắng: Trống vắng chủ nhà, trống vắng quản trị, trống vắng lãnh đạo, trống vắng lương tri... Tất cả vắng mặt, trừ tiền: Tiền là vua, tiền lãnh đạo. Gia đình cha con lão Kiên là một bi kịch kín, huis clos, tổ hợp sáu nam, một nữ: "Với một căn nhà hai mươi mét vuông, bảy mạng người chen chúc sống trong đó, mỗi người chưa được ba mét vuông, sinh tồn, đồ đạc không có chỗ để, vậy đạo đức để vào đâu?".

Sinh, người con dâu, là sự sống lạc loài vào cửa tử, trật đường rầy, biến dạng. Tốn, ngắn ngoi, hiền lành, nhu nhược, chịu đựng... hiện thân của sự nô lệ suốt đời. Khiêm, kẻ "hướng thiện" trở thành kẻ sát nhân. Hành động giết em của Khiêm là hành động tột cùng tuyệt vọng, hướng về tự do, hạnh phúc: Khiêm muốn tiêu diệt tính chất yếu hèn, chịu đựng, khuyết tật, trong con người mỗi giới phát triển độc tài và sa đọa, nhưng hành động sát nhân loại Khiêm ra khỏi thế giới người để nhập vào thế giới quỷ.

Kịch *Gia Định* nhập nhằng định giới giữa đạo đức và tội ác. Dâu là người? Dâu là quỷ? Từ người đến quỷ thoảng có bao lăm? Lương tâm phải chăng chỉ là trò ú tim giữa người và quỷ? "Chúng ta ôm áp đạo đức trong một môi trường vô luân thì sẽ bị kịch cả thôi".

Xuân Lan (trong "Cái chết được che đậy") ghê tởm chồng già và giàu nhưng không dám ngoại tình vì muốn giữ thế "bình ổn môi trường". Xuân Lan là hiện thân của thứ trật tự, ổn định xã hội dựa trên "quy tắc Hồng Mao" do nàng đặt ra: *Cái gì đã định hình*

*rồi thì không nên phá vỡ*. Trong cái định chế cứng nhắc ấy, Xuân Lan chối bỏ tình yêu và trở nên ghen ghét căm thù những kẻ được yêu. Mơ, tình cờ xuất hiện. Mơ là hình ảnh của tình yêu, của sự nhẹ dạ, của niềm tin và hạnh phúc. Cái chết của Mơ: tự tử hay bức tử? Mơ phải chăng là tình yêu bị thảm sát trong một môi trường gọng kim thiết bị băng những vòng tròn thép gai đạo lý và chân lý. Nhưng chính cái trật tự tiền chế, cái biên giới thanh lọc khắt khe ấy cũng dần dần trở nên nghẹt thở với những kẻ đã tạo ra nó: Xuân Lan thiếp đi, mê lạc trong cái vòng thiện ý, mý ý, chính mình tự hút dưỡng khí của mình: Xuân Lan là sự giằng co giữa độc tài và tự do, là niềm đau của những người không dám bước khỏi lằn ranh do chính mình tự tạo.

*Nhà tiên tri*, hiện thân của một thứ Arche de Noé. Ông là ai? Ông đạp trên dư luận và thành kiến, vượt trên các cuộc cách mạng xã hội, cách mạng kinh tế. Ông là sự tuyệt đối trong lòng người, là tình yêu và tình yêu sẽ cứu vớt nhân loại qua cơn hồng thủy.

Kịch *Còn lại tình yêu* dựa vào nhân vật lịch sử Nguyễn Thái Học để tra vấn "bạo lực cách mạng", đưa ra mối phân cực giữa hai chọn lựa: hoặc chống Pháp hoặc cộng tác với Pháp, dưới hình thức đối chất tay đôi giữa Hoàng Trọng Phu và Nguyễn Thái Học. Vấn đề đặt ra ở đây không dưới hạ độ chính - tà mà trên cao độ: Bạo lực cách mạng có phải là giải pháp duy nhất để đấu tranh cho tự do dân chủ? Bộ mặt anh hùng của cách mạng có che lấp được khía cạnh bạo lực và khủng bố? *Còn lại tình yêu* trao quyền biện hộ cho phe "phản quốc", xưa nay vẫn bị kết án vắng mặt, không quyền biện minh. Lặng kín mới, tóm gọn trong lời nói của Hoàng Trọng Phu: "Là cút, là cút cả... Có thể ông Nguyễn Thái Học là cút khô, ...còn chúng ta là cút ướt".

Rút cục còn lại cái gì? *Còn lại tình yêu*: Tình yêu của Khải (con trai Hoàng Trọng Phu) đối với Minh, và tình yêu của Minh với Nguyễn Thái Học. Khải, Minh là hai cá thể ngoại vòng cách mạng. Nguyễn Thái Học không yêu. Muốn yêu trước hết phải có một cuộc đời để cho người. Những nhà cách mạng không có gì để cho: đời họ đã hiến dâng cho tổ quốc. Tình yêu của họ là tổ quốc, một ý niệm trừu tượng và không tưởng.

"*Cách mạng đòi hỏi hy sinh cuộc đời. Tình yêu cũng đòi hỏi hy sinh cuộc đời*". Cách mạng và tình yêu miên viễn trong thế cạnh tranh để sinh tồn, một cõi một mất, và con người đang đưa giữa hai lựa chọn, hai thái cực đó.

Kịch *Xuân Hồng* dùng "diễn cổ" Sở Khanh - Tú Bà thiên niên hóa qua các nhân vật Phàn Khoái - Tú Thực và hiện đại hóa qua Tâm - Xuân - Lan - Thúy, Nam Triều Tiên, Sida, Đô-la, Mác, Rúp... *Xuân Hồng* gồm cả hai khía cạnh: phi lý và huyền thoại trong kịch hiện đại. Dựa trên sử thoại (Lưu Bang - Phàn Khoái) và thi ca (Sở Khanh - Tú Bà) để thiết lập một nhà nước bán dâm hiện đại: Thúy Kiều tân thời tên Thanh Tâm (phụ bản của *tài nhân chặng*) là một sản phẩm tiền chế, hợp kim linh tinh các giá trị lớn lao: một nhà văn hóa, một nhà đạo đức, một tâm hồn Bố già, một cơ thể Hằng Nga, một tấm lòng vàng cô Tấm, và... một máy in tiền... Tất cả được "ngộ" vào *một tâm hồn trong trắng, một tấm thân ngà ngọc, tạo nên "khối vàng ròng"* dù khách chơi hoa, một giá trị văn hóa điểm cách Việt để rút "tinh lực của toàn cõi nhân gian" - "một cõi nhân gian bé tí".

Phàn Khoái (Sở Khanh) giúp Lưu Bang (Tú Bà) dựng nên nhà nước Xuân Hồng, phát triển và cường thịnh bằng Thúy Kiều bánh

vẽ. Cho đến khi có một Từ Thực (cộng hưởng định mệnh Tào Thực và bối cảnh Từ Thực chăng?) nhận diện được nàng... Thị ra, nàng chỉ là một cái xương sườn của chàng, của sự sống, của chúng ta, xấu xí và bẩn thỉu, dung tục và nhơ nhốp.

Nhưng người ta vội vàng bịt mồm nhũng... "từ thực".

Kịch Xuân Hồng liên kết các yếu tố: thực, hư, mộng, ảo, xưa, nay trong kiến trúc ẩn hiện, chồng chéo thực-hư, hư-thực. Các nhân vật tuy "trầm nǎm" mà nói năng rất "kinh tế thị trường".

Sở trường chơi chữ, Nguyễn Huy Thiệp dùng ngôn ngữ phi lý làm bật ra cái hài huoc của phi lý, do đó của cuộc đời, trầm nǎm trong cõi người ta, một cõi nhân gian... bé tí và đặt dấu hỏi: các hình thái nhà nước buôn bán nhũng giá trị lớn lao như đạo đức, chân lý, chủ nghĩa..., sở dĩ phòn vinh là vì con người thích làm tình với nhũng thiên đường điểm và Xuân Hồng, phải chăng chỉ là hiện thân, là định mệnh của một cõi nhân sinh ham bánh vẽ?

Kịch bản văn học của Nguyễn Huy Thiệp đào sâu ý thức về kịch muôn thuở: thoái bộ để nhận diện mình một cách khách quan hơn, đồng thời mở đường cho một phong cách kịch hiện đại chưa thật sự xuất hiện trong truyền thống văn học nghệ thuật của chúng ta<sup>(2)</sup>; Đặt vấn đề với con người về con người qua ngôn ngữ, trong cái mâu thuẫn sâu xa cực độ và cực điểm của chính mình, phát sinh từ môi trường tạo tác. Đó là bi kịch thảm thương và khốc liệt nhất trong mỗi chúng ta mà chỉ nghệ thuật kịch trường mới có cơ hội phô diễn trước công chúng, một cách khách quan, minh mẫn và tàn nhẫn.

### Thụy Khuê

#### Chú thích:

<sup>(1)</sup> Théâtre épique cũng có thể dịch là tráng kịch (đối lập với bi kịch) nhưng thoại kịch gần với "tinh thần" kịch của Nguyễn Huy Thiệp (cùng hướng với kịch của Brecht). Chữ thoại có hai dụng ý: dùng huyền thoại để tạo khoảng cách, dùng truyện xưa để nói chuyện nay, dùng chuyện này để nói chuyện khác (ân dụ). Cả hai yếu tố này rất rõ trong văn chương Nguyễn Huy Thiệp. Chữ thoại này hơi khác với thoại trong thoại kịch (kịch đối thoại, kịch nói, được dùng tại miền Nam sau 1954), với Vũ Đức Duy, Duy Lân, Kiều Hạnh... có tính cách tâm lý, xã hội, gần với kịch bên lề (*théâtre de boulevard*) của Pháp.

<sup>(2)</sup> Sau 1954, Vũ Khắc Khoan, Nguyễn Dinh Thi... cũng đã có những thoại kịch theo nghĩa đặt vấn đề với con người về con người, nhưng Thành Cát Tư Hãn (Vũ Khắc Khoan) và Nguyễn Trãi ở Đông Quan (Nguyễn Dinh Thi)... vẫn còn dựa trên cấu trúc cổ điển: giá trị và ngữ ý nằm trong cốt truyện và văn chương hơn là nằm trong bản chất ngôn ngữ đối thoại.

Thập niên 80, Lưu Quang Vũ cũng đã mở một hướng mới cho thoại kịch với *Hòn Trương Ba, Da Hàng Thịt*... Kịch bản Lưu Quang Vũ đã gặt hái nhiều thành công, xuất hiện đúng lúc và nhập cuộc đổi mới. *Hòn Trương Ba, Da Hàng Thịt* đặt vấn đề "Tâm hồn tốt không thể phát triển trong môi trường xấu". Ngôn ngữ đốp chát, gán gụi, nhưng vẫn còn đơn, mỏng, chưa kép, mèn, đụp... chưa mang một mật độ tinh lược, và ý nghĩa vẫn ngu trong cốt truyện *Hòn Trương Ba, Da Hàng Thịt* chứ chưa thực sự tách ra từ tinh lực của chữ nghĩa.

\* **Xuân Hồng, Kịch Nguyễn Huy Thiệp**, khổ 13,5cm x 21cm, 238 trang. Giới thiệu: Thụy Khuê. Tranh bìa bristol màu và phụ bản Khánh Trường. Nhà xuất bản Tân Thư (1994), P.O.BOX 277, Garden Grove, CA 92642, USA. Điện thoại: (714) 537-2468. Giá 12 USD (chưa kể cước phí).

Quý độc giả có thể đặt mua bằng đường bưu điện:

- Lê Tất Luyện, 15 Place Souham - 75013 Paris, France. Giá 85 Francs kể cả cước phí bưu điện. Chỉ phiếu xin đề Lê Tất Luyện.

Hoặc tại:

- Nhà sách Khai Trí, 93 Avenue d'Ivry - 75013 Paris, France. Điện thoại: (33) 1. 45.82.95.81 và (1). 45.82.12.40.

- Nhà sách Centre Culturel Franco-Vietnamien, 24 Rue des Ecoles - 75005 Paris, France. Điện thoại: (1) 43.29.60.89.

## Dương Thu Hương

Ngày 22 tháng 10-1994 vừa qua, cộng đồng người Việt tại Paris đã có một buổi sinh hoạt nửa văn học, nửa chính trị rất sôi nổi, đó là buổi nói chuyện của nhà văn Dương Thu Hương, với chủ đề "Dương Thu Hương, tác giả và tác phẩm".

Buổi nói chuyện đã diễn ra tại đại học Paris VII (Denis Diderot), do ban Việt học tổ chức dưới sự điều hành của nhà phê bình văn học, Giáo sư Đăng Tiến.

Dương Thu Hương đến Pháp đã hơn một tháng qua với tính cách du lịch, thăm thân nhân, và sau những buổi gặp gỡ riêng tư, đây là lần đầu tiên chị tiếp xúc với công chúng tại Paris. Đáng lẽ ra trong buổi gặp gỡ này còn có nhà văn Nguyễn Ngọc, cựu tổng biên tập báo Văn Nghệ, Nguyễn Duy, nhà thơ phản kháng và Bảo Ninh, tác giả "Nỗi buồn chiến tranh". Nhưng cuối cùng, các nhà văn kia không có mặt vì không được phép rời khỏi Việt Nam.

Dược biết ban Việt học của Đại học Paris VII có ký một thỏa thuận với Việt Nam về trao đổi văn hóa nhằm tạo điều kiện gặp gỡ giữa người cầm bút Việt Nam với độc giả ở Pháp nói chung và với sinh viên ban văn chương của trường nói riêng. Tuy nhiên, ban Việt học có toàn quyền mời bất cứ ai đến nói chuyện, trong thời gian tới sẽ có các nhà văn, nhà thơ trong hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại từ Hoa Kỳ sang cũng sẽ nói chuyện tại đây như các ông Viên Linh, Cung Trầm Tưởng, Nguyễn Sỹ Tế, Tô Thùy Yên và bà Cao My Nhân.

Dương Thu Hương sinh năm 1947 tại Thái Bình. Năm 1967 đi B trong một đoàn văn công, vào tuyến lửa Bình Triệu Thiên với lý tưởng chống Mỹ cứu nước. Nhưng đến năm 1969, chị đã tự đặt những câu hỏi, băn khoăn khôn nguôi khi thấy, tuy mang tiếng đánh Mỹ nhưng những tù binh đầu tiên chị gặp không phải người Mỹ mà là những binh lính Việt Nam Cộng Hòa, là người Việt Nam như chị. Cho đến năm 1975, chị vẫn công tác tại ban Văn Hóa Nghệ Thuật tại tỉnh Vinh Linh, thuộc mặt trận Bình Triệu. Sau 1975, Dương Thu Hương trở về Hà Nội làm trong Xưởng Phim Truyền 1 và bắt đầu viết kịch bản phim. Tập truyện ngắn đầu tiên của Dương Thu Hương có tên "Những bông hoa bàn ly". Năm 1987, truyện dài đầu tay "Bên kia bờ ảo vọng" và tiếp đó 1988 là "Những thiên đường mù". Năm 1991, "Tiểu thuyết vô đè" là cuốn truyện được xuất bản tại hải ngoại và gây xôn xao dư luận nhất.

"Tiểu thuyết vô đè", theo Dương Thu Hương, mới chính là những kinh nghiệm bản thân, trực tiếp cảm nhận của chị trong suốt thời gian đi B. Trước "Tiểu thuyết vô đè" là những bài phát biểu này lúa của chị tại Hội Nhà Văn. Dương Thu Hương thực sự dấn thân đấu tranh cho dân chủ.

Trong buổi tiếp xúc với độc giả ngày 22 tháng 10 vừa qua, mọi việc đã diễn ra tuy có lúc rất sôi nổi, có lúc căng thẳng, nhưng nói chung hòa nhã, dù trước đó đã tin đồn là có thể có bạo động. Sở dĩ có lúc căng thẳng là do những ý kiến đối nghịch nhau qua một cuộc chiến đã quá kéo dài và nhất là về một quyền tiểu thuyết mà trong đó những người Miền Nam có cảm giác bị xúc phạm, những chiến sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa bị coi như được mô tả thiếu chính xác. Cũng may là mọi việc đã xảy ra êm đềm, nếu



## Dương Thu Hương (Tiếp theo trang 21)

không chúng ta không biết phải biện minh thế nào cho dư luận người bản xứ tại đây, ở cái nôi của văn học thế giới như đất Paris này vẫn thường tự hào!

Và hôm ấy, người ta không phải chỉ nghe những câu hỏi về phía những người "chống cộng" mà cả về phía những người "thiên công", đại khái như "Dương Thu Hương đã không nói lên được những hy sinh của dân tộc trong cuộc chiến chống Mỹ cứu nước" hay "Tiểu thuyết vô đế chỉ nói lén tội ác của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa". Chị đã trả lời một cách thẳng thắn là chính vong hồn những người bạn chị đã ám ảnh khiến chị viết "Tiểu thuyết vô đế", trong cuộc chiến tranh tàn khốc ấy, thật sự là đã có nhiều bộ đội đào ngũ, chị không viết ca ngợi vì đã có quá nhiều bài ca ngợi rồi. Cái mà người ta gọi "tiếng hát át tiếng bom" chính là "tiếng hát át tiếng khóc". Trong đoàn của chị có 47 người, khi trở về chỉ còn ba người sống sót mà Dương Thu Hương là người bị thương nhẹ nhất, là điếc một tai. Chị đã tiếp xúc với hàng vạn thanh niên xung phong, và những đau khổ của họ mà chị viết lên chính là sự thật. Vả lại họ Dương của chị phần lớn ở trong Nam, chỉ có bốn chị ở lại ngoài Bắc, còn họ hàng trong Nam thì có người từ cấp tá đến hạ sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, vậy chị không có lý do gì để bôi bác quân đội Miền Nam hết.

Những câu hỏi có thể gọi là gay cấn của những người tham dự thường không phải trong chủ đề cuộc nói chuyện là "Tác giả và tác phẩm" mà lại thiên về chính trị. Ví dụ về ông Hồ Chí Minh, về tư tưởng mác-xít. Theo Dương Thu Hương, ông Hồ Chí Minh đối với chị không phải là một thần tượng như đối với một số người Việt Nam khác. Hồ Chí Minh cũng chỉ là con người nên ông cũng có quyền có những sinh hoạt bình thường như lấy vợ, sinh con, không có lý do gì để thần tượng hóa ông, dù ông có rất nhiều điểm để chị kính phục. Trong một xã hội dân chủ, không thể có những thần tượng như thế. Về tư tưởng mác-xít, Dương Thu Hương cho rằng không ăn nhậu gì đến dân tộc Việt Nam, ông Marx chỉ được nhà cầm quyền dùng như thần tượng để hù dọa người dân.

Trả lời một câu hỏi khác: "Có phải Dương Thu Hương ra hải ngoại để tuyên truyền cho nhà nước cộng sản Việt Nam hay không", Dương Thu Hương nói chị chẳng có nghĩa vụ gì để làm việc đó, chị có đến 15,16 giấy mời của các chính phủ, các cơ quan văn hóa ở khắp nơi, nay nhà nước chẳng đăng dừng mà phải cho chị đi mà thôi.

Trả lời một câu hỏi về mối tương quan giữa nhà nước và nhà văn, Dương Thu Hương đã nói là chẳng có chính quyền nào ưa nhà văn cả, nhưng chính quyền có học thì tử tế với nhà văn hơn. Còn chính quyền không văn minh như chính quyền ta thì chỉ muốn biến trí thức thành đầy tớ mà thôi. Hậu quả là ngày nay, tại Việt Nam, trí thức chỉ là những viên chức, mà tính cách viên chức đã làm thui chột đi tính cách trí thức. Cho đến gần đây, trí thức Việt Nam vẫn bị dạ dày chi phối; nay thì trí thức đã bắt đầu được độc lập đối với dạ dày nhờ có kinh tế thị trường để trí thức dần dần đi đến độc lập của trí óc.

Những câu trả lời rất thông minh và thẳng thắn của Dương Thu Hương đã chính phục được cảm tình của một số người mà lúc đầu chỉ là "đến cho biết". Và trong vòng ba tiếng đồng hồ, một người đàn bà đơn độc chống đỡ trước một số người đến với mục đích "quay" mình thì càng thấy rõ được cái bản lĩnh vững vàng của một thứ vàng không sợ lửa.

Nhân đây cũng xin nhắc lại một vài câu nói của Dương Thu

Hương, những lời bộc trực của chị đó đây đã cho thấy cái can đảm của một nhà văn, một người làm văn hóa:

"Tôi là nhà văn của dân chúng, tôi ngồi bệt xuống cổ và không có ham muốn gần gũi một đường dây nào đó trong số những người lãnh đạo cao nhất...". "Có thể các anh không chịu được những ý tưởng của tôi, có thể bỏ tù tôi hoặc thủ tiêu tôi, nhưng bao lực không cường hiếp được chân lý". (trả lời các cán bộ của Ban tổ chức Trung ương đảng cộng sản Việt Nam ngày 1-3-1990).

Chính Dương Thu Hương cũng đã yêu cầu hai nguyên tắc chuyên chính vô sản và tập trung dân chủ, vì theo chị ở Việt Nam không phải là chuyên chính vô sản mà là "chuyên chính của một bộ máy quan liêu với những người vô sản, sự chuyên chính của thư lại với nền dân chủ". Về xã hội xã hội chủ nghĩa, Dương Thu Hương viết: "Hiện thực đã phơi trần rằng hệ thống xã hội chủ nghĩa vướng nhiều nhất về vấn đề dân chủ, vi phạm nhân quyền, làm thui chột sức sáng tạo của trí thức, đạo đức sa sút, mắc tệ sùng báy cá nhân, duy tâm, duy ý chí, và điều cốt yếu nhất là năng suất lao động và chất lượng sản phẩm thua kém một cách rõ rệt không thể biện minh". Còn về cá nhân mình, Dương Thu Hương đã tự nhận: "Tôi tự xét mình có khuyết điểm, nhất là nóng nảy, gay gắt, thiếu kiềm chế. Còn lại, tôi sống thẳng thắn, căm ghét mọi sự dối trá và giả đạo đức". "Tôi phải nhận thấy mình đã phạm cái tội lớn nhất mà những người lương thiện thường hay mắc: đó là nhẹ dạ và cả tin". (tư phê theo đòi hỏi của chi ủy Xưởng phim truyện 1, ngày 30-5-1991).

Chúng tôi cũng xin nhắc lại là Dương Thu Hương bị khai trừ khỏi đảng vào tháng 7 năm 1990 và đi tù về những điều chị đã phát biểu hay đã viết.

Ba tác phẩm của Dương Thu Hương được nhắc đến nhiều nhất là:

"Bên kia bờ ảo vọng" nhằm đả kích những thần tượng, lên án một xã hội gian trá, giả đạo đức, xây dựng trên nền móng xã hội chủ nghĩa.

"Những thiên đường mù", đánh vào lý thuyết đấu tranh giai cấp, nhất là qua chiến dịch cải cách ruộng đất thời 1956 và đánh vào huyền thoại chống Pháp.

"Tiểu thuyết vô đế", đánh vào huyền thoại chống Mỹ cứu nước.

Buổi gặp gỡ giữa Dương Thu Hương và một số người Việt ở Paris đã diễn ra có thể nói là tốt đẹp, những cái gay cấn cho thấy con đường hòa giải dân tộc còn có nhiều chông gai. Tuy nhiên cũng cần có thời gian để làm mờ đi những vết sẹo, lành những vết thương, nhất là những vết thương tâm hồn. Theo chúng tôi, có lẽ không ai ghét Dương Thu Hương mà trái lại người ta còn quý chị - chị được liệt vào những nhà văn phản kháng ở trong nước - nhưng vẫn còn một chút lán lẩn nào đó vì chẳng qua chị chưa là một thứ "thánh tử vì đạo". Tâm lý con người thật khó hiểu, như nhà văn Phan Nhật Nam, khi ông ở trong tù cộng sản thì mọi người rất yêu quý ông, nhưng khi ông ra khỏi và nói lên một số suy nghĩ thực lòng thì phản ứng của những người yêu ông trước đây đậm ra có lúc lại trái ngược hẳn. Hình như tâm lý người Việt Nam ngày nay chỉ tin khi người đấu tranh bị cầm tù, còn ngoài ra đều là tay sai của chính quyền. Tay sai ở đâu mà lầm thế? Người cộng sản có ba đầu sáu tay hay sao mà khiến ai cũng làm tay sai cho họ hết?

Chúng tôi không tin điều đó.

Quản Mĩ Lan

# Những nhà ngoại giao Anh mạn đàm về Việt Nam

Nguyễn Anh Tuấn lược ghi

Nước Anh là một nước có niềm tự hào về truyền thống tự do dân chủ trong khối các nước tư bản chủ nghĩa. Nếu như ngay xưa Marx và Lénin, những lãnh tụ của phong trào cộng sản quốc tế bị truy lùng dữ dội ở khắp mọi nơi trên thế giới, khi sang Anh vẫn được sống yên lành ở thủ đô Luân Đôn và khi Marx chết đi vẫn được yên nghỉ dưới lòng đất của thủ đô một nước đã từng là đầu sỏ để quốc tu bản, chứng tỏ lòng khoan dung của một nước tư bản văn minh lâu đời, nước Anh tự do.

Ở nước Anh đảng công sản vẫn được tự do hoạt động, vẫn có quyền tranh cử, vẫn có quyền diễn thuyết công khai chống chính phủ ở các quảng trường giữa thủ đô Luân Đôn. Nhưng đảng công sản Anh chưa bao giờ đắc cử. Theo quan điểm của các nhà chính trị Anh Quốc thì khi nào một đảng cầm quyền phải bù đầu đối phó với các lực lượng đối lập bằng con đường bạo lực là chứng tỏ họ đã suy yếu và chắc chắn sẽ bị lật đổ. Nước Anh cũng có những chỗ yếu của họ bắt buộc dùng vũ lực để duy trì trật tự ở Bắc Ai Nhì Lan. Và chính đó là cái ung nhọt chính trị của đảng Bảo Thủ Anh, đảng cầm quyền hiện tại. Họ đã dồn mọi cố gắng để giải quyết cuộc nội chiến trên phạm vi nhỏ này bằng đối thoại hòa bình. Và đến hôm nay trên mảnh đất luôn bị những vụ nổ bom đe dọa của Bắc Ái Nhì Lan đã có hòa bình trở lại sau 25 năm tàn phá. Thủ đô Luân Đôn, nơi ngày xưa là mục tiêu đánh phá bằng nổ bom của các lực lượng vũ trang IRA (Irish Republican Army - Quân đội nước Cộng Hòa Ái Nhì Lan) nay đang hít thở không khí hòa bình từ mõm đất Bắc Ái Nhì Lan vượt qua eo biển Irish Sea thổi vào. Hòa bình đã thắng chiến tranh ở khắp mọi nơi trên thế giới và nó cũng đang khai hoa kết quả trên mảnh đất đau thương Bắc Ái Nhì Lan của nước Anh tự do.

Các bạn người Anh mà tôi quen biết trong Bộ Ngoại Giao đều tự hào về truyền thống tự do của đất nước họ. Họ cho rằng quyền dân chủ của con người Anh Quốc được tôn trọng và đề cao hơn bất cứ nơi nào trên trái đất. Báo chí, đài phát thanh, vô tuyến truyền hình ở nước Anh thực sự là những cơ quan tự do ngôn luận đại biểu cho quyền lợi của dân chúng. Nhiều bộ, thứ trưởng trong chính phủ bị các cơ quan truyền thông báo chí làm cho mất chức vì có những hành vi mờ ám bị khui ra ánh sáng. Ngay cả thủ tướng chính phủ và gia đình nữ hoàng cũng đều phải đề đặt với các cơ quan truyền thông báo chí của Anh Quốc. Cảnh sát đi tuần tra trên đường phố không mang súng. Mặc dù họ cũng đã bị những tổ chức đảng cướp hành hung sát hại. Quốc Hội Anh vẫn chưa chịu thông qua luật pháp cho phép cảnh sát dùng súng trong khi làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh trên đường phố. Vì họ sợ có thể bắn nhầm vào dân chúng. Quyền công dân được tôn trọng và đề cao là một trong những điểm tự hào của các nhà chính trị Anh Quốc.

Khi sang làm việc ở Việt Nam từ ông đại sứ đến các nhân viên bí thư, thư ký trong đại sứ quán và lãnh sự quán đều phải qua những lớp đào tạo ngoại giao, trong đó có mục học tập nghiên cứu về lịch sử, đất nước, con người và thể chế chính trị của nước Việt Nam. Họ nói với tôi rằng khi được nhận nhiệm vụ sang Việt Nam làm việc họ thấy coi lòng thanh thản hơn là họ nhận nhiệm vụ ngoại giao đến các nước thuộc địa cũ của Anh hoặc các nước mà đế quốc Anh ngày xưa đã từng gây nhiều đổ máu cho các dân tộc

ấy. Ông Peter Williams, vị đại sứ Anh rất được tín nhiệm ở Hà Nội, nói với tôi khi ông chuẩn bị lên đường sang Việt Nam làm đại sứ: "Người Anh chúng tôi rất thoải mái trong quan hệ với Việt Nam vì chúng tôi không hề dính líu vào cuộc chiến tranh với Việt Nam". Ông trầm ngâm một chút như nhớ lại những hình ảnh khủng khiếp trong cuộc chiến tranh Việt Mỹ rồi nói thêm thở phào nhẹ nhõm: "Chúng tôi không có lỗi với dân tộc Việt Nam".

Cũng có lúc họ bàn luận về tình hình Việt Nam với tôi. Họ nói: "Mục đích những bang giao giữa hai nước, hai dân tộc, nhằm phát triển thương mại, giúp nhau về tăng trưởng kinh tế trên cơ sở hai bên đều có lợi. Chúng tôi không tham vọng chinh phục bất cứ nước nào bằng kinh tế. Còn vũ lực thì là cái không cần phải bàn đến vì nó quá kệch còm trong trào lưu thế giới hiện nay. Chính chúng tôi cũng phải trả giá bằng máu trên quãng đường dài một phần tư thế kỷ trong cuộc chiến tranh kéo dài không tuyên chiến trên đất nước của mình.

Chúng tôi được biết những người cộng sản việt nam trước kia cảnh cáo cán bộ rằng: phải cảnh giác, đừng có mút pháo viên đạn bọc đường của chủ nghĩa tư bản. Họ kinh sợ chủ nghĩa tư bản và làm như chúng tôi chỉ chực rình rập đầu độc họ, nếu không dùng súng đạn giết được họ. Có lẽ do những ám ảnh kể trên nên ngày nay họ lại kêu gọi phải cảnh giác với diễn biến hòa bình của các nước tư sản phương tây. Nghĩ cho cùng thì chúng tôi cũng không trách họ làm gì. Vì chủ nghĩa tư bản có phải đâu là một chủ nghĩa hoàn hảo ngay khi mới nấm được chính quyền. Có những lúc nó cũng man rợ không kém bất cứ chủ nghĩa man rợ nào trên thế giới. Nó không những man rợ với các nước thuộc địa mà man rợ ngay cả với chính dân chúng của nước nó. Chúng tôi là những người hiểu lịch sử và chúng tôi không chối cãi điều đó. Ngược lại chúng tôi cũng lên án chiến tranh xâm lược, lên án cả những cái sai của cha ông mình. Có làm được như vậy thế giới mới có thể tiến lên và nhân quan mới tránh được những vụ chém giết mới.

Chúng tôi, (tôi nói chúng tôi không có nghĩa chỉ là các nhà ngoại giao hoặc nhân viên của chính phủ mà là bao gồm tất cả những người Anh có quan hệ đều tư buôn bán ở VN), chúng tôi không phải đến VN để làm công việc do thám gián điệp, chúng tôi đến VN không phải để dạy khôn cho người VN. Chúng tôi đến VN để làm ăn buôn bán với VN. Khi chúng ta muốn làm ăn buôn bán với nhau được dài lâu thì trước hết chúng ta phải tin nhau. Phải tạo cho nhau những thuận lợi để cùng có lợi. Nếu trong thương trường không có lòng tin mà chỉ tìm cách lừa lọc nhau thì quan hệ sẽ không bền lâu và cả hai bên đều không có lợi. Thời gian và sự thật sẽ làm chứng cho chúng tôi. Chúng tôi không đưa những viên đạn bọc đường vào VN. Có chăng là chúng tôi đem những rượu ngọt, nho quý, táo thơm, đường trắng thật sự vào VN chứ có đâu là bom đạn.

Các anh là những người giàu có nằm trên núi của nhưng các anh lại không biết khai thác nó mà hưởng giàu sang. Các anh đã bị hủy diệt quá nhiều trong chiến tranh. Đáng lẽ các anh phải trân trọng hòa bình hơn ai hết. Vậy mà có nhiều người trong các anh

vẫn còn hò hét chiến tranh. Nghĩ cũng thật là lạ. Phải chăng có một số người đã ngộ nhận chiến tranh bạo động là phương thức giải quyết tốt nhất những mâu thuẫn tranh chấp trong cộng đồng dân tộc hay sao.

Chúng ta đã thấy những kẻ cừu thù ngày xưa như PLO (Palestine Liberation Organization) và người Israel Do Thái cũng đã bắt tay nhau với sự trung gian hòa giải của tổng thống Clinton ở Hoa Thịnh Đốn. Và ngay nước Mỹ cũng chịu bỏ thù oán xưa nối lại bang giao với VN. Vậy mà tại sao lại còn có người trong các anh đòi giải quyết bằng con đường máu lửa. Quả thật là khó tin nhưng vẫn có trong đời sống của những người VN.

Chúng tôi thử hỏi những người cộng sản VN. Kể từ ngày các anh mở cửa đón nhận đầu tư kinh tế của nước ngoài các anh đã bắt được bao nhiêu nhà kinh doanh, nhà ngoại giao của phương Tây vào VN làm gián điệp với danh nghĩa đầu tư buôn bán, ngoại giao. Hay các anh chỉ thấy kinh tế VN ngày càng phát triển, đất nước giàu lên, dân tình phồn thịnh. Các anh hút thuốc lá thơm, uống rượu ngon của các nước tư bản, các anh xài đồ la của các nước tư bản có làm cho các anh ngộ độc hay không, hay chỉ là sự sung sướng của hưởng thụ. Nếu các anh làm ăn giỏi, mang lại lợi ích cho dân tộc mình, đất nước mình, làm cho dân giàu nước mạnh thì việc các anh có hưởng lạc đôi chút cũng sẽ được lịch sử khoan dung, nhân dân xá tội. Dân chúng sẽ khoan dung chứ không như bản thân các anh đã từng khắc nghiệt với nhau trong quá khứ. Các anh hãy suy nghĩ trên từng bước đi của mình xem chủ nghĩa nào tốt hơn mà lựa chọn: chủ nghĩa tư bản hay chủ nghĩa cộng sản.

Cái tình thế của nước VN ngày nay là con thuyền đang trượt trên dòng nước chảy xiết về một chân trời mới. Nhưng trên dòng thác lũ đó cũng không phải không có những thác ghềnh đòi hỏi người cầm lái phải tài giỏi khôn ngoan. Nếu không cẩn thận và mưu trí thì nó sẽ đâm đầu vào đá hoặc bị xoáy nước cuốn xuống vực sâu.

Chủ nghĩa cộng sản sẽ vĩnh viễn là hồn ma của dì vàng hoặc chỉ là một thứ ánh sáng đơn thuần có tính chất cảm dỗ của một thứ lý tưởng cao ngạo xa xăm không bao giờ thực hiện được. Điều đó thiết nghĩ những người cộng sản VN hiểu rõ hơn bất cứ ai trên thế giới này.

Tình hình trong nước VN là như vậy. Một đất nước đang rùng rùng chuyển mình dấn thân vào sức cuốn hút mới của một sinh lực mới là chủ nghĩa tư bản. Người ta đang chen nhau để hướng lấy những tài lộc do chủ nghĩa tư bản mang lại. Chủ nghĩa tư bản VN là sự kết hợp của chủ nghĩa tư bản trong nước với đầu tư bản nước ngoài. Do đó sự quan hệ khắng khít với các công ty ngoại quốc là một khâu quan trọng thúc đẩy VN tiến lên. Nếu chúng tôi đầu tư vào VN có nghĩa là chúng tôi và các anh là những người bạn đồng hành trên con đường tìm ra của cải vật chất cho dân tộc mình, đất nước mình và cũng là cho chính bản thân mình. Ngày xưa các anh bảo "tất cả vì nhân dân phục vụ". Bây giờ các anh nói: "tất cả phải vì ta, cá nhân ta". Chúng tôi không có gì phản nàn về điều đó. Vì chủ nghĩa "tất cả vì ta, cá nhân ta" mà các anh đã từng lên án là sự ích kỷ cá nhân ti tiện của chủ nghĩa tư bản thì đến nay các anh đã thấy nó không những không có gì ti tiện mà còn rất đúng là khác. Chỉ có điều phải nói thêm rằng: Ta làm giàu cho bản thân ta và cũng làm giàu cho dân tộc. Vậy dân tộc sẽ hoan nghênh ta, khen ngợi ta mà không chê trách ta. Dĩ nhiên là chúng tôi, các nước Anh, Mỹ, Pháp, Đức, Nhật, v.v...nhiệt liệt hoan nghênh VN mở cửa quan hệ rộng rãi với các nước phương tây. Nhưng còn những người VN hải ngoại thì sao?

Họ cùng có vốn để đầu tư, có trí thức giỏi và còn hơn cả chúng tôi là họ có lòng yêu thương tổ quốc. Vậy các anh xem thường họ hoặc thậm chí căm cửa họ là điều hết sức phi lý. Nhưng dĩ nhiên là chúng tôi cũng thông cảm những vấn đề có tính chất thù hận giữa những người VN với nhau. Nhưng cái mà chúng tôi muốn nói là hận thù với những kẻ xâm lược ngoại bang các anh còn dàn xếp được để có hoà bình xây dựng. Vậy thì giữa người VN với nhau đáng lẽ phải được dàn xếp sớm hơn. Có thể các anh sẽ lên án những người chống cộng cực đoan ở nước ngoài vì thế này thế khác. Nhưng các anh là người có chính quyền trong tay. Vậy trách nhiệm chính trong vấn đề này vẫn là về phía các anh.

Thưa các ông, các ông nói chuyện với tôi, một người tị nạn VN cứ như nói với ông Võ Văn Kiệt hoặc ông tổng bí thư Đỗ Mười. Tôi hy vọng các ông sẽ nói điều đó với các vị đương quyền VN.

Nhưng nói với các ông cũng không phải là vô ích. Vì thế nào các ông chả nói lại với bạn bè. Và chúng tôi muốn biết những người VN bình thường nghĩ gì với những ý kiến của chúng tôi.

Vậy các ông có muốn nói gì với những người VN hải ngoại hay không?

Vâng, nếu ông đã gợi ý thì chúng tôi cũng xin nói đôi lời.

Chúng tôi cho rằng người VN hải ngoại chủ trương đấu tranh đòi tự do dân chủ cho đất nước bằng con đường bất bạo động là đúng. Con đường hoà giải hòa hợp dân tộc để tiến tới một thể chế dân chủ đa nguyên là hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của người VN, và cũng là phù hợp với trào lưu thế giới. Nhưng vấn đề không phải chỉ là những khẩu hiệu suông. Những khẩu hiệu, dù đứng đắn đến đâu cũng không có giá trị gì hết nếu như không biến nó thành hành động thực tế. Có những điểm chúng tôi thấy rất ngỡ ngàng vì khẩu hiệu các anh đề ra một đằng nhưng lại làm theo một nẻo khác. Thí dụ như người VN hải ngoại luôn hô hào phải hòa giải hòa hợp nhưng bản thân khối cộng đồng người Việt hải ngoại lại là một cộng đồng chưa bao giờ có hòa giải và hòa hợp. Các anh luôn bài xích lẫn nhau, người nọ vu cho người kia là cò mồi cộng sản. Thường là các anh dùng cái mũ cộng sản chụp lên đầu các bạn mình để phê bình chửi rủa. Theo chúng tôi được biết thì không có người nào lại còn dại dột làm tay sai cho cộng sản trong khi họ đã an cư lạc nghiệp ở các nước phương tây. Nếu như cục phản gián VN có cử những điệp viên của họ trà trộn vào đám người VN tị nạn thì họ sẽ không làm ăn gì được hoặc là bản thân họ cũng nhận thức được họ phải sống làm sao cho phù hợp với thể chế mới nếu như họ không muốn bị bắt, bị trục xuất hoặc bị cầm tù. Việc này các cơ quan phản gián của chúng tôi có đủ tài năng và trách nhiệm làm được. Nếu như các anh cứ tự dựng lên hàng trăm ngàn gián điệp cộng sản thì lại chính làm khó dễ cho công việc của những cơ quan chuyên môn.

Một điều nữa chúng tôi muốn nói là khi người ta đang cố gắng thoát ra khỏi thây ma cộng sản thì tại sao các anh cứ muốn ấn cỏ họ vào để có đối tượng mà đấu tố. Điều này nó không những phi lý đối với các đồng bào các anh ở nước ngoài mà còn phi lý cả với những người VN ở trong nước. Làm như vậy có khác gì các anh lặp lại những điều ngu xuẩn mà nhà nước cộng sản các nước đã vấp phải trong cải cách ruộng đất và trong các cuộc thanh trừng chém giết lẫn nhau.

Đối với những người VN là công dân của các nước phương tây thì dù cho họ có tán thành chủ nghĩa cộng sản cũng không ai có quyền mạt sát họ. Vì đó là quyền tự do chính trị đã được ghi nhận trong hiến pháp. Còn những người VN ở trong nước thì đại đa số nhân dân và viên chức nhà nước VN ngày nay đều chán ghét chủ nghĩa cộng sản. Chính họ đang bị cuốn theo cơn lốc tư bản và thích thú được cuốn theo. Trong lúc đó có những người VN ở các nước tư bản lại cứ níu kéo họ lại, cố tình muốn dùng cái sợi dây xiềng cộng sản mà họ vất vả lắm mới tháo gỡ nổi, cột chặt họ lại mà chửi bới đánh đập.

Ai cũng biết chế độ VN ngày nay thực tế không phải là cộng sản mà là một chế độ tư bản mới thoát thai khỏi chế độ cộng sản. Chế độ tư bản hiện tại là một chế độ còn mang trong nó nhiều khuyết tật bởi chứng nó còn phải mang phai diệu nhiều hậu quả tai hại của chiến tranh, của lòng thù hận, của những nọc độc xấu xa của bạo quyền chuyên chế. Nó như một cơ thể con người ngấm quá nhiều chất độc hại nên ta cần phải có thời gian và lòng kiên trì trị bệnh cứu người thì mới có thể biến nó thành một thiếu nữ tươi hồng như những cô gái đang độ thanh xuân. Muốn làm được việc đó không phải chỉ có chửi rủa và lèn ám mà còn phải có những mũi thuốc hồi sinh, tăng trưởng sinh lực cho chủ nghĩa đang manh nha có điều kiện phát triển.

Thật là lầm lẫn nếu cho rằng quan hệ với chính thể VN hiện nay là nối giáo cho giặc, là tiêm vitamin T cho cái thây ma cộng sản đang ngắc ngoải. Thực tế lại ngược hẳn lại. Chính nhờ có sự giao lưu về kinh tế và văn hoá mà dần dần những người cộng sản thúc thời tiếp thu được cái hay, cái giỏi của chủ nghĩa tư bản. Và đó là bước đầu của những chuyển hóa hòa bình của những chế độ độc tài đảng trị không lối thoát sang chế độ tư bản văn minh dân chủ.

Chúng ta không nên có thái độ cực đoan để nhìn nhận sự vật. Thí dụ như không nên có thái độ vơ đưa cả nấm cho rằng tất cả những người cộng sản đều là con mồi của xã hội, đều là những kẻ bạo tàn giết người. Trong số họ cũng vẫn có người cấp tiến có lòng với đất nước. Chính chúng ta phải cố gắng giúp những con người như vậy chứ không phải vùi dập họ. Nhưng vấn đề là chúng ta đến với họ với tất cả thiện chí của tinh trung hậu thực thà mà không cần có thủ đoạn lừa lọc. Chúng ta phải mang cái hay cái tốt của chủ nghĩa tư bản đến với nước VN đang chập chững trên đường tiến tới chủ nghĩa tư bản văn minh. Làm được như vậy mới là những người bạn tốt. Nếu trong chúng ta có những người vào VN với tất cả sự dối trá, lừa lọc mang những nọc độc xấu xa của chế độ tư bản tiêm vào cơ thể của cái chính thể vẫn còn đang ốm nặng thì làm sao được người ta hoan nghênh? Chúng tôi có thể tự hào rằng chúng tôi không làm những điều xấu đó. Vì vậy chúng tôi được hoan nghênh và quan hệ Anh Việt đang trên đà phát triển tốt đẹp.

Chúng tôi nghĩ rằng Việt Kiều các anh cũng vậy. Có những người khi trở về đất nước đã có những thái độ không đúng đắn ngay cả với thân hữu của mình. Có những người tự cho mình là giàu sang phú quý coi khinh những người trong nước. Có người về VN buôn lậu, đì điếm, gian trá, lừa lọc. Nhưng cũng có người thương xót từ lá cây ngọn cỏ của quê hương đất nước. Họ thương xót cho anh chị em cô bác còn nghèo và hết lòng giúp đỡ người thân. Họ cố gắng làm cái gì đó để góp phần mình làm cho đất nước đứng lên. Đứng về đại thể mà nói: một công dân chân chính

không bao giờ muốn cho đất nước mình nghèo đồng bào đói khổ. Một người VN chân chính sẽ vui trong cái vui chung của đất nước đứng lên, của quốc gia phồn thịnh, dân tộc ấm no. Đó là những tiêu chuẩn để xét xem ai là Việt kiều yêu nước, ai là người không yêu nước. Chúng ta nhớ rằng chế độ chính trị chỉ có tính chất giai đoạn tạm thời, nhân dân tổ quốc mới là vĩnh cửu. Đến một ngày nào đó chế độ chuyên chế sẽ bị lật đổ nhưng những công trình xây dựng kinh tế, hầm mỏ, cầu đường, những xa lộ xuyên Việt, những sân bay quốc tế mới mở mang và tất cả tài nguyên của đất nước sẽ vĩnh viễn là của nhân dân, của đất nước. Những người Trung Quốc ở nước ngoài hiểu rõ điều đó. Nên họ đã đổ tiền đồ của về xây dựng nước Trung Hoa vĩ đại mặc dù chính thể hiện nay cũng không hơn gì chính thể Việt Nam hiện tại. Với những suy nghĩ như vậy chúng tôi cho rằng người VN hải ngoại nên tăng cường về thăm đất nước, nên tìm cách đầu tư buôn bán để vừa làm giàu cho bản thân mình vừa đóng góp phần mình làm giàu cho đất nước. Đừng có nghĩ rằng về đầu tư buôn bán với VN là nối giáo cho cộng sản. Mà ngược lại đầu tư buôn bán với VN là góp phần hạ cái thây ma cộng sản xuống huyệt sâu bằng diệu nhạc chia buồn giàu tính nhân đạo. Chúng tôi, những nước phương tây nghĩ như vậy và chúng tôi đã làm như vậy. Chúng tôi vừa đọc bài viết của ông trên báo Thông Luận và Ngày Nay, bài "Đất nước hôm nay". Trong đó ông có cảnh tỉnh những thương nhân VN hải ngoại là nếu vào VN kinh doanh không cẩn thận cũng dễ bị hết nghiệp như chơi. Chúng tôi nghĩ rằng vì ông quá tốt nên cứ hay lo hộ thiên hạ đó thôi. Chứ thực ra những ai đã biết cầm đồng tiền kinh doanh buôn bán họ đều biết tính toán rất kỹ. Nhưng dĩ nhiên trong thương trường cũng không thiếu những kẻ lừa lừa. Chúng tôi thấy có lúc Việt kiều các ông bị người trong nước lừa. Có lúc họ lại lừa người trong nước. Vậy có sao mình chỉ biết nói một chiều. Trong thương trường tốt hơn là làm ăn chân thật nhưng dĩ nhiên là phải thận trọng. Còn do cái ngu dốt của mình mà bị lừa thì cũng là một bài học cần rút kinh nghiệm. Không có ai có thể nói mình khôn được cả suốt đời.

Vậy trong quan hệ đấu tranh chính trị cũng vậy. Hiện nay trong nước VN là thế đấu tranh cài rắng lược giữa những mầm mống tư bản với những cái rẽ già cỗi ưng thối của chế độ độc tài đảng trị, quan liêu tham nhũng. Những yếu tố đó đối kháng lẫn nhau rất kịch liệt trong xã hội VN có vẻ yên bình về bề mặt. Nhưng trong lòng nó vẫn đang sục sôi một cuộc đấu tranh ám thầm mà ác liệt. Nó ác liệt ở chỗ nó tìm cách tiêu diệt nhau bằng mọi giá kể cả bằng xương máu. Vì vậy những người VN có lòng với đất nước không nên cố tình khui thêm những hận thù để dẫn tới một cuộc tắm máu mới. Tốt hơn cả là tránh cho dân tộc một cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn, giải quyết mọi vấn đề bằng đối thoại hòa bình. Các anh cứ nhìn vào bài học nước Anh thì rõ. Chúng tôi cũng đã trả giá bằng xương máu trong hai mươi lăm năm qua về bạo hành ở Bắc Ái Nhì Lan.

Thưa ông, như chúng tôi đã nói ở phần đầu, chúng tôi không bao giờ muốn chỉ giáo ai vì điều đó đã lui vào quá khứ. Các đại đế quốc Anh Cát Lợi chuyên đi dạy dỗ chinh phục thiên hạ bằng lý thuyết và súng đạn đã bị lịch sử lèn án và nó sẽ không bao giờ được gắp lại. Chúng tôi nói với các ông như nói với một người bạn với tấm lòng chân thành của chúng tôi. Và đây cũng là những trao đổi có tính chất cá nhân không có liên quan gì với chính phủ hai nước. Xin cảm ơn.

Nguyễn Anh Tuân lược ghi

# THỜI SỰ...TÌM TỨC...THỜI SỰ...

## Hợp tác quân sự Trung-Mỹ?

Ông William Perry, Bộ trưởng quốc phòng Mỹ vừa đi thăm Trung Quốc trong ba ngày, giữa tháng 10-1994 và đã được người đồng nghiệp Tầu, tướng Trì Hạo Điền tiếp đón. Đây là lần đầu tiên một bộ trưởng quốc phòng Mỹ viếng thăm Trung Quốc từ khi xảy ra biến cố Thiên An Môn năm 1989. Thủ trưởng quốc phòng Mỹ, ông Charles Freeman trước đó, cũng đã đến Bắc Kinh vào tháng 11-1993. Đô đốc Charles Larson, tổng tư lệnh lực lượng Mỹ ở Thái Bình Dương vào tháng 7 vừa qua cũng đã có mặt tại thủ đô Trung Quốc.

Về phía Trung Quốc, tướng Từ Huệ Từ, ủy viên Trung ương Đảng và phó Tổng tư lệnh quân đội Trung Quốc đã đi thăm Hoa Thịnh Đốn và Hawaii vào tháng 8 năm nay.

Nhiều vấn đề nóng bỏng đã được hai bên thảo luận trong đó có các việc chuyển hướng công nghiệp quân sự Trung Quốc sang công nghiệp dân sự, việc tiếp tục thí nghiệm vũ khí nguyên tử của Trung Quốc mặc dù bốn nước thành viên thường trực Hội đồng Bảo an chủ trương tạm ngưng mọi thí nghiệm vũ khí nguyên tử. Ngoài ra việc Trung Quốc bán vũ khí cho Pakistan cũng được hai bên đề cập.

Người ta tự hỏi không biết vấn đề tăng cường quân đội Trung Quốc ở biển Đông có được đem ra bàn cãi không?

## Lụt lớn gây thiệt hại về người và của

Tính đến nay (từ đầu tháng 6 đến đầu tháng 10-1994), lũ lụt đã làm 94 người, đa số là trẻ em, bị thiệt mạng tại các tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long. Sản lượng lúa bị thất thu 200.000 tấn, 173.000 hộ dân bị vây trong vùng nước lụt, trong đó có 14.920 gia đình phải dời lên vùng đất cao, 840 trường học và 340 trạm xá bị chìm trong nước.

Theo báo cáo chưa đầy đủ, cho đến cuối tháng 9-1994, An Giang có 17 người chết, hơn 100 trên 137 phường xã và 20.000 nhà của dân bị ngập nước. Hàng trăm căn nhà khác bị nước cuốn trôi, hơn 4.000 gia đình phải di tản lên chỗ cao. Thị xã Châu Đốc, huyện An Phú, Tân Châu, Tri Tôn, Tịnh Biên... bị nước lũ phá hoại nghiêm trọng nhất. Các huyện Châu Phú, Phú Tân, Châu Thành cùng chịu nhiều thiệt hại không kém. Mức thiệt hại được ước tính khoảng 150 tỉ đồng (1,5 triệu USD), trong đó thiệt hại về giao thông, thủy lợi, đê điều, trường học khoảng 50 tỉ đồng. Mực nước ngày 10-10-1994 tại Tân Châu: 4,65m, Châu Đốc: 4,25m.

Cùng theo thống kê chưa đầy đủ, Đồng Tháp có 22 người chết, đa số là trẻ em. Thiệt hại về tài sản khoảng 145 tỉ đồng, trong đó riêng về nông nghiệp trên 85 tỉ. Nhiều cơ sở vật chất như trường học, đường sá, cầu cống, mương rạch bị hư hỏng nặng. Có hơn 80.000 nhà (hơn 500.000 người) bị ngập nước, gần 20.000 gia đình phải di tản đi nơi khác.

Từ cuối tháng 9-1994, nước lũ đã tràn sang tỉnh Tiền Giang làm ngập úng nhiều cánh đồng ruộng lúa và nhà cửa. Lũ còn gây sụp lở bờ sông Tiền ở Sa Đéc và thị trấn Hồng Ngự, khoảng 200 gia đình phải dời đi nơi khác. Đầu tháng 10, nước lũ tràn lên làm ngập các lộ giao thông 868 và 869, và các xã dọc kinh Nguyễn Văn Tiếp thuộc huyện Cái Bè, Cai Lậy, Tân Phước.

## Thú vui mới

Dua xe giữa thành phố là một thú vui mới của những thanh niên có xe hai bánh phân khối lớn tại Việt Nam. Họ đua xe để tranh tiếng anh hùng hoặc để cá độ. Có người đua xe chỉ để tạo cảm giác mạnh. Hiện tượng này trước đây chỉ xảy ra tại Sài Gòn, nay lan tràn ra Hà Nội. Trong tương lai thanh niên nhiều thành phố lớn khác có thể sẽ bắt chước theo. Đây là những cuộc đua tự phát, không có ai đứng ra tổ chức. Chỉ cần năm mươi thanh niên lúc đầu phóng xe chạy thật nhanh trên đường phố sau đó sẽ có hàng trăm thanh niên khác nhập cuộc, sau cùng là một cuộc đua thật sự. Những tay đua thường là con cái các gia đình quyền thế, có người còn mang theo cả vũ khí (dao, súng) để chống trả lại công an khi bị đuổi bắt. Lực lượng công an cũng ít khi bắt được họ lúc đang chạy đua, họ chỉ bắt được các tay đua khi bị "ngã ngựa" hay lúc gây ra tai nạn.

Những cuộc đua lớn, từ một trăm xe trở lên, thường diễn ra vào ban đêm, nhất là trong những dịp lễ lớn như Noel, Tết Nguyên Đán, Tết Trung Thu... lúc đông người đổ ra đường phố chơi. Những "yêu hùng" này xả hết tốc độ (trung bình 100 km/giờ), lật lách giữa dòng người và xe cộ, chạy qua nhiều đoạn đường và tranh nhau về nhất ở một điểm đã định trước. Những cuộc đua xe này đã làm nhiều người thiệt mạng, nhiều người khác mang thương tật.

Trong đêm 20 rạng 21-9-1994 (Tết Trung Thu), những tay đua đã làm rung động cả hai thành phố Sài Gòn và Hà Nội. Các bệnh viện đã phải cấp cứu hàng chục trường hợp gãy tay, gãy chân và chấn thương sọ não, nhiều người đã chết sau đó. Công an Hà Nội bắt giữ hơn 20 thanh niên cùng tang vật (xe gắn máy). Nhiều thanh niên khác tại Sài Gòn cũng bị bắt giữ, xe bị tịch thu. Tất cả bị kết tội gãy rối trật tự công cộng vì đua xe ngoài trường đua. Việt Nam chưa có trường đua.

Công an Hà Nội đề nghị chính phủ được sử dụng bắn chông, hàng rào, súng phun sơn, xe vận tải ngăn chặn, vây bắt các tay đua xe. Trước đây công an Sài Gòn đã dùng dây điện quất vào tay lái người đua xe hay căng dây ngang đường giật ngã các tay đua để bắt, biện pháp này không còn được áp dụng nữa vì đã làm nhiều người chết khi ngã xuống đường.

## Hành khát ném lựu đạn?

Tối 13-10-1994, hồi 21 giờ, một trái lựu đạn đã nổ tại bến Bạch Đằng, Sài Gòn, gây thương tích cho 18 người trong đó có 8 người Việt Nam và 10 người ngoại quốc gồm 7 người có quốc tịch Trung Quốc và 3 người có quốc tịch Đài Loan. Những người Trung Quốc thuộc một phái đoàn thương mại đã đến Sài Gòn sau một cuộc triển lãm tại Hà Nội. Trái lựu đạn đã nổ khi các nạn nhân vừa rời một tàu du lịch.

Một phát ngôn viên của Bộ Ngoại giao Hà Nội tuyên bố: "Vụ này do một bọn phá rối gây ra không nhằm người ngoại quốc nói chung và người Trung Hoa nói riêng, do đó không phuơng hại tới sự phát triển bang giao song phương giữa Việt Nam và Trung Quốc".

Sở công an Sài Gòn cho rằng vụ ném lựu đạn này chỉ là sự tranh giành lãnh thổ giữa các băng đảng hành khát và một nhân viên an ninh tại bến Bạch Đằng. Tuy vậy sở công an không loại trừ khả năng là vụ ném lựu đạn này có mục tiêu chính trị và chống

# THỜI SỰ..TIN TỨC..THỜI SỰ...

người ngoại quốc.

Bình thường chính quyền cộng sản có khuynh hướng thổi phồng các vụ chống đối vô trang để biện minh cho chính sách đàn áp và giải thích thất bại về kinh tế xã hội. Trong quá khứ họ đã từng làm lầm 1 vụ xử các thành viên của Mặt Trận Thống Nhất Các Lực Lượng Yêu Nước Giải Phóng Việt Nam cuối năm 1984 trong đó anh Trần Văn Bá, cựu chủ tịch Tổng Hội Sinh viên Việt Nam tại Paris và hai đồng chí là Lê Quốc Quân và Hồ Thái Bạch đã bị kết án tử hình và bị hành quyết. Họ cũng đã thổi phồng vụ xử 19 thành viên của tổ chức Hoàng Cơ Minh năm 1989. Gần đây họ cùng đã thổi phồng vụ âm mưu phá hoại của Liên Đảng Cách Mạng Việt Nam. Khi không có chống đối vô trang thực sự, công an cộng sản không ngần ngại chế tạo ra để khai thác. Ngay sau 1975, công an cộng sản đã tạo ra đảng Việt Nam Phục Quốc để làm bẫy dụ hàng ngàn thanh niên chống cộng gia nhập rồi bắt, nhiều người đã bị xử bắn, trong đó có hai ông Đặng Quốc Thu và Đặng Văn Hai, chủ tịch và phó chủ tịch của đảng Việt Nam Phục Quốc, nhiều người vẫn còn ở tù cho tới ngày nay.

Lần này ngược lại, chính quyền cộng sản lại cố giảm tầm quan trọng của vụ ném lựu đạn vì những nạn nhân là người Trung Hoa và vì Hà Nội đang chuẩn bị để tiếp đón chủ tịch Giang Trạch Dân. Hà nội không muốn gây trở ngại cho cuộc viếng thăm này.

## Hành hung một thượng úy công an

Trưa ngày 4-9-1994 hai vợ chồng Nguyễn Thị Ngọc Châu và Lê Thanh Nghia (nhà số 81/3 đường Quang Trung, tổ 20, Phường 10, quận Gò Vấp), sau khi đi ăn giỗ về thấy có vôi cát rơi vai trên giường ngủ, bèn la lối chửi bới ồm tỏi. Anh Nguyễn Văn Hồng, thượng úy công an, nhà khít vách chạy sang phân trần và xin lỗi vì lở đóng đinh trên tường làm rót vôi bên nhà Nghia, rồi sai em gái là Tịnh sang quét dọn. Lê Thanh Nghia quát mắng và ném cây quat máy vào người cô Tịnh. Nghe em gái mình la hoảng, Hồng chạy sang thì bị Nghia tát vào mặt, Hồng tát trả đũa lại. Một ông hàng xóm ra ngăn cản, mọi người đều về nhà. Câu chuyện tưởng đến đây là tạm yên.

Nhưng vài phút sau, Nghia sai vợ đi gọi thêm vây cánh khoảng 10 người đến vây nhà Nguyễn Văn Hồng. Những người này phá cửa nhà của Hồng, xông vào dùng dao, gậy đập phá đồ đạc, xe đạp, xe gắn máy, rồi nhào tới đâm chém, đánh đập túi bụi vào người Nguyễn Văn Hồng. Sau một hồi chống cự, Hồng bị những người này lôi ra giữa sân, dùng dao cắt hai đoạn gân chân phải của Hồng trước sự chứng kiến của nhiều người. Họ còn cảnh cáo những người hàng xóm: "Ai thấy sao để vậy, nếu tố cáo thì sẽ bị cắt gân như thế".

Sau khi các hung thủ đã bỏ đi, Hồng gượng dậy bò ra đường thuê xe chở đi bệnh viện cấp. Nguyễn Văn Hồng bị 4 vết chém và nhiều vết chém khác ở tay chân, nhượng chân phải bị cắt 2 sợi gân. Cô Tịnh với chạy đến công an phường 10 Gò Vấp trình báo. Nhưng 15 phút sau khi chấm dứt sự việc, công an phường và công an khu vực mới có mặt và chỉ lấy lời khai qua loa những hung thủ rồi cho về. Hàng xóm không ai dám tố giác, vợ chồng Châu - Nghia ở nhà mở Karaoké ra hát.

Mãi đến ba ngày sau, khi Nguyễn Văn Hồng làm đơn tố cáo lên công an thành phố, những hung thủ mới bị câu lưu. Những hành vi côn đồ loại này xảy ra thường xuyên. Báo Công An Thành Phố, số ra ngày 28-9-1994, làm lớn chuyện này có lẽ vì nạn nhân là một đồng nghiệp bị những người thuộc các thế lực

khác hành hung, nếu nạn nhân là dân thường chắc sẽ không được chiếu cố đến như vậy.

## 18 vụ án lớn trong năm 1994

Báo Lao Động, số ra ngày 29-9-1994, cho biết trong năm 1994 có 13 vụ án được xem là quan trọng nhất, trong đó 3 vụ đã đưa ra tòa, 2 vụ đã kết thúc điều tra và 8 vụ đang còn trong vòng điều tra.

1. Vụ Nguyễn An Trung và Lê Văn Quới nhập lậu 118 xe hơi tay lái nghịch.

2. Vụ 127 thanh giằng cột điện cao thế dẫn điện 110 kV từ Hòn Gai đi Cẩm Phả bị cắt phá tại Quảng Ninh, Vũ Văn Vượng (tử hình) và Tống Thế Bảo (chung thân).

3. Vụ tham ô lớn tại Sở Điện Lực Bình Định.

4. Vụ tham ô 7.100 USD tiền tài trợ trồng cây tại Vụ Lâm Sinh (Bộ Lâm Nghiệp) và Vụ Hợp Tác Quốc Tế (Bộ Văn Hóa và Thông Tin).

5. Vụ tham ô tập thể ở bến phà Quán Hàu (Quảng Bình).

6. Vụ tham ô tại trạm Đồng Bành, Cục Thuế Lạng Sơn.

7. Vụ buôn lậu 128 kg thuốc phiện tại Sơn La.

8. Vụ buôn lậu 227 kg thuốc phiện tại Sơn La.

9. Vụ Nguyễn Đình Huy (Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ) hoạt động chống đối chính quyền!

10. Vụ đưa và nhận hối lộ 225.000 USD và 415 triệu đồng tại Hải Quan Bà Rịa (Vũng Tàu) nhận hối lộ (8 cán bộ hải quan và 3 người khác).

11. Lương Ngọc Sơn trốn ra nước ngoài sau đó về nước lưu hành 100.000 USD giả.

12. Vụ buôn lậu 22 xe máy phân khối lớn tại Hải Quan Bưu Điện Bờ Hồ (Hà Nội).

13. Vụ buôn lậu thuốc lá ngoại, đầu máy video trị giá khoảng 1.000 lượng vàng trên tàu Viettrantrimex 4 tại Bình Định.

Ngoài 13 vụ án trên, chính quyền cộng sản còn đang xúc tiến truy tố các vụ án lớn khác như:

- Vụ Xí nghiệp đóng lạnh Hùng Vương;

- Vụ dùng 31 tỷ đồng ngân sách mua bán xe hơi tại Hà Nội;

- Vụ buôn lậu của Phòng Hậu Cầu, Sở Công An Bình Định;

- Vụ Dương Thanh Cường lừa đảo 73 tỷ đồng ở Bà Rịa (Vũng Tàu);

- Vụ tham ô ở Xí Nghiệp thuốc sát trùng Tiền Giang;

- Vụ hối lộ tại Sở Lao Động và Thương Binhp Đà Nẵng thu lại được gần 614 triệu đồng;

- Vụ làm giả 352 hồ sơ nghỉ hưu tại huyện Thuận Châu (Sơn La), liên can đến 30 cán bộ.

## Tin ghi nhanh

### 25.000 người chết vì bệnh lao mỗi năm

Lao là một bệnh truyền nhiễm nguy hiểm còn đang hoành hành tại Việt Nam. Theo ước lượng của Bộ Y Tế, số người mắc bệnh lao hàng năm tại Việt Nam khoảng 120.000 người (0,17% dân số).

Theo bác sĩ Nguyễn Đức Kiệt, báo Lao Động số ra ngày 29-9-1994, cho đến nay chỉ từ 200.000 đến 250.000 trường hợp được ghi nhận, trong đó khoảng 100.000 người có vi khuẩn trong đờm. Số người chết vì lao được biết đến mỗi năm từ 20.000 đến 25.000 người. Mỗi năm từ 55.000 đến 75.000 bệnh nhân lao được phát

# THỜI SỰ...TÌM TỨC...THỜI SỰ...

hiện, 70% do lây bệnh, khoảng 40.000-45.000 người đã được chữa khỏi (85%). Tuy nhiên vẫn còn từ 10.000 đến 15.000 trường hợp lao phổi có vi khuẩn chưa được phát hiện, khoảng 80.000-100.000 trường hợp lao các thể khác chưa được điều trị, gây tử vong hoặc tàn phế. Tuổi mắc lao trung bình từ 20 đến 40 tuổi, nghĩa là trong lứa tuổi lao động. Hiện nay còn 25% xã chưa có hoạt động chống lao, 15% dân số (11 triệu người), đa số ở miền núi, chưa được mạng lưới chống lao bảo vệ.

## Mỗi năm thoát 2.000 tỷ đồng

Tại cuộc hội thảo khoa học về Đồng Bằng sông Cửu Long, từ 24 đến 26-8-1994, những nhà khoa học đưa ra con số báo động về sự thất thoát trong khi thu hoạch và sau khi thu hoạch của sản xuất lúa gạo, tỷ lệ thất thoát trung bình từ 20 đến 30% sản lượng lúa, khoảng hai triệu tấn lúa. Nếu tính trung bình giá một kí-lô lúa là 1.000 đồng, thì mỗi năm Việt Nam mất khoảng 2.000 tỷ đồng, bằng tổng số thuế nông nghiệp một năm và gần bằng một nửa số tiền thăm thủng ngân sách Việt Nam năm 1994.

## Cố thành Hà Nội bị đập phá

Để có điều kiện tham gia kinh tế thị trường, gần đây một số gia đình quân nhân tự động đục phá tường cỏ thành Hà Nội ở cửa Chính Bắc để lấn chiếm lề đường mở hàng quán. Nhiều người còn đập những bức tường cũ để lấy gạch xây nhà. Thành cỏ Hà Nội được xây dựng từ năm 10 sau công nguyên, nay đã được 1984 tuổi. Vết đạn pháo do Pháp bắn vào Chính Bắc Môn cách đây 112 năm, ngày 25-4-1882, để lại những vết lở loét trên tường nay vẫn còn. Thật vô ý thức hết chỗ nói!

## Rừng Tây Nguyên tiếp tục bị tàn phá

Sau 1975 gần một triệu người được đưa từ miền Bắc lên Tây Nguyên lập nghiệp, khai phá hơn 200.000 hecta rừng.

Từ 1988 đến nay thêm 300.000 người khác, từ các tỉnh đồng bằng miền Trung, tự động vào 4 tỉnh Lâm Đồng (100.000), Đắc Lắc (150.000), Gia Lai và Kontum sinh sống. Những người này khai phá đất rừng làm rẫy, do năng suất không cao họ xoay qua nghẽ đốn củi, làm than, trung bình mỗi gia đình phá 1,5 hecta rừng. Sáu năm qua Tây Nguyên mất thêm 100.000 hecta rừng nguyên sinh. Riêng tại Đắc Lắc, có 30.000 hộ đến định cư, chặt phá khoảng 40.000 hecta rừng già. Tại các huyện Gia Lai và Kontum giáp ranh với Cam-bốt, nạn phá rừng và săn bắn thú hiếm xảy ra nghiêm trọng. Nếu đà này cứ tiếp tục, núi rừng Tây Nguyên sẽ biến thành những đồi trọc như tại cao nguyên Tây Bắc.

## Thêm 2.280 người mắc bệnh cùi

Qua đợt khám nghiệm lần đầu tại 1.358 buôn làng Thuượng trên Tây Nguyên, nhân viên Viện Da Liễu trung ương đã phát hiện 2.280 bệnh nhân phong mới, ước tính còn khoảng 10.000 bệnh nhân khác chưa được phát hiện. Một số địa phương khác cũng có tỷ lệ mắc bệnh khá cao như xã Lương Sơn (Bình Thuận) có 100 bệnh nhân/1.000 người, xã Đập Đá (Bình Định) có 70 bệnh nhân/7.000 người.

Nguyên nhân mắc bệnh phong cùi là do sinh cư tại những nơi ẩm thấp, thiếu ánh sáng, thiếu dinh dưỡng và thiếu sự chăm sóc về y tế. Đa số bệnh nhân là đồng bào các sắc tộc thiểu số.

## Tai nạn đường thủy

Trong 6 tháng đầu năm 1994, trên cả nước đã xảy ra hơn 110

vụ tai nạn giao thông đường thủy. Riêng tại Sài Gòn, 31 tai nạn giao thông đường thủy được ghi nhận, tăng 29,1% so với năm 1993, làm 3 người bị thương, chìm 7 tàu, 12 chiếc khác bị hư hại nặng, mất 250 tấn hàng hóa, làm gãy một cầu đường bộ, một cầu đường sắt, rách 4 miệng đáy cá, ô nhiễm 110 km<sup>2</sup> mặt nước. Trị giá thiệt hại 3 tỷ đồng. Chỉ riêng trong hai tháng 7 và 8-1994, đã xảy ra 14 tai nạn đường thủy làm thiệt hại trên 2 tỷ đồng. Nguyên do là các tàu thuyền không tôn trọng qui tắc đi sông và khoảng cách an toàn với bờ. Gây thiệt hại nặng nhất là các sà lan và tàu biển đụng vào các ghe tải hay xuồng dân khi đi trên sông Sài Gòn.

Ngày 29-9-1994, tàu Sông Chanh, 25 tuổi, dài 35,5 m, rộng 11,5 m, chở xi-măng từ Hải Phòng vào Nha Trang bị chìm gần bờ biển Thanh Hóa, toàn bộ nhân viên lái tàu 19 người cùng 2 chủ hàng được cứu thoát. Từ ngày 11 đến 18-9-1994, ngư dân Nghệ An vớt được 7 xác chết trôi dạt trên biển đem vào bờ chôn cất tử tế.

## Nạn cháy tại Sài Gòn

Trong 9 tháng vừa qua, trên địa bàn Sài Gòn đã xảy ra 209 vụ cháy, làm chết và bị thương gần 20 người, thiệt hại tài sản khoảng 4,5 tỷ đồng. Số vụ cháy tăng gấp 2 so với 1993 nhưng mức độ thiệt hại có giảm (21,5 tỷ năm 1993). Vấn đề phòng cháy và chữa cháy tại Sài Gòn rất phức tạp, các vụ cháy nhà thường xảy ra ở các khu đóng dân cư tại quận 1, quận 3, quận 6..., do đường phố chật chội và xe cộ dân chúng chạy loạn xạ, các đội cứu hỏa khi đến nơi thì chẳng còn lửa để dập, tất cả đều đã ra tro. Nguyên nhân chính là do bất cẩn trong sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh và chạm điện, phần còn lại là do trẻ em nghịch lửa gây cháy.

## Tai nạn giao thông tại Sài Gòn

Số tai nạn giao thông bộ ngày càng gia tăng tại Sài Gòn. Chỉ trong một tuần, từ 15 đến 21-9-1994, đã xảy ra 10 tai nạn giao thông (giảm 17 vụ so với tuần trước) làm chết 4 người, bị thương 12 người, 10 xe bị hư hại. Cảnh sát giao thông Sài Gòn đã phải huy động trên 300 người giữ trật tự ở 108/130 giao lộ có tín hiệu đèn xanh đèn đỏ, làm biển báo 2.012 vụ vi phạm luật lệ giao thông, cảnh cáo 251 trường hợp, giữ 117 xe, phạt tiền 1.689 vụ, 36 cảnh sát không nhận hối lộ của các người vi phạm. Ngoài ra còn có 124 vụ va quẹt nhẹ giữa các xe hai bánh làm tắt nghẽn giao thông và hư hại 142 xe các loại.

Tai nạn trên các quốc lộ lớn cũng gia tăng, phần lớn do các xe chở khách và xe hàng gây ra làm thiệt hại nhân mạng và tài sản dân cư hai bên đường.

## SIDA

Tính đến cuối tháng 9-1994, Việt Nam có 1.803 người bị nhiễm HIV, 129 người mang bệnh SIDA và 48 người đã chết. Thêm 12 trường hợp nhiễm HIV vừa được khám phá (11 tại Bình Định, 1 tại Hải Phòng).

## Liên tục và biến đổi của Nho giáo

Chiều ngày 25-10-1994 tại Ban Việt học của Đại học Paris 7 Denis Diderot, ông Trần Đình Hượu, giáo sư văn học Việt Nam (từ Nguyễn Đình Chiểu đến Tản Đà) của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội đã nói chuyện về đề tài "Permanences et mutations du Confucianisme au Việt Nam" (tạm dịch là liên tục và biến đổi của Khổng giáo - Nho giáo tại Việt Nam) trước một cử tọa việt,

# THỜI SỰ...TIN TỨC...THỜI SỰ...

pháp và ngoại quốc gần 70 người. Diễn giả nói tiếng Việt, ông Nguyễn Ngọc Giao dịch ra tiếng Pháp. Cuộc nói chuyện của giáo sư Hựu đã kéo dài hai tiếng đồng hồ và không có phần tranh luận tiếp theo vì không có thời giờ, diễn giả được mời đi nói chuyện ngay sau đó tại một cơ sở văn hoá Việt kiều.

Giáo sư Hựu đã đưa ra nhiều nhận định độc đáo về Nho giáo qua sự so sánh sơ lược các nội dung Nho giáo Trung Hoa, Nhật Bản, Triều Tiên và Việt Nam. Ông khởi đi từ một số tiền đề như Nho giáo Trung Quốc có một quá trình sản sinh trong khi Nho giáo Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam không có quá trình sản sinh mà chỉ có quá trình du nhập. Một khác, theo ông, bàn về Nho giáo là phải gắn liền Nho giáo với đế chế là sản phẩm của Nho giáo. Đế chế là một thể chế tập quyền dành cho vua tất cả mọi quyền hành.

Nhưng sự tập quyền tối đa này đã dừng lại ở cấp huyện. Từ làng, xã trở đi thì quyền hành lại rất phân tán. Do tình trạng này đã nảy sinh ra bộ máy quan liêu. Tuy dân có bốn tầng lớp Sĩ, nông, công, thương nhưng Sĩ là một tầng lớp rất đặc biệt giúp cho vua cai trị dân, trong thực tế đến cấp huyện. Trong các làng, xã thì thân, hào, chức dịch cai trị.

Sau khi bàn sơ qua về các đế chế ở Trung Quốc, Nhật Bản, ông đã nhận định nhiều về đế chế tại Việt Nam, đã đưa ra những nhận xét về đặc điểm của Nho giáo Việt Nam, không có tâm học, không có thực học như Nho giáo Nhật Bản, Triều Tiên. Nhà Nho Việt Nam người nào cũng có một "ông quan" ở trong đầu. Tri thức nhà Nho Việt Nam là tri thức nông thôn. Cho đến cuối thế kỷ 19, Nho giáo Việt Nam vẫn có đủ những đặc tính đó. Một số nhà Nho Việt Nam đã vận động đổi mới Nho giáo Việt Nam để theo kịp Phương Tây nhưng vì không biết rõ về Tây học nên việc đổi mới này lại do chính những người Tây học thực hiện.

Từ năm 1960 đến nay, người ta nói nhiều về sự tái sinh của Nho giáo. Cuộc cách mạng tháng Tám tuy đã tạo nên đảo lộn ở nông thôn và đưa tới xây dựng chủ nghĩa xã hội nhưng rút lại cũng chỉ để lập lại thể chế Nho giáo. Bên trên vẫn là thể chế tập quyền. Bên dưới vẫn là thể chế làng xã với hợp tác hóa tập trung ở một bộ máy: đảng ủy. Tập trung ở trên, phân tán ở dưới, bộ máy quan liêu (cán bộ) ở giữa. Do đó cán bộ tướng mạo là "quan", là "cha mẹ dân". Cán bộ giống như "sĩ" thủa xưa. Nghĩa là Việt Nam lại trở về đời sống cũ.

Giáo sư Hựu cho rằng tuy nhiên không còn trở lại được lối sống "tình nghĩa" như xưa vì cái đó đã bị phá từ lâu rồi. Theo ông thay thế bộ máy tập trung ở trên không khó, nhưng thay thế phần dưới thì quả thật là khó. Con người Việt Nam ở nông thôn ít đổi mới, thiếu bản ngã cá nhân. Ngoài ra không có chính quyền địa phương nên chính quyền trung ương tất sẽ còn tồn tại lâu dài. Ông Hựu đã kết thúc buổi nói chuyện của ông bằng ba câu chuyện ông đã thâu thập được trong quá trình nghiên cứu nông thôn của ông từ mấy chục năm nay.

Trong cù tọa, có nhiều người muốn đặt cho diễn giả câu hỏi theo đó "phải chăng như vậy là thể chế chính trị hiện tại ở Việt Nam là một đế chế Nho giáo không có nhà Nho đồng thời lại là một chế độ xã hội chủ nghĩa với một nội dung Nho giáo? Như vậy, một cuộc Cách mạng tháng Tám đẫm máu, hai cuộc chiến tranh bài phong, đã thực, một cuộc đổi mới kéo dài gần mươi năm nay chỉ để đạt được thành tích bi thảm đó sao?" Rất tiếc là đã không có trao đổi ý kiến giữa hai bên nên không ai biết câu trả lời của giáo sư Hựu sẽ ra sao.

## Tù nhân chính trị Việt Nam được các báo của nước Pháp bảo trợ

Thứ năm 20-10-1994 tại quận 7 thủ đô Paris, tổ chức Ký giả không biên giới (Reporters sans frontières) đã thực hiện một chương trình ngoạn mục để lưu ý dư luận về số phận của những nhà văn, nhà thơ, nhà văn hóa bị tước đoạt quyền tự do tư tưởng.

Chừng 20 nhà hí họa nổi danh như Cabu, Chenez, Faizant, Pancho, Piem, Wolinski v. v... đã vẽ chung một đại tự báo (dazibao) để tặng nhà văn Bat Manoucherh Karimzadeh, bị kết án 10 năm tù vì đã có một hí họa diễu cợt giáo chủ Khomeiny!

Dịp này, những tờ báo trước đây đã bảo trợ các "đồng nghiệp" bị bỏ tù vì lý do nghề nghiệp, đã phổ biến một lời kêu gọi các độc giả, thính giả và khán giả của mình hãy viết thư cho các sứ quán các nước đã bỏ tù các ký giả để yêu cầu dừng bịt miệng ký giả. Tưởng cũng nên nhắc lại rằng từ 1989 đến nay, tổ chức Ký giả không biên giới đã bảo trợ được trên một trăm đồng nghiệp lâm nạn trong số đó hơn một nửa đã được phóng thích.

Nhưng các ký giả Việt Nam như Lê Đức Vượng (do báo Croissance et Alsace bảo trợ), Nguyễn Văn Thuận (do France Info và Journal du Dimanche bảo trợ), Phạm Đức Khâm (do RTL và Okapi bảo trợ) và Thái Như Siêu (do Témoignage chrétien và La voix du Nord bảo trợ) vẫn chưa được ra khỏi nhà tù.

## Thành phố Paris tiếp xúc với một số hội đoàn Việt Nam

Tối 17-10-1994 tại Tòa Đô Chính thành phố Paris, ông Paul Aurelli, hội viên Hội đồng thành phố Paris, phụ tá Đô trưởng J. Chirac đã cùng với gần hai mươi đại diện một số hội đoàn văn hóa, tôn giáo, xã hội hoạt động tại Paris và các vùng phụ cận thảo luận về các vấn đề liên quan tới đời sống của cộng đồng người Việt tại Paris.

Bên cạnh ông Paul Aurelli, người ta nhận thấy còn có sự hiện diện của mấy chuyên gia về các cộng đồng người Châu Á và một số viên chức hữu trách của Tòa Đô Chính Paris.

Sau mấy lời chào đón thường lệ, ông Paul Aurelli đã mời các đại diện các hội đoàn Việt Nam phát biểu ý kiến. Nhiều vấn đề đã được nêu lên như việc bầu cử đối với những người Pháp gốc Việt trong những cuộc bầu cử sắp tới, việc tài trợ cho cộng đồng người Việt về mặt truyền thông, việc cứu nguy các thuyền nhân Việt Nam sắp bị cường bách hồi hương v. v...

Trung tâm Việt Nam về nhân quyền đặc biệt yêu cầu thành phố Paris giúp đỡ các hội đoàn Việt Nam một cơ sở để hội họp, có trang bị một thư viện về văn hóa Việt Nam trong mối liên hệ với văn hóa Pháp. Ngoài ra trung tâm còn khẩn thiết kêu gọi thành phố thiết lập cho những người cao niên Việt Nam một viện dưỡng lão để họ khỏi bị sống những ngày cuối đời một cách cô lập trong một môi trường quá xa lạ với họ.

Ông Paul Aurelli đã ghi nhận các nguyện vọng, cho biết trong tương lai sẽ gặp lại các đại diện hội đoàn Việt Nam và sẽ đúc kết các nguyện vọng để sắp xếp một cuộc gặp gỡ giữa họ và Đô trưởng J. Chirac.

## Hội Chuyên Gia Việt Nam tổ chức Đại hội

Trong hai ngày 22 và 23-10 vừa qua, Hội Chuyên Gia Việt Nam, phản hội Pháp đã tổ chức Đại Hội Âu Châu với sự tham dự



## Một nhu cầu phổ thông

Nhân đọc tin 39 phụ nữ Việt Nam lần đầu tiên được đưa sang Liban làm các công việc "tạp dịch gia đình" (mục "Thời sự... Tin tức..., Thông Luận số 75), tôi không khỏi để ý đến cái giọng điệu rất đàm ông - cơ bắp của tờ báo về vấn đề này.

Theo tác giả "xuất khẩu lao động sang Liban để thu ngoại tệ là điều dễ hiểu nhưng đưa phụ nữ Việt Nam sang làm "đày tớ", thực chất là cung cấp xác thịt để đàn ông Liban giải trí, cho thấy chính quyền, cộng sản hiện nay... đang làm nhiệm vụ "đưa người cửa trước, rước người cửa sau".

Trước hết, để trấn an ngay người viết, ngược lại với điều mà ông xác quyết ("Hơn nữa, Liban không thiếu phụ nữ để làm những công việc đơn dẹp trong nhà"), theo hiểu biết của tôi thì đây là một nhu cầu phổ thông tại Liban từ nhiều thập niên nay. Cũng như ở Pháp, phụ nữ giúp việc nhà trước đây là Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha thì ở Liban trong những năm 50, 60 đảm nhận vai trò này là phụ nữ từ những nước lân bang như Syrie, Ai Cập. Trong những năm sau đó, lao động trong ngành này được xuất khẩu từ Erythrée, rồi Sri Lanka, Phi Luật Tân sang Liban, thường là qua trung gian các cơ sở dịch vụ chuyên nghiệp. Hợp đồng thường là hai năm một, sở phí dịch vụ trung gian và sở phí di chuyển, về phép do người chủ chịu, đồng lương hàng tháng khoảng \$400 Hoa Kỳ. Hiện tượng mượn người giúp việc ngoại quốc này phổ biến không những ở Liban mà còn ở rất nhiều nơi trên thế giới, như phụ nữ Trung Mỹ ở Hoa Kỳ, phụ nữ Indonesia ở Mã Lai, phụ nữ Phi ở Hồng Kông chẳng hạn, v.v.... Ngày chủ nhật nhân ngày nghỉ, ở bến tàu Hồng Kông có đến hàng ngàn phụ nữ Phi tụ tập để sinh hoạt, hàn huyên. Ngay tại Paris hay Bruxelles, buổi trưa ta có thể gặp phụ nữ bồng con người khác đi dạo ở những khu trưởng giả. Đại đa số người giúp việc nhà là phụ nữ độc thân nhưng cũng có những cặp vợ chồng hành nghề chung và ở cấp cao, thỉnh thoảng cũng có đàn ông (cá nhân tôi, nhận xách túi xách giỗ cho vợ, ở Beyrouth có lần đã bị nhận làm).

Dĩ nhiên, đây chẳng có gì đáng bàn đến nếu như Thông Luận viết: "xuất khẩu lao động là điều dễ hiểu". Phản ứng phẫn nộ của bản tin này chỉ dành riêng cho khía cạnh "phụ nữ" của vấn đề như cái tựa "xuất khẩu phụ nữ" (chứ không phải là "xuất khẩu lao động") cho ta thấy. Tôi đồng ý, phụ nữ bao giờ cũng... khó hiểu nên chắc là với mấy ngàn nam công nhân lao động ở Iraq trước đây người viết đã không có thái độ bị động chạm này. Nhất định, một nước Việt Nam hậu cộng sản sẽ phải bài trừ cái nhục nhã đó: phụ nữ Việt Nam sẽ được quyền lao động "tạp vụ gia đình" tại chỗ, cho những gia đình chủ thuần túy Việt Nam như họ và nếu có phải cung cấp xác thịt, thì sẽ chỉ riêng cho nhu cầu giải trí của đàn ông Việt Nam đích thực mà thôi.

Một điều chót, theo người viết bản tin "phụ nữ Liban còn nổi tiếng là đẹp" (?) Tuy đây chẳng liên hệ gì đến vấn đề xuất khẩu lao động, tôi cũng xin góp ý thêm là, phụ nữ Việt Nam cũng vậy! (Phụ nữ thì tôi chưa thấy ở đâu xấu cả). [...]

**Đỗ Khiêm** (Yorba Linda, Hoa Kỳ)

LTS: Tác giả bản tin mà bạn Đỗ Khiêm nêu trên đã muốn chứng tỏ mối lo ngại cho những phụ nữ Việt Nam cô đơn bị xuất khẩu đi lao động tại một nơi mà giá trị và tiết hạnh của người đàn bà không được bảo vệ. Tuy nhiên viết rằng xuất khẩu lao động phụ nữ "thực chất là để cung cấp xác thịt để đàn ông Liban giải trí" là một kết luận quá vội vàng và xúc phạm đến chính những người cần được bảo vệ. Thông Luận lấy làm tiếc.

## Chính trị quyền lợi

Nhân đọc bài "Quân Mỹ đổ bộ vào Haiti" (TL tháng 10-94) tôi có một vài ý kiến.

Bài báo rất hay và rất đúng khi nói đến chính trị của Tây Phương đối với các nước đang có một nền chính trị độc tài và hung bạo, nhân quyền bị chà đạp và tự do bị chối bỏ như Cuba, Bắc Hàn, Miến Điện, Trung Quốc và Việt Nam. Nếu thế giới tự do nói chung và Hoa Kỳ nói riêng, phải nhân danh dân chủ để giải phóng người dân của các nước này thì chế độ Việt Nam là chế độ đáng đánh nhất (...).

Qua sự đổ bộ của Hoa Kỳ vào Haiti, chúng ta mới thấy rõ chính trị Hoa Kỳ có nhiều mâu thuẫn nếu không muốn nói là chính trị quyền lợi. Tại sao Hoa Kỳ không đánh Việt Nam khi Việt Nam xâm lăng Cambodge, tại sao Hoa Kỳ không can thiệp khi Trung Quốc xâm chiếm các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam (...) Chúng ta hãy ý thức rằng sự kéo dài quá lâu của một chế độ ngoan cố có thể làm chết một quốc gia, Việt Nam đang cần thay đổi trong chiều hướng mới của thế giới và cũng đang cần có một nhân sự chánh trị, nhưng hầu hết trí thức lại không quan tâm đến chính trị.

(...) Người xưa đã nói "đất nước lâm nguy thất phu hữu trách", tri thức hải ngoại chúng ta nghĩ gì và chúng ta sẽ phải làm gì trong giai đoạn đầu sôi lửa bùng này? (...)

**Trần Văn Quới**, (Vitry sur Seine, Pháp)

## ĐẠI HỘI TẤU... TẤU... SỰ...

(Tiếp theo trang 29)

của hơn 120 hội viên từ khắp nơi qui tụ về. Đại hội Âu Châu kỳ này đặt trọng tâm vào vấn đề phát triển tại Việt Nam, nhất là phát triển về nhân lực.

Để quảng diễn cho chủ đề này, 14 thuyết trình viên và một số tham luận viên đã nêu ra những vấn đề xoay quanh việc: "Phát triển đòi hỏi xây dựng thượng tầng và hạ tầng cơ sở. Thượng tầng cơ sở là nhân sinh quan, hệ thống giá trị, phong tục tập quán, truyền thống có thể yểm trợ hoặc gây trở ngại cho phát triển. Hạ tầng cơ sở, sẽ được coi xét dưới khía cạnh tổ chức guồng máy y tế, phát minh hình thức giáo dục thích hợp với nông thôn. Chuyển giao kỹ thuật và kiến năng để nâng cao chất lượng, cải thiện hệ thống ngân hàng, quản trị xí nghiệp thuộc những thành tố then chốt của phát triển kinh tế..."(\*)

Theo chương trình, các đề tài trên được đề cập đến qua những bài phát biểu của những tham luận viên tại Pháp như các bà Bùi Phương Trâm, Vũ Mộng Lan, các ông Đăng Vũ Biền, Trương Minh Các, Lâm Hoài Châu, Nguyễn Kim Cương, Trần Cẩn Trọng. Ngoài ra còn có những hội viên đến từ Anh Quốc như các ông Nguyễn Bá Lệ, Dương Văn Thiệt, Lê Mạnh Hùng; từ Đức sang có ông Bùi Hạnh Nghi; Canada có ông Đỗ Quý Toàn; Thụy Sĩ có ông Lương Minh Đức và đến từ Hoa Kỳ là ông Vũ Quý Kỳ; những hội đoàn tại Paris cũng có mặt như Đoàn Khoa Học Kỹ Thuật Quang Trung, Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam tại Paris, Ai Hữu Việt kiều vùng Nam Paris...

Đại hội đã thu hút được một số các bạn trẻ quan tâm đến những vấn đề của đất nước đến từ các nước Âu Châu.

(\*) trích trong chương trình Đại hội

# Tạp ghi...

1. Jean Bertrand Aristide đã lấy lại chức vị tổng thống Haiti sau ba năm lưu vong. Ông bị tướng Cedras lật đổ, chạy sang Mỹ cầu cứu và được quân Mỹ đưa về ngồi lại ghế tổng thống. Có gì khác biệt giữa Jean Bertrand Aristide của Haiti và Lê Chiêu Thống của Việt Nam? Aristide có chính danh vì là tổng thống hợp pháp thì Lê Chiêu Thống cũng có chính danh vì là vị vua chính thống của Việt Nam; tổ tiên ông có công đánh đuổi ngoại xâm, giành độc lập và mở mang bờ cõi.

Trong lịch sử Việt Nam không có ai bị nguyễn rủa nhiều như Lê Chiêu Thống mặc dù ông yêu nước thực tình, đến lúc chết còn dặn quần thần sau này phải đem hài cốt mình về chôn trên đất tổ.

Còn Aristide? Việc ông về nước được cả thế giới, và dĩ nhiên mọi người Việt Nam, hoan nghênh như là một thắng lợi của loài người tiến bộ.

Cái mới của việc phục hồi Aristide là ở chỗ ông về nước cam kết thực hiện dân chủ và nhân quyền. Người Việt Nam chúng ta trong khi hoan nghênh biến cố Haiti cũng nên ý thức rằng trong thế giới ngày nay dân chủ và nhân quyền đã được đặt cao hơn hẳn độc lập. Chúng ta đang sống một thay đổi tâm lý rất lớn mà chúng ta đã chấp nhận nhưng chưa nói ra một cách công khai: Đất nước phải có dân chủ và nhân quyền hay sẽ không còn lý do tồn tại. Lý do tồn tại của nước Việt Nam thực ra đã tắt trong lòng rất nhiều người Việt. Mọi người về thăm nhà đều đồng ý ở một điểm: Người dân chỉ lo làm ăn và làm giàu, họ không muốn nghe nói tới dân chủ cũng không muốn bàn tới chuyện nước non, danh từ "yêu nước" trở thành lạt tai. Ít ai coi tình trạng này là một nguy cơ cho sự tồn vong của đất nước. Hay là sự tồn vong của đất nước không còn đáng quan tâm?

2. Nước Pháp rúng động. Lần đầu tiên trong lịch sử nền cộng hòa, một bộ trưởng, ông Alain Carignon, bị điều tra về tội tham nhũng phải từ chức và hai tháng sau bị tống giam. Một bộ trưởng khác, ông Gérard Longuet, cũng đang bị điều tra về tội tham nhũng và đã từ chức. Chính trường Pháp đang khủng hoảng. Nhiều người đã nói tới một chính quyền của các thẩm phán. (*gouvernement des juges*). Nhưng những cuộc khủng hoảng loại này, như người ta đã thấy tại Ý, tại Nhật, không làm cho chế độ yếu đi, mà làm cho nó lành mạnh hơn bởi vì dân chủ và nhà nước pháp trị được thể hiện một cách rõ rệt.

Một suy nghĩ bén lè: bản chất của hoạt động chính trị là phục vụ xã hội chứ không phải để làm giàu. Không thể làm chính trị để làm giàu. Muốn làm giàu thì phải vào doanh nghiệp chứ đừng vào chính trường. Lợi nhuận là lý tưởng của kẻ kinh doanh, trong khi thực hiện lý tưởng là lợi nhuận của kẻ hoạt động chính trị. Người ta có quyền chọn lựa nhưng không có quyền lẩn lộ.

3. Ông Trần Văn Anh là ai? Một tài liệu ký tên ông, tự xưng là "cựu sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa", đang được lưu hành khá rộng rãi trong nội bộ đảng cộng sản và được đem học tập tại nhiều chi bộ. Tài liệu bắt đầu bằng hàng chữ "California,

ngày 2 tháng 2 năm 1994", với tựa đề "Đối thoại với Bùi Tín" nhưng chỉ xuất hiện từ tháng 8-1994. Bài "đối thoại" không đối co gì với Bùi Tín mà lại chỉ nhằm mạt sát đạo Công giáo, từ chúa Giê-Su đến thánh kinh, đến các giáo hoàng. Đạo Công giáo được mô tả là một tổ chức tội ác kinh khủng nhất, so với Công giáo "Hitler, Stalin và Mao chỉ là những tay tập sự giết người". Tài liệu nhận định tại Việt Nam chỉ có một chọn lựa giữa cộng sản và Công giáo, và nếu bắt buộc phải chọn lựa thì dĩ nhiên phải chọn cộng sản.

Thông Luận, mà tài liệu gọi là "Khối Dân Chủ Da Nguyễn của Nguyễn Gia Kiêng" được chiếu có hai lần trong tài liệu, được đánh giá là có lập trường thật dân chủ, thật hấp dẫn và đã lôi kéo được nhiều trí thức thượng hạng cả trong lân ngoài nước, nhưng thực chất chỉ là một dụng cụ của Vatican (tài liệu quả quyết suông như vậy mà không đưa ra luận chứng nào).

Tai hải ngoại không ai biết ông Trần Văn Anh và cũng không ai được đọc tài liệu này. Ở trong nước tài liệu được truyền tay hay được gởi từ Biểu Điện Sài Gòn.

Đọc xong tài liệu người ta hiểu ngay. Bùi Tín chỉ là một cái cá. Thông Luận chỉ là đòn phụ. Ngay cả Công giáo cũng chỉ là đối tượng phụ. Đối tượng thực sự là Phật giáo. Nói rằng dân chủ, đa nguyên, đa đảng (mà Phật giáo đang đòi) chỉ là chiêu bài của Vatican và cuối cùng chỉ có Vatican hưởng lợi rõ ràng nhằm mục đích khơi lèn tinh thần chống Công giáo trong hàng ngũ Phật giáo và làm giảm khí thế đấu tranh của Phật giáo.

Ông Trần Văn Anh, ông tên thực là gì và giữ chức vụ nào trong bộ máy đảng mà đánh giá Phật giáo một cách ngây ngô như thế?

4. Đinh Quang Anh Thái từ Hawaï viết thư hỏi tôi: "Nghĩ thế nào về trường hợp Hoàng Phủ Ngọc Tường, anh ta có trách nhiệm lớn trong vụ thảm sát tại Huế nhưng giờ đây lại xuất hiện như một khuôn mặt trí thức tiến bộ".

Khi nhiều ngàn người vô tội bị thảm sát (bốn ngàn, hay năm ngàn, hay sáu ngàn?) thì trước hết cần đề cập tới với một thái độ rất thận trọng và khiêm tốn. Theo những gì tôi biết và suy luận, Hoàng Phủ Ngọc Tường chỉ cho mượn tên chứ có lẽ không có trách nhiệm trực tiếp nào. Dầu sao thì đối với một thảm kịch lớn như vậy để mắc tên vào cũng là một vấn đề lương tâm, cho một người có lương tâm. Nhưng điều kinh khủng gấp nhiều lần là, hơn mười năm sau đó, Hoàng Phủ Ngọc Tường còn tuyên bố, trong một phim truyền hình được chiếu tại Mỹ và Pháp, rằng những nạn nhân đó chỉ là những tên phản bội và (lời Hoàng Phủ Ngọc Tường) "*cách mạng giết chúng cũng như giết loài rắn độc mà thôi*". Người ta có thể tha thứ cho một bộ đội vì cuồng tín mà tàn sát các nạn nhân, nhưng thật không biết phải nghĩ thế nào về một người có ăn học, hơn mười năm sau vẫn còn mạt sát những người bị giết oan. Một người có liêm sỉ không thể ăn nói như thế với những người đã chết, dù cho họ có tội thực đì nữa. Cho tới nay, Hoàng Phủ Ngọc Tường chưa hề công khai hối tiếc câu nói đó. Có thể sau này Hoàng Phủ Ngọc Tường sẽ xin lỗi. Nhưng khoảng thời gian hơn mười năm từ biến cố đến lời tuyên bố đó và sự im lặng kéo dài cho đến nay là những sự kiện không thể xin lỗi được. Sẽ không ai có thể thuyết phục tôi rằng một người như Hoàng Phủ Ngọc Tường là một trí thức.

Nguyễn Gia Kiêng

## Sở Tay

### Hiến chương văn hóa

Trước hè tôi gởi biểu hán một số sách báo đủ loại và khoảng một chục tập thơ mà tôi mua với vã ở một tiệm sách Việt Nam. Tôi biết hán ham đọc sách và thích thơ.

Hán học với tôi ở trung học, xuất sắc trong tất cả mọi môn, vượt trội hơn cả mọi người. Bất ngờ vì hoàn cảnh gia đình hán phải bỏ học đi bán bánh mì thịt. Hán làm bánh mì thịt giỏi như đi học, bán rất chạy và sống thoải mái. Với thời gian tôi đã học lên và tốt nghiệp đại học. Trình độ học vấn của tôi đã vượt xa hán nhiều lắm, nhưng tôi vẫn sợ hán vì đã từng thua xa lắc xa lơ hán ngày trước. Cái sợ của tôi cũng giống như tâm lý con gà đã thua một lần rồi chạy mặt luân; hay của mấy ông chống cộng bị cộng sản đánh chạy te tua bảy giờ vẫn còn sợ, nhìn đâu cũng thấy toàn Việt Cộng, không dám nghĩ rằng cộng sản ngày nay chẳng có gì đáng sợ nữa.

Hán vượt biên qua Pháp, làm gác-dan cho một cao ốc ở ngoại ô Paris, có nhà ở, có chút tiền tiêu và vẫn sống thoải mái, không kèm theo số phận ai cả. Hán bảo tôi: "Tao không có tiền mua sách báo, mà có tiền mua sách nhưng không có thì giờ đọc, tốt nhất là mà mua cho tao đọc, có gì hay tao dạy lại mà". Hợp đồng văn hóa của chúng tôi là thế.

Sau hè, tôi đến ăn cơm và hàn huyên với hán. Câu chuyện đi vào văn học khi tôi nói:

- Tao phục mà sát đất. Mày học hành chẳng bao nhiêu mà nói tiếng Tây hay quá, cái đó khó lắm.

Hán đáp:

- Đúng, nhưng vẫn không khó bằng tìm được một trí thức Việt Nam nói và viết thông thạo tiếng Việt, dù ở Việt Nam hay hải ngoại. Cái văn hiến bốn ngàn năm của mình chỉ là một huênh hoang téu. Minh thiếu văn hóa quá, mà tất cả vấn đề là ở đó. Tiến bộ, phát triển hay không thực ra chỉ là một vấn đề văn hóa. Cứ xem bọn khoa bảng chúng mày, kiến thức có thua thằng Tây, thằng Mỹ nào đâu, họ Việt Nam khéo tay không kém họ Tây, họ Mỹ, họ Nhật, mà lại chăm làm, thế mà sao nước mình lại không đứng đến gót chân nước người ta? Đây là bởi văn hóa của mình không ra gì. Minh lúc nào cũng lén ghen, cũng quá khích, cũng chỉ chực ăn thua đủ với nhau, đó là một thái độ thiếu văn hóa. Tâm lý của mình là cái tâm lý kém mỏ mang. Còn khả năng truyền thông của người Việt mình thì thực là quá tồi. Cứ đọc mấy cuốn sách và mấy tờ báo mày cho tao là đủ thấy, vừa không có ý, vừa không biết diễn đạt. Truyền thông như thế cho nên chẳng ai hiểu rồi xung đột nhau, thù hận nhau và đòi tiêu diệt nhau. Một khả năng truyền thông tối thiểu là điều kiện tiên quyết để có hòa bình. Chiến tranh tự nó cũng là một hiện tượng thiếu văn hóa. Nước mình chiến tranh nhiều cũng vì văn hóa mình kém, chứ

không phải vì mình anh hùng hay bất khuất.

Như nhớ ra chuyện gì, hán nói tiếp:

- Mấy tập thơ mày gửi cho tao chỉ có hai tập thơ đó. Những tập khác không những không phải là thơ mà còn là một xúc phạm đối với thơ. Hình như các ngài định nghĩa thơ là những câu ngắn có vần ở máy chữ cuối. Ai cũng làm thơ, cũng xuất bản tác phẩm. Thật là bất lịch sự. Thơ đâu có phải vậy. Tao chẳng biết thế nào là thơ, nhưng tao biết cái gì không phải là thơ. Thơ phải có ý riêng, phải có âm thanh riêng và cũng phải có cách diễn tả riêng. Thơ là riêng. Riêng của tác giả và riêng của mỗi bài thơ của tác giả. Thơ là cá nhân. Mỗi bài thơ là một cá nhân, càng cá nhân bao nhiêu càng là thơ bao nhiêu.

Một trăm người làm thơ thì chỉ có một nhà thơ, hai ba anh tập làm thơ, còn lại là những anh chửi cha thơ. Tầm bậy nhất là mấy anh lanh tụ làm thơ. Bảo Đại, Ngô Đình Diệm, Nguyễn Văn Thiệu ít ra cũng chưa đến nỗi tang tân lương tâm. Họ không làm thơ. Còn mấy cha cộng sản thì quá Jám. Thơ Hồ Chí Minh, thơ Tố Hữu, thơ Lê Duẩn, v.v..., cả Lê Đức Thọ cũng làm thơ. Thối quá. Không phải là thơ con cút mà thơ con... (hán văng tục). Tiên sư nô, cái tội gì có thể tha thứ cái tội làm thơ không tha được. Ai chửi bọn bây giờ chứ tao thấy tội nó khá hơn. Lê Đức Anh, Đỗ Mười không làm thơ, Võ Văn Kiệt, Đào Duy Tùng không làm thơ, kể ra cũng có tí giáo dục. Mày có biết tại sao nước mình khổn nạn không? Ấy là bởi vì chúng nó làm chính trị cầu thả như chúng nó làm thơ. Văn hóa mình không khá bởi vì người ta làm thơ như bọn lanh tụ làm chính trị. Tầm bậy tầm bạ cả. Minh cần một hiến chương văn hóa.

- Hiến chương văn hóa ấy như thế nào?

- Tao không phải là luật gia nên không muốn đi vào chi tiết, chỉ đưa ra những ý chính. Thơ lục bát, song thất lục bát, thất ngôn bát cú, v.v... nói chung thơ có sẵn âm luật không phải là thơ, muốn làm phải có giấy phép. Thơ đấu tranh là thơ thói, cấm làm. Kẻ nào làm thơ vô duyên bị phạt tội phóng uế.

Về văn phải nghiêm khắc hơn nữa. Văn phải chính, phải có ý, ý phải được diễn tả minh bạch và lương thiện. Kẻ nào viết câu văn dở mà còn dài quá 50 chữ bị phạt vạ, dài quá 100 chữ bị cấm viết văn. Tác giả nào viết sai chính tả và ngữ pháp bị tịch thu tác phẩm. Dứa nào viết nghị luận rỗng nghĩa bị phạt học lại tiểu học, nếu vừa rỗng nghĩa lại vừa kêu thì bị phạt ăn phở với rau muống. Nhại lại điều đã cũ rich mà còn huênh hoang thì bị tước quyền công dân. Tổ chức chính trị nào viết cương lĩnh sai cũ pháp sẽ bị giải tán, những người lãnh đạo bị tống giam.

Hán dặn dò thêm:

- Đó là những ý kiến của tao, tụi mày bàn với nhau rồi giao cho luật sư soạn dự thảo hiến chương đó, nhớ viết đúng văn phạm.

Tôi về bàn với tổ chức. Ban lãnh đạo nhất trí bác bỏ đề nghị của tôi vì hai lý do. Một là chính mình có nguy cơ bị giải tán theo hiến chương. Hai là người ta sẽ nghĩ là mình dọn đường đàn áp nhiều chính đảng, kể cả đảng cộng sản, như thế trái với đường lối dân chủ đa nguyên. Hiến chương văn hóa không thành.

Phu Du

Giá báo một năm: Âu Châu 200 FF hoặc tương đương

Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề  
VIET NAM FRATERNITE (xin đừng đề Thông Luận)

Thông Luận  
hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp  
mọi ủng hộ tài chính  
và cảm ơn quý vị cố động để phổ biến nó

## THÔNG LUẬN

### Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số  
(tháng 7 và 8 chỉ ra một số)

Địa chỉ liên lạc:

Association VietNam Fraternité, 24 Square des Cottages  
91200 ATHIS-MONS, FRANCE